ĐỀ CƯƠNG MÔN NGỮ VĂN LỚP 12
NĂM HỌC 2023-2024

PHẦN 1 : VĂN HỌC VIỆT NAM

KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 ĐẾN HẾT THẾ KỈ XX

I. Khái quát VHVN từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến năm 1975

1. Những nét chính về lịch sử, xã hội, văn hoá:

- Nền văn học vận động, phát triển dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, thống nhất về tư tưởng, tổ chức và về quan niệm nhà văn kiểu mới : **nhà văn – chiến sĩ.**
- Cuộc chiến tranh kéo dài suốt 30 năm đã tác động mạnh mẽ, sâu sắc tới đời sống vật chất và tinh thần của dân tộc trong đó có văn học nghệ thuật.
- Điều kiện giao lưu với nước ngoài về tư tưởng, văn hóa, văn học có nhiều hạn chế, chủ yếu tiếp xúc và chịu ảnh hưởng của văn hóa các nước XHCN (Liên Xô, Trung Quốc…)

2. Quá trình phát triển và những thành tựu chủ yếu:

a. Những chặng đường phát triển:

- **1945 - 1954**: Văn học thời kì kháng chiến chống Pháp
- **1955 - 1964**: Văn học trong những năm xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất đất nước ở miền Nam.

– **1965 -1975:** Văn học thời kì chống Mỹ cứu nước.

b. Những thành tựu và hạn chế:

– Thực hiện xuất sắc nhiệm vụ lịch sử giao phó, thể hiện hình ảnh con người Việt Nam trong chiến đấu và lao động.

– Tiếp nối và phát huy những truyền thống tư tưởng lớn của dân tộc: truyền thống yêu nước, truyền thống nhân đạo và chủ nghĩa anh hùng.
– Những thành tựu nghệ thuật lớn về thể loại, về khuynh hướng thẩm mĩ, về đội ngũ sáng tác, đặc biệt là sự xuất hiện những tác phẩm lớn mang tầm thời đại.
– Tuy vậy, văn học thời kì này vẫn có những hạn chế nhất định: giản đơn, phiến diện, công thức,…

3. Đặc điểm cơ bản của VHVN từ năm 1945 đến năm 1975 :

a. Nền văn học chủ yếu vận động theo hướng cách mạng hóa, gắn bó sâu sắc với vận mệnh chung của đất nước :

– Tư tưởng chủ đạo là tư tưởng cách mạng, văn học là thứ vũ khí phục vụ sự nghiệp kháng chiến.

– Gắn bó sâu sắc với vận mệnh chung của đất nước nên quá trình vận động và phát triển của nền văn học bắt nhịp với từng chặng đường lịch sử của dân tộc, theo sát từng nhiệm vụ chính trị của đất nước.

b. Nền văn học hướng về đại chúng :

– Văn học có cái nhìn mới về nhân dân lao động. Nhân dân lao động vừa là đối tượng phản ánh, vừa là đối tượng phục vụ, bổ sung lực lượng sáng tác cho văn học.

– Tác phẩm ngắn gọn, nội dung dễ hiểu, chủ đề rõ ràng.

c. Nền văn học chủ yếu mang khuynh hướng sử thi và cảm

hứng lãng mạn :

- Khuynh hướng sử thi: Văn học phản ánh những vấn đề cơ bản nhất, có ý nghĩa sống còn của đất nước. Nhân vật chính tiêu biểu cho lí tưởng dân tộc, gắn bó số phận mình với số phận đất nước, kết tinh những phẩm chất cao quí của cộng đồng. Lời văn mang giọng điệu trang trọng, hào hùng thiên về cảm hứng ngợi ca, ngưỡng mộ.
- Cảm hứng lãng mạn: Khẳng định phương diện lí tưởng. Tác phẩm mang nội dung trữ tình sôi nổi, ngợi ca cuộc sống mới, vẻ đẹp của con người mới, luôn hướng về lí tưởng, tương lai với tinh thần lạc quan cách mạng.

II. Những nét khái quát của VHVN từ sau 1975 đến hết thế kỉ XX :

1. Hoàn cảnh lịch sử, xã hội và văn hoá:

- Cuộc kháng chiến chống Mỹ kết thúc thắng lợi mở ra một thời kì mới: Thời kì độc lập, tự do và thống nhất đất nước.
- Từ 1986, với công cuộc đổi mới của Đảng, kinh tế nước ta từng bước chuyển sang kinh tế thị trường. Đất nước đổi mới thúc đẩy nền văn học đổi mới.

2. Những chuyển biến và một số thành tựu ban đầu:

- Từ sau năm 1975, thơ không tạo được sự lôi cuốn hấp dẫn như ở giai đoạn trước, nhưng vẫn tạo được sự chú ý của người đọc.
- Từ sau năm 1975, văn xuôi có nhiều khởi sắc hơn thơ ca. Các nhà văn muốn đổi mới cách viết về chiến tranh, cách tiếp cận hiện thực đời sống.
- Từ năm 1986, văn học chính thức bước vào chặng đường đổi mới. Văn học gắn bó hơn, cập nhật hơn những vấn đề của đời sống hàng ngày. Phóng sự có điều kiện phát triển mạnh, nhiều truyện ngắn có giá trị nghệ thuật cao.

- Từ sau năm 1975, kịch nói phát triển mạnh mẽ. Lí luận, nghiên cứu, phê bình văn học cũng có sự đổi mới.

III. <u>Kết luận</u>: SGK trang 17, 18

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

- HỒ CHÍ MINH -

PHẦN I: TÁC GIẢ HỒ CHÍ MINH (1890-1969)

I. <u>Vài nét về tiểu sử:</u>

- Hồ Chí Minh sinh ngày 19-5-1890 tại Kim Liên- Nam Đàn-Nghệ An trong một gia đình nhà nho nghèo yêu nước.
- 1911 từ bến Nhà Rồng, Người ra đi tìm đường cứu nước.
- 1920 Người dự Đại hội Tua và trở thành thành viên sáng lập Đảng cộng sản Pháp.
- 1923-1941: Bác hoạt động cách mạng ở Pháp, Liên Xô, Trung Quốc, Thái Lan…
- 3/2/1930 người thống nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng cộng sản Việt Nam.
- 2/1941: Bác về nước lãnh đạo phong trào cách mạng tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền.
- 8/1942 - 9/1943: Người bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam khi sang Trung Quốc tranh thủ sự viện trợ quốc tế.
- 9/1943 Người về nước, lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam.
- 2/9/1945 Bác Hồ đọc "Tuyên ngôn Độc lập" khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa
- 1946 - 1969: Bác làm Chủ tịch nước.
- Bác từ trần ngày 2/9/1969.

II. Sự nghiệp văn học:

1. Quan điểm sáng tác của Hồ Chí Minh.

a. HCM coi văn học là một thứ vũ khí chiến đấu lợi hại phụng sự cho sự nghiệp cách mạng: "Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận, anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy".

Trong bài: Cảm tưởng đọc *"Thiên gia thi"* Người đã viết:

" Nay ở trong thơ nên có thép
Nhà thơ cũng phải biết xung phong"

b. HCM luôn quan niệm văn chương phải có tính chân thật và tính dân tộc:

- Người yêu cầu văn nghệ sĩ phải "*miêu tả cho hay, cho chân thật cho hùng hồn*" những đề tài phong phú của hiện thực cách mạng.
- Người chủ trương phải phát huy cốt cách dân tộc, có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

c. HCM đặc biệt coi trọng mục đích, đối tượng thưởng thức để lựa chọn nội dung và hình thức của tác phẩm. Khi cầm bút, Người bao giờ cũng xuất phát từ đối tượng (viết cho ai?) và mục đích tiếp nhận (Viết để làm gì?) để quyết định nội dung (Viết cái gì?) và hình thức (Viết như thế nào ?) của tác phẩm.

2. Di sản văn học:

a. Văn chính luận:

❖ Mục đích, nội dung:

- Đấu tranh chính trị trực diện với kẻ thù.
- Tố cáo tội ác của thực dân Pháp.
- Kêu gọi tinh thần đoàn kết đấu tranh, thể hiện khát vọng tự do, độc lập.

❖ Giá trị:

– Tác phẩm thể hiện lý trí sáng suốt, trí tuệ sắc sảo, tình cảm sâu sắc mãnh liệt của tác giả.

– Lời văn chặt chẽ, súc tích, dẫn chứng phong phú, chính xác.

❖ Các tác phẩm tiêu biểu:

Bản án chế độ thực dân Pháp (1925) ; *Tuyên ngôn độc lập* (1945); *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* (19-12- 1946) ; *Không có gì quí hơn độc lập tự do* (1966)

b. Truyện và kí:

❖ Mục đích, nội dung:

– Tố cáo tội ác của bọn thực dân và tay sai đối với nhân dân các nước thuộc địa đồng thời ca ngợi những tấm gương yêu nước và Cách mạng.

❖ Giá trị:

– Cốt truyện ngắn gọn, súc tích, bút pháp hiện đại, nghệ thuật trần thuật linh hoạt, tình huống truyện độc đáo, hình tượng sinh động thể hiện một tài năng, một trí tuệ sâu sắc.

❖ Tác phẩm tiêu biểu:

Lời than vãn của bà Trưng Trắc (1922), *Vi hành* (1923), *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu* (1925), *Nhật kí chìm tàu* (1931)

c. Thơ ca:

❖ Mục đích, nội dung:

– Một số bài thơ được viết nhằm mục đích tuyên truyền.

– Thơ ca phản ánh tâm hồn và nhân cách cao đẹp của người chiến sĩ cách mạng Hồ Chí Minh: một nghị lực phi thường, một phong thái ung dung tự tại, một tâm hồn hòa hợp với thiên nhiên, một bản lĩnh cách mạng vĩ đại, luôn lạc quan tin tưởng vào tương lai.

❖ Tác phẩm tiêu biểu:

Nhật ký trong tù; Thơ chữ Hán Hồ Chí Minh; Thơ Hồ Chí Minh.

3. Phong cách nghệ thuật của Hồ Chí Minh.

Phong cách nghệ thuật Hồ Chí Minh độc đáo, đa dạng mà thống nhất

a. Văn chính luận :

Ngắn gọn, súc tích, lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, bằng chứng đầy sức thuyết phục, giàu tính luận chiến và đa dạng về bút pháp, giàu hình ảnh, giọng điệu đa dạng.

b. Truyện và kí:

Thể hiện tính chiến đấu mạnh mẽ và nghệ thuật trào phúng sắc bén. Tiếng cười trào lộng nhẹ nhàng mà thâm thúy sâu cay. Thể hiện chất trí tuệ sắc sảo và hiện đại.

***c. Thơ ca*:** Thể hiện một cách sâu sắc và tinh tế vẻ đẹp tâm hồn của Hồ Chí Minh.

- Thơ tuyên truyền: lời lẽ giản dị, mộc mạc mang màu sắc dân gian hiện đại, dễ thuộc, dễ nhớ, có sức tác động lớn.
- Thơ nghệ thuật: hàm súc, uyên thâm, giàu tính nghệ thuật, có sự kết hợp độc đáo giữa bút pháp cổ điển và hiện đại, chất trữ tình và tính chiến đấu, giữa sự trong sáng giản dị và hàm súc sâu xa.

III. <u>Kết luận</u>

- Thơ văn Hồ Chí Minh là một bộ phận gắn bó với sự nghiệp cách mạng của Người; không thể hiểu thấu hết thơ văn của Người nếu tách rời sự nghiệp cách mạng của Người.
- Qua sự nghiệp CM và di sản văn chương vô giá, HCM xứng đáng là ‘một tâm hồn vĩ đại của bậc đại trí, đại nhân, đại dũng”.

PHẦN II: TÁC PHẨM " TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP"

I. TÌM HIỂU CHUNG:

1. Hoàn cảnh ra đời của Tuyên ngôn độc lập(TNĐL):

❖ **Thế giới:**

– Đế quốc và thực dân đang âm mưu chiếm lại nước ta (phía Bắc: quân Tàu - Tưởng ngấp nghé ngoài biên giới; phía Nam: quân Pháp đang tiến vào Đông Dương)

– Nhà cầm quyền Pháp tuyên bố: Đông Dương là đất bảo hộ của Pháp bị Nhật xâm chiếm nay Nhật đã đầu hàng nên đương nhiên phải thuộc về Pháp.

❖ **Trong nước:**

– Ngày19/8/1945 CM tháng Tám thành công, chính quyền về tay nhân dân.

– Ngày 26/8/1945 chủ tịch HCM từ chiến khu Việt Bắc về Hà Nội, tại căn nhà 48 phố Hàng Ngang, Người soạn thảo "Tuyên ngôn độc lập".

– Ngày 2/9/1945 trước hàng chục vạn đồng tại Quảng trường Ba Đình - Hà Nội, Người thay mặt Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước VN mới.

2. Mục đích sáng tác của TNĐL:

– Tuyên bố nền độc lập tự do của dân tộc, chấm dứt chế độ phong kiến.

– Ngăn chặn âm mưu tái xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp và âm mưu xâm lược của các nước Đế quốc khác.

– Bác bỏ lí lẽ, luận điệu xảo trá của thực dân tranh thủ sự

đồng tình của dư luận quốc tế.

3. Giá trị của bản TNĐL:

- Là văn kiện có giá trị lịch sử to lớn, là mốc son mở ra kỉ nguyên độc lập tự do trên đất nước ta.
- Là áng văn chính luận đặc sắc: lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, bằng chứng xác thực đầy sức thuyết phục.
- TNĐL là áng văn tâm huyết của HCM hội tụ vẻ đẹp tư tưởng và tình cảm của Người, đồng thời kết tinh khát vọng cháy bỏng về độc lập tự do của dân tộc.

II. <u>TÌM HIỂU VĂN BẢN</u>:

1. Cơ sở pháp lí và lập trường chính nghĩa của TNĐL.

❖ ***Nội dung*** : Nêu và khẳng định quyền con người, quyền dân tộc bằng cách:

- Mở đầu bản Tuyên ngôn, HCM đã trích dẫn 2 bản tuyên ngôn về quyền con người: Tuyên ngôn độc lập của Mĩ (1776) và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp (1791) nhằm đề cao những giá trị của tư tưởng nhân đạo và văn minh nhân loại. Cả hai bản tuyên ngôn nêu nguyên lí cơ bản về quyền bình đẳng, độc lập của con người.
- Từ quyền bình đẳng tự do của con người tác giả đã suy rộng ra về quyền bình đẳng, tự do của các dân tộc trên thế giới *"câu ấy có nghĩa là: tất cả dân tộc…tự do"*. Đây là sự sáng tạo của tác giả vừa mang tầm vóc quốc tế, vừa mang ý nghĩa nhân đạo của nhân loại trong thế kỉ XX

❖ ***Ý nghĩa của việc trích dẫn hai bản tuyên ngôn :***

- Làm cơ sở pháp lí cho TNĐL của VN vì đây là những bản

tuyên ngôn tiến bộ, được cả thế giới thừa nhận.

– Trích tuyên ngôn của Mĩ để tranh thủ sự ủng hộ của Mĩ và phe Đồng minh; trích tuyên ngôn của Pháp để sau đó buộc tội Pháp đã lợi dụng lá cờ "tự do, bình đẳng, bác ái" đến cướp nước ta, làm trái với tinh thần tiến bộ của chính bản tuyên ngôn mà người Pháp đã xây dựng nên.

→ Đó là chiến thuật sắc bén " gậy ông đập lưng ông" , vừa khéo léo vừa kiên quyết và rất cao tay để khóa miệng đối phương.

Khẳng định tư thế đầy tự hào của dân tộc (đặt ba cuộc cách mạng, ba nền độc lập, ba bản tuyên ngôn ngang hàng nhau).

❖ ***Nghệ thuật :***

– Lập luận sáng tạo, tài tình, lời lẽ sắc bén, đanh thép HCM đã xác lập cơ sở pháp lí của bản tuyên ngôn , nêu cao lập trường chính nghĩa của ta, đặt ra vấn đề cốt yếu là độc lập dân tộc .

2. Cơ sở thực tiễn của bản TNĐL

❖ ***Cơ sở 1: Tố cáo tội ác của thực dân Pháp.***

– Tội ác trong 80 năm:

+ Thực dân Pháp đã phản bội và chà đạp lên chính nguyên lí mà tổ tiên họ xây dựng như một thành tựu của tư tưởng và văn minh nhân loại. Chúng lợi dụng lá cờ tự do bình đẳng, bác ái nhằm mị dân, che dấu tội ác trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa.

+ Vạch trần bản chất xảo quyệt, tàn bạo và man rợ của TD Pháp bằng những lí lẽ và sự thật lịch sử không thể chối cãi

được. Cụ thể:

Về chính trị : không có tự do , chia để trị.

Về kinh tế: bóc lột dã man, cướp không ruộng đất hầm mỏ.

Về văn hóa : thi hành chính sách ngu dân.

→ Đoạn văn bác bỏ luận điệu "*Khai hoá*"của Pháp, có giá trị như bản cáo trạng súc tích, đanh thép, đầy phẫn nộ trước tội ác tày trời của thực dân Pháp, gây xúc động hàng triệu con tim.

– Tội ác trong 5 năm : (1940-1945)

+ Bán nước ta 2 lần cho Nhật (bảo hộ).

+ Phản bội đồng minh, thậm chí thẳng tay khủng bố, giết chết tù chính trị ở Yên Bái, Cao Bằng.

→ Đoạn văn bác bỏ luận điệu "*Bảo hộ"* của Pháp. Những âm mưu thâm độc, tàn bạo và bộ mặt hèn nhát của TD Pháp đã bị phơi bày khiến lòng người phẫn nộ, sôi sục căm thù.

❖ ***Cơ sở 2: Quá trình đấu tranh giành độc lập của dân tộc VN.***

– Gan góc chống ách nô lệ của pháp hơn 80 năm .

– Gan góc đứng về phe đồng minh chống phát xít.

– Khoan hồng với kẻ thù bị thất thế .

– Giành độc lập từ tay Nhật chứ không phải từ tay Pháp.

– Bản tuyên ngôn cũng khẳng định thực tế lịch sử: nhân dân ta nổi dậy giành chính quyền, lập nên nước VNDCCH.

– Những luận điệu khác của các thế lực phản cách mạng quốc tế cũng bị phản bác mạnh mẽ bằng những chứng cớ xác

thực, đầy sức thuyết phục:

+ Cuộc đấu tranh mấy mươi năm giành độc lập của dân tộc ta.

+ Ý nghĩa của cuộc CMT8 dưới sự lãnh đạo của mặt trận Việt Minh.

→ Với biện luận chặt chẽ, logic, từ ngữ sắc sảo, cấu trúc đặc biệt, nhịp điệu dồn dập, điệp ngữ "sự thật là" như một chân lí không thể chối cãi được.

❖ ***Cơ sở 3: Phủ định chế độ thuộc địa thực dân Pháp và khẳng định quyền độc lập, tự do của dân tộc.***

– Phủ định dứt khoát, triệt để (thoát ly hẳn, xóa bỏ hết..) mọi đặc quyền, đặc lợi của thực dân Pháp trên đất nước VN.

– Khẳng định mạnh mẽ quyền độc lập, tự do của dân tộc.

– Nghệ thuật: lối hành văn với hệ thống móc xích và khẳng định tuyệt đối.

3. Tuyên bố độc lập trước thế giới.

– Tuyên bố thoát li hẳn quan hệ với thực dân Pháp.

– Kêu gọi toàn dân VN đoàn kết chống lại âm mưu của thực dân Pháp "Toàn dân ...Pháp"(t/41).

– Kêu gọi cộng đồng quốc tế công nhận quyền độc lập, tự do của VN căn cứ vào những điều khoản ở Hội nghị Tê-hê-răng và Cựu Kim Sơn và khẳng định quyết tâm bảo vệ quyền độc lập tự do ấy "Nước VN có quyền……Toàn thể dân" (T/41) như một lời thề thiêng liêng mang ý nghĩa lịch sử.

– Là lời tuyên bố thể hiện lí lẽ đanh thép vững vàng của chủ tịch HCM về quyền tự do, độc lập của dân tộc.

→ Khát vọng tự do của cả dân tộc thể hiện qua giọng văn hào hùng mãnh liệt đầy niềm tin. Cụm từ " tự do độc lập" được nhắc đi nhắc lại một cách kiêu hãnh khẳng định vị thế bình đẳng của nước ta trên toàn thế giới .

III. KẾT LUẬN

TÂY TIẾN

- QUANG DŨNG-

I .TÌM HIỂU CHUNG.

1. Tác giả:

– Quang Dũng (1921- 1988) là nghệ sĩ đa tài: làm thơ, vẽ tranh, viết văn, soạn nhạc…

– Là một hồn thơ phóng khoáng, hồn hậu, lãng mạn và tài hoa đặc biệt là khi viết về người lính.

– Năm 2001, ông được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật.

2. Hoàn cảnh sáng tác:

– Tây Tiến là một đơn vị quân đội thành lập đầu năm 1947 có nhiệm vụ phối hợp với bộ đội Lào, bảo vệ biên giới Việt – Lào, đánh tiêu hao lực lượng quân đội Pháp ở Thượng Lào cũng như ở miền tây Bắc bộ VN.

– Địa bàn đóng quân và hoạt động của đoàn quân Tây Tiến khá rộng, bao gồm các tỉnh Sơn La, Lai Châu, Hòa Bình,

miền tây Thanh Hóa và cả Sầm Nưa (Lào).

- Chiến sĩ Tây Tiến phần đông là thanh niên Hà Nội, trong đó có nhiều học sinh, sinh viên. Họ sinh hoạt và chiến đấu trong điều kiện thiếu thốn, gian khổ nhưng vẫn rất lạc quan và dũng cảm.
- Đoàn quân Tây Tiến sau một thời gian hoạt động ở Lào, trở về Hòa Bình thành lập trung đoàn 52. Cuối năm 1948, Quang Dũng chuyển sang đơn vị khác. Rời xa đơn vị cũ chưa lâu, tại Phù Lưu Chanh, Quang Dũng viết bài thơ "Nhớ Tây Tiến". Khi in lại trong tập "Mây đầu ô" tác giả đổi thành "Tây Tiến".

3. Chủ đề:

- Bài thơ là nỗi nhớ sâu sắc, mãnh liệt của Quang Dũng về Tây Tiến, về cảnh núi rừng Tây Bắc hùng vĩ, mỹ lệ và vẻ đẹp bi tráng của người chiến sĩ Tây Tiến hào hoa, hào hùng.
- Tác phẩm ca ngợi nét đẹp lãng mạn đã làm nên chủ nghĩa anh hùng cao đẹp của người chiến sĩ trong kháng chiến chống Pháp.

II. TÌM HIỂU VĂN BẢN.

1. Đoạn 1 (14 câu đầu): Những cuộc hành quân gian khổ của đoàn quân Tây Tiến và khung cảnh thiên nhiên miền Tây Bắc hùng vĩ và thơ mộng.

a. ***Nhớ không gian núi rừng (2 câu đầu):***

Sông Mã xa rồi... ...nhớ chơi vơi

- Hình ảnh "sông Mã" mở đầu bài thơ, mở đầu nỗi nhớ bởi đó là dòng sông kỉ niệm, dòng sông lịch sử, gắn liền với địa bàn hoạt động của đoàn quân Tây Tiến.
- Tiếng gọi tha thiết vang lên thật thân thương, gần gũi "*Tây*

Tiến ơi!". Từ câu thơ ta cảm nhận được sự gắn bó của tác giả đối với Tây Tiến. Gọi Tây Tiến là gọi cả đồng đội, gọi cả chính mình. Sông Mã, Tây Tiến và núi rừng đồng hiện lên trong nỗi nhớ.

– Điệp từ " *Nhớ*" kết hợp với tính từ "*chơi vơi*" khiến cho nỗi nhớ như có dáng hình, bồng bềnh trong không gian, xuyên suốt cùng thời gian, âm điệu tha thiết, bâng khuâng, sâu lắng.

→ Nỗi nhớ da diết , bao trùm cả không gian và thời gian.

b. ***Nhớ chặng đường hành quân gian khổ (C3→C14):***

❖ **Địa bàn hoạt động của đoàn quân Tây Tiến:**

Biện pháp liệt kê với hàng loạt địa danh xa xôi, hiểm trở. Từ sông Mã đến Sài Khao, Mường Lát, xuyên qua biên giới Việt-Lào đến Pha Luông, Mường Hịch, Mai Châu trở về tổ quốc, gợi lên cảm giác về một địa bàn rộng lớn, hoang vu, hẻo lánh.

❖ **Thiên nhiên núi rừng Tây Bắc:**

– Hình ảnh vừa hư vừa thực " *Sài Khao sương lấp.....Mường Lát hoa về trong đêm hơi"*: gợi vẻ đẹp hoang dã, thơ mộng của núi rừng, làm nổi bật sự hào hùng, nét đẹp lãng mạn của người lính.

– Hình ảnh *đoàn quân mỏi* gợi nỗi mệt mỏi, gian nan của cuộc quân hành, đoàn quân như bị khuất lấp đi, trĩu nặng xuống trong màn sương dày đặc. Câu thơ với hình ảnh nhẹ nhàng nhưng hiện rõ sự khắc nghiệt của thời tiết miền núi.

– Hình ảnh *"hoa về* …" trong câu thơ toàn vần bằng nhẹ nhàng gợi hình ảnh những bông hoa rừng lấp loá giữa màn sương thể hiện tâm hồn lãng mạn lạc quan, yêu đời của

người lính.

– Nhớ núi rừng với địa hình hiểm trở.

Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm

Heo hút cồn mây súng ngửi trời

*Ngàn thước lên cao, ngàn thước xu*ống

Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi

+ Đoạn thơ sử dụng điệp từ "*dốc"*, điệp ngữ "*ngàn thước"* kết hợp với hàng loạt từ láy gợi hình "*khúc khuỷu, thăm thẳm, heo hút*" giàu chất tạo hình như vẽ lại con đường hành quân đầy gian nan, nguy hiểm, tô đậm cái dữ dội, hiểm trở, xa hút của núi rừng miền Tây Bắc.

+ Câu thơ nhiều thanh trắc diễn tả sự gập ghềnh, gấp khúc tạo âm điệu nặng nề, nhọc nhằn.

+ Nghệ thuật đối kết hợp với dấu phẩy giữa dòng "*ngàn thước....xuống"*: như bẻ gãy câu thơ thành hai nửa lộ rõ hai sườn dốc, nhìn lên là vách đá cheo leo, nhìn xuống là vực sâu thăm thẳm và người lính trong tư thế chênh vênh đầy hiểm nguy rình rập ấy.

+ Nghệ thuật nhân hóa "*súng ngửi trời"* được dùng rất hồn nhiên, táo bạo vừa ngộ nghĩnh, vừa có chất tinh nghịch của người lính. Núi cao tưởng chừng như chạm mây, mây nổi thành cồn, người lính trèo lên những ngọn núi cao dường như đi trong mây, mũi súng chạm tới đỉnh trời. Người lính đã vượt lên tất cả mọi gian nan để làm chủ hoàn cảnh. Ý thơ thể hiện thái độ vui vẻ, tinh thần lạc quan và khẳng định chí khí và quyết tâm người chiến sĩ và chất hào khí của thơ QD

+ Hình ảnh " *Nhà ai……xa khơi*": câu thơ toàn thanh bằng tạo nên một âm hưởng nhẹ nhàng, mềm mại, lãng mạn. Có

thể hình dung cảnh người lính TT tạm dừng chân bên một dốc núi phóng tầm mắt ra xa, thấp thoáng thấy những ngôi nhà như đang bồng bềnh trong màn mưa mờ ảo.

+ Nhớ Tây Tiến gắn liền với rừng thiêng, cọp dữ.
+ + Từ láy: *Chiều chiều – thác gầm. Đêm đêm - Cọp trêu người* không gian như bị bao phủ bởi không khí âm u, ghê rợn. Sự dữ dội của rừng thiêng, hoang sơ, bí hiểm, hùng vĩ oai nghiêm thử thách lòng dũng cảm của con người→ Dữ dội tột bậc và can trường tột bậc.
  => *Bức tranh thiên nhiên núi rừng vô cùng khắc nghiệt, đầy gian khổ, thử thách. Người lính Tây Tiến phải rất vững vàng, bản lĩnh mới có thể vượt qua được. Thiên nhiên làm phông nền tô điểm cho vẻ đẹp tâm hồn và khí phách của con người.*

❖ **Nhớ những đồng đội đã hi sinh**

– Sự hi sinh của những người lính trong chiến tranh là điều tất yếu. Tác giả không né tránh sự thật mà nhìn thẳng vào nó với thái độ không hề bi lụy.

– Hàng loạt từ nói giảm, nói tránh được sử dụng để diễn tả sự hi sinh của các anh " *không bước nữa; gục lên súng mũ; bỏ quên đời".* Lời thơ miêu tả cái chết nhẹ nhàng, rất đẹp của người lính khi gian khổ, vượt qua giới hạn chịu đựng của con người, người lính chấp nhận cái chết trong một tư thế rất ung dung, lẫm liệt trong tư thế sẵn sàng chiến đấu mà bình thản như một giấc ngủ ngon. Cách dùng từ trào dâng nỗi tiếc thương và niềm tự hào, kính phục.

❖ **Nhớ những phút giây bình yên**

Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói

Mai Châu mùa em thơm nếp xôi

- Nhớ Tây Tiến là nhớ phút giây bình yên với "cơm lên khói". Những cuộc hành quân không có giờ kết thúc khiến người lính chỉ quen với cơm nắm, cơm đùm, cơm nguội cơm nhạt nên "cơm lên khói" thật sự rất hiếm hoi, quý báu. Vì thế nên được ăn "cơm lên khói" là niềm hạnh phúc, bình yên nhất của người lính. Thế nên mùi hương ngọt ngào ấy mãi mãi không thể nào quên
- Hai chữ "*mùa em*" là sự sáng tạo ngôn từ đột xuất thật đa tình và thật Quang Dũng. "Mùa em" có "thơm nếp xôi" phải là mùa gặt. Nhà thơ lấy mùa em thay cho mùa gặt thật tinh tế. Gọi mùa em vì trong mùi thơm nếp xôi ấy có công sức lao động của em, có bàn tay em, có giọi mồ hôi em và chứa chan tình em trong đó. Mùa em quyện cùng tình em, tình quân dân tha thiết, vấn vương, chân thành, thấm thía mà ngọt ngào, hằn sâu vào nỗi nhớ.

=> *Đoạn thơ sử dụng nhiều từ ngữ, hình ảnh, âm điệu mới mẻ, gợi hình, gợi cảm tiêu biểu cho chất lãng mạn, hào hoa trong thơ Quang Dũng.Tái hiện được bức tranh thiên nhiên Tây Bắc hùng vĩ, dữ dội, tráng lệ. Trên nền của bức tranh thiên nhiên ấy, người lính Tây Tiến hiện lên thật đẹp, lãng mạn, đậm chất bi tráng.Đoạn thơ là sự phối hợp hài hòa giữa hai bút pháp: hiện thực và lãng mạn*

2. Đoạn 2 (8 câu tiếp): Nhớ đêm liên hoan ấm áp tình người, nhớ núi rừng thơ mộng

a. Nhớ đêm liên hoan rộn rã

Cảnh đêm liên hoan văn nghệ của những người lính TT cùng đồng bào Tây Bắc được miêu tả bằng những chi tiết thực mà rất mộng.

Doanh trại……hồn thơ

- Cả doanh trại bừng trong ánh sáng lung linh của "*đuốc hoa"* trong âm thanh rộn rã của tiếng "*khèn*". Cả cảnh vật và con người đều rạo rực, ngây ngất niềm vui.
- Qua hình tượng thơ, dường như có một cái nhìn ngơ ngác "*kìa em"* đầy ngạc nhiên và cảm mến trước trang phục và nghệ thuật vũ đạo độc đáo, có màu sắc xứ lạ "*man điệu",* vừa dịu dàng, vừa tình tứ "*nàng e ấp"* của cô gái nơi núi rừng Tây Bắc. Dưới ánh sáng *"bừng lên"* của lửa đuốc liên hoan ấm áp tình quân dân đã phá tan mọi sự khốc liệt của chiến tranh.
-

b. Nhớ buổi chia li quyến luyến

"Người đi Châu Mộc…đong đưa"

- Sông nước, bến bờ lặng tờ, hoang dại như bờ tiền sử. Trên dòng sông đậm màu sắc cổ tích, huyền thoại ấy, nỗi bật lên dáng hình mềm mại uyển chuyển của cô gái Thái trên con thuyền độc mộc. Hòa hợp với con người, những bông hoa rừng cũng "*đong đưa"*làm duyên trên dòng nước lũ.
  - Thời điểm: *chiều sương ấy gợi* không khí huyền ảo, thơ mộng.
  - Hình ảnh: *Người đi* hiện lên trong khung cảnh: *Bông lau phơ phất bên dòng suối. Thuyền độc mộc trôi giữa dòng nước lũ* gợi tâm trạng chia li man mác buồn
  - Hình ảnh ẩn dụ "hồn lau" vừa miêu tả thiên nhiên vừa gợi lên hồn người hồn xứ sở chất chứa bao tâm trạng trong giờ phút chia li ấy.
  - Câu hỏi tu từ "có nhớ', "có thấy" gửi gắm lời nhắn nhủ ân cần, khắc sâu kỉ niệm, nỗi nhớ sâu sắc không bao giờ quên

→ Bức tranh buổi chiều thơ mộng, trầm mặc, huyền ảo, thể hiện vẻ đẹp vùng núi Tây Bắc và tâm hồn lãng mạn, hào hoa của người lính Tây Tiến.

3. Đoạn 3 (8 câu tiếp): Chân dung người lính Tây Tiến

a. Vẻ đẹp lẫm liệt, kiêu hùng, hào hoa và lãng mạn (4 câu đầu).

Với bút pháp tả thực, nhà thơ tái hiện chân thực chân dung và cuộc sống gian khổ của đoàn quân Tây Tiến. Nhà thơ không hề che giấu những gian khổ, khó khăn, bệnh tật… nhưng qua ngòi bút của Quang Dũng lại đậm màu sắc lãng mạn:

– **Ngoại hình của người lính đã gây ấn tượng mạnh.**

+ *"Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc*": Hình ảnh độc đáo, lạ mắt. Cái khốc liệt của cuộc chiến tranh, hậu quả của những cơn sốt rét nơi rừng thiêng nước độc.

+ *"Quân xanh màu lá dữ oai hùm"* : Nghệ thuật đối lập giữa ngoại hình và nội tâm

+ Hình ảnh "quân xanh màu lá" là màu xanh của nước da, của quân phục, của lá ngụy trang hài hòa tạo ra một đoàn binh "dữ oai hùm". Đối lập với vẻ ngoài tiều tuỵ vì bệnh tật là dáng nét đẹp mạnh mẽ, oai phong, lẫm liệt của đoàn binh Tây Tiến.

– **Tâm hồn của những người lính rất hào hoa, lãng mạn.**

+ Hình ảnh " *mắt trừng*": thể hiện ý chí, quyết tâm của người lính. Sự oai phong lẫm liệt toát ra từ đôi mắt rực lửa căm thù.

+ "*Gửi mộng* " là gửi khát vọng lập chiến công, mộng tiêu diệt quân thù, bảo vệ biên cương tổ quốc.

– Mơ Hà Nội "*dáng kiều thơm* là mơ về hình ảnh quê hương xứ sở. Hà Nội là quê hương của anh. Nơi đó có gia đình, có mái nhà thân yêu, có mái trường, có con đường nhỏ, có góc phố rêu phong thân thuộc và nơi đó có người em anh thương nhớ. (liên hệ ca dao). Hình ảnh cô gái Hà Thành luôn đi về trong những giấc mơ như một nguồn động viên tinh thần rất lớn cho các anh. Khát vọng yêu thương, khát vọng hòa bình cháy bừng ngọn lửa đấu tranh.

=> *Quang Dũng đã tạc nên một bức tượng đài tập thể người lính Tây Tiến không chỉ ở dáng vẻ bề ngoài mà còn cả thế giới tâm hồn bên trong đầy mộng mơ của họ. Họ vừa là một chiến sĩ, vừa là một nghệ sĩ, vừa hiên ngang kiêu hùng, vừa lãng mạn, hào hoa.*

b. Vẻ đẹp bi tráng thể hiện bằng lí tưởng cao cả "quyết tử cho tổ quốc quyết sinh"

+ Hình ảnh *rải rác ... mồ viễn xứ* tả thực về sự hy sinh của người lính trên khắp dải biên cương xa xôi. Những từ Hán Việt, cổ kính gợi không khí thiêng liêng pha chút ngậm ngùi. Những nấm mồ nhỏ bé ấy đã vẽ ra dáng hình tổ quốc. (liên hệ)

+ Cách nói giảm, nói tránh "*Chiến trường đi; chẳng tiếc đời xanh; về đất"*: nói về cái chết nhẹ nhàng của những người lính.

+ Hình ảnh *Áo bào thay chiếu* - Miêu tả cái chết thiếu thốn, không có áo quan, nhưng đó là vinh dự được hy sinh cho Tổ quốc.

+ Đó không phải sự ra đi mà là sự trở về với đất mẹ thân yêu sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ cao cả. Người lính đã hòa với hồn thiêng sông núi để bất tử cùng non sông. Câu thơ như một lời thề thiêng liêng cao cả bởi lí tưởng quên mình

xả thân vì Tổ quốc " quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh".

+ Hình ảnh hoán dụ "*Sông Mã gầm lên*" tấu lên khúc nhạc trầm hùng với bao tiếc thương và cảm phục đưa tiễn người chiến sĩ vào cõi bất tử. Tiếng gầm của sông núi thay cho lời tri công, tri ân của cả đất nước dành cho những người con đã ngả xuống vì đất Mẹ thân yêu.

=> Đoạn thơ sử dụng nhuần nhuyễn thủ pháp đối, tài hoa và độc đáo. Cách dùng từ Hán Việt tạo không khí trang nghiêm, cổ kính tạo nên sự hài hòa giữa chất bi và hùng. Đoạn thơ cũng dựng nên một tượng đài bất tử về người lính trong thời kì kháng chiến chống Pháp.

4. Lời thề gắn bó với Tây Tiến.

– Lời thơ khẳng định:

+ Lời thề son sắt của người lính TT" không hẹn ước"," một chia phôi", "chẳng về xuôi": mãi gắn bó với Tây Tiến, với miền Tây thân yêu của Tổ quốc.

+ Dù hi sinh nhưng linh hồn vẫn sát cánh chiến đấu cùng đồng đội .

III. Kết luận: (Ghi nhớ)

❖ **Nét cơ bản về nghệ thuật**

– Cảm hứng bi tráng và chất lãng mạn bao trùm bài thơ.

– Giọng thơ vùa mềm mại, nhẹ nhàng vừa rắn rỏi hùng hồn bởi cách gieo vần độc đáo. Những câu toàn vần trắc xen lẫn những câu toàn vần vần bằng đa sắc điệu tạo ra chất nhạc, chất họa cho lời thơ. Sử dụng nhiều từ Hán Việt trang trọng, hào hùng./.

–

VIỆT BẮC
- TỐ HỮU-

PHẦN I: TÁC GIẢ.

1. **Đường cách mạng, đường thơ Tố Hữu.**

– Tố Hữu là một trong những lá cờ đầu của nền văn nghệ cách mạng VN.

– Những chặng đường thơ của TH luôn gắn bó song hành với những chặng đường cách mạng.

a. **Tập thơ "Từ ấy"** (1937 -1946): Là chặng đường đầu tiên, đánh dấu bước trưởng thành của người thanh niên quyết tâm đi theo ngọn cờ của Đảng.

b. **Tập thơ "Việt Bắc"** (1946 – 1954): Là bản hùng ca về cuộc k/c chống Pháp và con người trong kháng chiến. Họ là những con người lao động bnh thường nhưng rất anh hùng, vĩ đại.

c. **Tập thơ Gió lộng** (1955 – 1961): Ca ngợi cuộc sống mới, con người mới XHCN ở miền Bắc, ca ngợi Đảng, Bác Hồ. Thể hiện nỗi đau chia cắt và tnh cảm tha thiết sâu nặng với miền Nam ruột thịt.

d. **Tập thơ "Ra trận"** (1962 -1971), **"Máu và hoa"** (1972 - 1977):

– ***Ra trận*** là bản anh hùng ca về "Miền Nam trong lửa đạn sáng ngời" tiêu biểu cho dũng khí kiên cường của dân tộc.

– ***Máu và hoa*** ghi lại một chặng đường cách mạng đầy gian khổ, hi sinh, khẳng định niềm tin vào sức mạnh tiềm tàng của dân tộc, niềm tự hào, niềm vui khi đất nước được hoàn toàn giải phóng.

e. **Tập thơ "Một tiếng đờn"** (1992); **Ta với ta** (1999) : Là những chiêm nghiệm mang tính phổ quát về cuộc đời và con người.

2. **Phong cách thơ Tố Hữu**

a. ***Về nội dung: Thơ Tố Hữu mang chất trữ tình chính trị sâu sắc.***

– Hồn thơ Tố Hữu luôn hướng đến cái ta chung với lẽ sống lớn, tình cảm lớn, niềm vui lớn của con người cách mạng, của cả dân tộc.

– Thơ Tố Hữu mang đậm tính sử thi và cảm hứng lăng mạn. Lấy những sự kiện chính trị lớn của đất nước làm đề tài sáng tác. Luôn đề cập đến những vấn đề có ý nghĩa lịch sử và có tính toàn dân.

– Giọng thơ Tố Hữu mang tính chất tâm tình, tự nhiên, đằm thắm, chân thành, ngọt ngào tha thiết.

b. Về nghệ thuật: Thơ Tố Hữu đậm đà tính dân tộc.

– Về thể thơ: vận dụng thành công thể thơ truyền thống của dân tộc, tiếp thu tinh hoa của phong trào thơ mới, thơ ca thế giới cổ điển và hiện đại.

– Về ngôn ngữ: dùng từ ngữ và cách nói quen thuộc trong dân gian. Phát huy cao độ tính nhạc phong phú của tiếng Việt, sử dụng thành thạo các từ láy, thanh điệu…

PHẦN II: TÁC PHẨM VIỆT BẮC

I. TÌM HIỂU CHUNG :

1. Hoàn cảnh ra đời của bài thơ "Việt Bắc":

- Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương được kí kết, miền Bắc được giải phóng và bắt tay vào xây dựng cuộc sống mới. Một trang sử mới của đất nước được mở ra.
- Tháng 10/1945, Trung ương Đảng và Chính phủ rời chiến khu Việt Bắc về lại Thủ đô. Nhân sự kiện thời sự có tính lịch sử ấy, Tố Hữu sáng tác bài thơ Việt Bắc.
- Bài thơ Việt Bắc in trong tập thơ cùng tên gồm hai phần. Đoạn trích thuộc phần đầu – tái hiện những kỉ niệm cách mạng và kháng chiến.

2. Chủ đề:

Việt Bắc là khúc tình ca, khúc hùng ca về cách mạng, về cuộc kháng chiến và con người kháng chiến mà cội nguồn sâu xa của nó là tình yêu quê hương đất nước là niềm tự hào về sức mạnh của nhân dân, là truyền thống nhân nghĩa, đạo lý thuỷ chung của dân tộc Việt Nam.

3. Kết cấu:

Theo lối đối đáp, sử dụng đại từ « mình – ta » của ca dao trữtình. Đó là sự phân thân của nhân vật trữ tình để tâm trạng được bộc lộ đầy đủ hơn trong sự hô ứng, đồng vọng.

II. TÌM HIỂU VĂN BẢN.

1. Khung cảnh chia tay và tâm trạng con người

Mình về mình có nhớ...hôm nay

Bài thơ kết cấu theo lối hát đối đáp rất quen thuộc, vận dụng ca dao một cách sáng tạo qua cách xưng hô, sử dụng

đại từ: Mình – ta tha thiết, đầy nghĩa tình, gắn bó sâu nặng. Chuyện ân tình CM được tác giả khéo léo thể hiện như tâm trạng của t/y đôi lứa.

❖ **Tâm trạng của người đi kẻ ở lúc chia tay:**

– **Người ở lại**: đặt ra 2 câu hỏi liên tiếp, là lời ướm hỏi, khơi gợi kỉ niệm về một thời đã qua *"Mình về mình…nhớ nguồn"*

+ Một câu chỉ thời gian "*15 năm ấy"* trở về với những năm tiền khởi nghĩa sâu nặng biết bao ân tình – thời gian cách mạng. Một câu chỉ không gian "*nhín cây - núi, sông - nguồn*" là không gian cội nguồn cách mạng với nghĩa tình sâu nặng

+ Điệp từ " *mình", "nhớ"* 4 lần và sử dụng hình thức câu hỏi tu từ "*mình có nhớ ta" "mình có nhớ không"* vừa gợi kỷ niệm, vừa bộc bạch tình cảm lo lắng vừa như lời nhắn nhủ đừng quên

→ Người VB tha thiết với cách mạng, với kháng chiến. Mượn lời quê hương cách mạng nói với người về xuôi thể hiện niềm tin, tình cảm sâu sắc của mình với người ra đi đồng thời cũng là lời nhắn gửi, nhắc nhở thủy chung của người ở lại.

– **Người ra đi** dường như không nói nên lời:

"Tiếng ai tha thiết……hôm nay…"

+ Từ láy "*bâng khuâng, bồn chồn*" gợi cảm xúc lưu luyến, vấn vương, bịn rịn.

+ Hình ảnh hoán dụ *"áo chàm"* là màu áo đơn sơ, bình dị tượng trưng cho người dân Việt Bắc.

+ Hành động "*cầm tay"* đầy lưu luyến, không nói gì nhưng

vẫn hiểu nhau. Đó là tiếng lòng "sự đồng vọng" của người đi, kẻ ở.

→ Trước tình cảm sâu đậm của người ở lại (người dân VB), người đi (cán bộ cách mạng) xúc động nghẹn ngào, không nói nên lời, tình cảm ấy đã làm thay đổi cả nhịp thơ từ (2/2/2 -> 3/3/2 ở câu cuối) và dấu chấm lửng như chất chứa đầy nỗi niềm lưu luyến, bịn rịn,vấn vương. Phép im lặng trong dấu ba chấm ở cuối câu thơ dồn nén tất cả những điều chưa nói, không diễn đạt thành lời của người ra đi.

→ Câu thơ lục bát cân xứng nhịp nhàng như nhịp điệu tâm hồn, sự đồng vọng của người đi, kẻ ở. Đó là tình cảm gắn bó sâu nặng và nỗi nhớ da diết, mênh mang.

2. Những kỉ niệm về Việt Bắc trong hoài niệm của người ở lại.

a. Nhớ Việt Bắc gian khổ mà kiên cường.

"*Mình đi có nhớ những ngày ……nặng vai ?"*

- Không gian VB hiện lên từ xa đến gần, từ những ngày đầu tạo dựng sự nghiệp cách mạng đến khi xây dựng được chiến khu vững chắc.
- Những hình ảnh thiên nhiên dữ dội và khắc nghiệt "*mưa nguồn – suối lũ- mây mù*" tượng trưng cho những năm tháng gian khổ của cuộc CM.
- Hình ảnh đối lập giữa một bên là cuộc sống vật chất đạm bạc, thiếu thốn "*miếng cơm chấm muối* " với một bên là ý chí vững bền chống giặc "*mối thù nặng vai"* thể hiện rõ lòng căm thù giặc, sức mạnh của tinh thần chiến đấu kiên cường của quân dân ta.

b. Nhớ VB nghĩa tình, thủy chung.

Mình về rừng núi...lòng son

– Cách nói ẩn dụ quen thuộc trong ca dao "Mình về rừng núi nhớ ai" thể hiện tình cảm sâu sắc, tha thiết của người ở lại.

– Hình ảnh ẩn dụ "*trám - rụng, mai – già, lau xám, lòng son "* gợi lại những kỉ niệm gắn bó sâu nặng giàu ân tình của người VB đối với cách mạng. Dù nghèo, bình dị nhưng thủy chung, hết lòng với CM và kháng chiến. Nhà thơ lấy cái thừa của vật chất *"trám bùi để rụng…"* để làm nổi bật sự thiếu vắng trống trải của núi rừng và trong tình cảm người ở lại.

c. Nhớ VB – cội nguồn quê hương CM.

Mình về còn nhớ núi non…cây đa

– "*Khi kháng Nhật, thuở Việt Minh*" nêu căn cứ địa cách mạng, nơi thành lập Mặt trận Việt Minh.

– "*Tân Trào, Hồng Thái, cây đa"* là nơi hội họp chiến khu cách mạng, di tích lịch sử cách mạng.

=> *Với hình thức lục bát giao duyên, ngôn ngữ thơ cân xứng hài hòa, hình ảnh thơ gợi cảm, âm điệu êm ái, vận dụng phép láy, phép đối đoạn thơ vừa gợi nhắc kỷ niệm vừa tái hiện những tháng ngày gian khổ trong kháng chiến. Từ đó làm nổi bật tình nghĩa keo sơn, sự đồng cam cộng khổ giữa con người Việt Bắc với Cách mạng.*

3. Việt Bắc được tái hiện trong nỗi nhớ của người về xuôi

a. Việt Bắc trong hoài niệm của người về xuôi

– Người chiến sĩ về xuôi khắc cốt lời thề bằng 4 câu thơ giàu ý nghĩa:

Ta với mình, mình với ta

Lòng ta sau trước mặn mà đinh ninh
Mình đi, mình lại nhớ mình
Nguồn bao nhiêu nước nghĩa tình bấy nhiêu

+ Cách hoán đổi đại từ độc đáo khẳng định tình cảm sâu nặng, sự thấu hiểu sâu sắc của người ra đi.
+ Cách so sánh: bao nhiêu - bấy nhiêu càng khắc họa rõ lời thề thủy chung tình nghĩa ấy.

– Cảnh VB trong hoài niệm của người về xuôi:

"*Nhớ gì như …vơi đầy"* :

+ Điệp từ "*nhớ*" được nhắc lại cùng với những địa danh, hình ảnh đi vào lịch sử, gắn bó với sự lớn mạnh của quân đội CM, không bao giờ phai nhạt trong tâm trí con người.
+ Lối so sánh đặc sắc: Nhớ Việt Bắc " *như nhớ người yêu*" – Nỗi nhớ cụ thể, thường trực mọi nơi, mọi lúc.
+ Hình ảnh gợi cảm đầy thi vị "*trăng đầu núi, nắng lưng nương, bản khói cùng sương, bếp lửa người thương"* -thiên nhiên núi rừng Việt Bắc vừa thực vừa mộng, mang nét riêng độc đáo. Chỉ những người đã từng gắn bó với Việt Bắc, coi Việt Bắc là quê hương mới có nỗi nhớ thật da diết và sâu sắc như thế.
+ Nhớ VB là nhớ những cảnh đẹp, thơ mộng, gần gũi *Bản khói cùng sương gợi khung cảnh* Bản làng mờ trong sương sớm rất thơ mộng. *Bếp lửa* ấm áp của người dân VB luôn cháy đỏ để chờ đợi người lính trở về sau những ngày hành quân, chiến đấu. Hành động nhen bếp lửa hồng ấy trở thành nghĩa tình sâu nặng
+ Nhớ VB là nhớ tất cả những nơi mà người chiến sĩ đã từng đi qua, từng ở lại, từng nếm trải ngọt bùi. Nhà thơ liệt kê ra rất nhiều địa danh phiếm chỉ *: rừng nứa, bờ tre, ngòi Thia,*

sông Đáy…để tạc vào kỉ niệm. Đó là nơi người chiến sĩ đã đi qua, đã mãi mãi nằm lại, đã chiến đấu và đã gắn bó nhiều kỉ niệm...

+ Tri ân những ân tình chân thành của người VB dành cho chiến sĩ cách mạng "*thương nhau chia củ sắn lùi – bát cơm sẽ nửa, chăn sui đắp cùng"*
+ Nhớ "*người mẹ "* Việt Bắc tảo tần, chịu thương chịu khó lao động, làm rẫy nuôi quân.
+ Nhớ cảnh sinh hoạt ở chiến khu vui vẻ, ấm áp tình quân dân "*Lớp học i tờ...Giờ liên hoan....Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo"*
+ Nhớ âm thanh đặc trưng của "*tiếng mõ rừng chiều, chày đêm…"* Âm thanh quen thuộc của mõ trâu mõ bò và tiếng chày đêm bên bờ suối không thể nào quên vì đó là âm thanh bình yên nhất, đặc trưng nhất. Âm thanh ấy gợi lên nét sinh hoạt, nét văn hóa của mảnh đất VB.

=> *Người chiến sĩ về xuôi nhắc nhớ kỉ niệm để khẳng định tình nghĩa sắt son và ghi tạc công ơn cao cả của nhân dân VB đã cưu mang, che chở cho cách mạng và kháng chiến trong những năm tháng khó khăn, gian khổ mà anh hùng.*

b. Sự hòa quyện thắm thiết giữa cảnh và người VB.

Ta về mình có nhớ ta...thủy chung

Đoạn thơ đặc sắc nhất trong bài thơ Việt Bắc, 10 câu lục bát thu gom sắc màu bốn mùa, cả âm thanh cuộc sống. Thiên nhiên và con người đặt trong mối quan hệ sóng đôi, nâng đỡ tô điểm cho nhau. Câu lục nói đến thiên nhiên, câu bát nói tới con người

– **2 câu đầu** : nỗi nhớ bao trùm cảnh và người

+ Cách xưng hô "*Ta- mình",* hỏi để khẳng định nỗi nhớ luôn

thường trực trong lòng người cách mạng.

+ Điệp từ *"nhớ", "ta"* nhấn mạnh nỗi nhớ. Nhớ *"hoa"* là nhớ cảnh VB. Nhớ "*người"* là nhớ con người VB. Hai đối tượng ấy không tách rời mà đồng hiện *"hoa cùng người"*.

– **8 câu tiếp** là bức tranh 4 mùa tươi đẹp, thơ mộng, trữ tình mà trung tâm của bức tranh là vẻ đẹp của con người VB trong lao động.

✧ ***Mùa đông :***

+ TN : *"rừng xanh - hoa chuối đỏ tươi* » -> 2 gam màu xanh, đỏ đã vẽ ra bức tranh núi rừng rực rỡ, ấm áp, đầy sức sống, xua đi cái lạnh giá của mùa đông.

+ Con người : "*đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng* " -> Không khắc họa khuôn mặt, chỉ chớp lấy một nét thần tình rực sáng nhất khi ánh mặt trời chớp lóe trên lưỡi dao đi rừng gài ngang thắt lưng. Một vẻ đẹp khỏe khoắn, mạnh mẽ, một tư thế chủ động, vững vàng của con người làm chủ thiên nhiên, cuộc sống.

✧ ***Mùa xuân:***

+ Thiên nhiên "*mơ nở trắng rừng"* - sắc trắng dịu dàng, tinh khiết, sức xuân ngập tràn, hương xuân lan tỏa làm bừng sáng cả không gian. Một vẻ đẹp trong sáng rất đặc trưng của núi rừng VB.

+ Con người: "*đan nón chuốt từng sợi giang"* - công việc lao động cần mẫn, tỉ mỉ, khéo léo. Người VB dành cả tài hoa và tình nghĩa để chăm chút cho từng sản phẩm phục vụ kháng chiến.

✧ ***Mùa hè:***

+ TN :có âm thanh rộn rã, sống động *"ve kêu*", có màu sắc

tươi vui, rực rỡ "*rừng phách đổ vàng"* . Động từ *"đổ"* diễn tả sự chuyển màu đột ngột của rừng phách. Nắng hè như gom cả về đây để dát vàng lên không gian khiến thiên nhiên lung linh, sống động, tràn ngập sức sống.

+ Con người có "*cô em gái hái măng một mình"* -> Một mình giữa núi rừng bao la không gợi sự nhỏ bé, cô đơn như hình ảnh con người trong thơ cổ mà gợi vẻ đẹp lăng mạn, gợi những rung động ngọt ngào, sâu lắng bởi cô gái không lẻ loi, xung quanh cô có thiên nhiên bầu bạn.

✧ ***Mùa thu:***

+ TN: *"trăng rọi hòa bình"* -> không khí thanh bình, êm dịu gợi cái tĩnh lặng của rừng khuya.

+ Con người trong "*tiếng hát ân tình thủy chung"* -> tiếng hát bâng khuâng như tiếng lòng của người VB thủy chung, tình nghĩa. Lời ca ca ngợi những con người VB trung thành với Đảng, góp công lớn cho cuộc kháng chiến.

=> Đoạn thơ là bức tranh tứ bình rất đẹp, ca ngợi thiên nhiên VB trong sáng, thơ mộng. Linh hồn của bức tranh là con người VB bình dị cần cù trong lao động, thủy chung, nghĩa tình góp phần nhỏ bé tạo nên sức mạnh của cuộc kháng chiến . Cái hay, cái đẹp của đoạn thơ là sự kết hợp hài hòa dung dị giữa vẻ đẹp thiên nhiên và con người Việt Bắc. Âm hưởng trữ tình vang vọng tạo nên một khúc ca ngọt ngào, đằm thắm của tình đồng chí, đồng bào và tình yêu thiên nhiên, đất nước.

4. Khung cảnh hùng tráng của Việt Bắc trong kháng chiến, vai trò Việt Bắc với Cách mạng.

"*Nhớ khi giặc đến giặc lùng……Nhị Hà…"*

a. *Khung cảnh hùng tráng của Việt Bắc trong kháng chiến*

– Không gian núi rừng rộng lớn, hoạt động tấp nập, hình ảnh

hào hùng, âm thanh sôi nổi, dồn dập náo nức.

– Cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, tinh thần đoàn kết.

+ Nghệ thuật nhân hoá: *Núi giăng thành luỹ sắt dày*
Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù

→ Thế trận của chiến tranh nhân dân, niềm tự hào sức mạnh đại đoàn kết dân tộc.

+ Hình ảnh so sánh: *Đêm đêm rầm rập như là đất rung*

+ Nghệ thuật thậm xưng: *Dân công đỏ đuốc từng đoàn*
Bước chân nát đá, muôn tàn lửa bay.

→ Khẳng định khí thế mạnh mẽ, sức mạnh rung chuyển đất trời.

+ Hình ảnh ẩn dụ " *Nghìn đêm thăm thẳm sương dày*
Đèn pha bật sáng như ngày mai lên"

→ Lịch sử đã sang trang, một thời kì đau thương tăm tối đã lùi xa, một tương lai tươi sáng đang mở ra trước mắt. Ánh sáng của cách mạng soi đường, chỉ lối đưa dân tộc vững bước đến tương lai.

+ Cách liệt kê những địa danh: *"Hoà Bình, Tây Bắc, Điện Biên, Đồng Tháp, An Khê ...*"

– Niềm tự hào vui sướng trước những chiến công vang dội của quân dân ta.

=> *Đoạn thơ tràn đầy âm hưởng anh hùng ca. Nhà thơ đã tạo dựng bức tranh hoành tráng về CM trong những năm tháng hào hùng của dân tộc.*

b. Vị trí vai trò của Việt Bắc trong kháng chiến

– Lời thơ trang trọng mà thiết tha, Tố Hữu khẳng định:

+ Việt Bắc là quê hương cách mạng, là căn cứ địa vững chắc, đầu não của cuộc kháng chiến.

Nắng trưa rực rỡ sao vàng
Trung ương chính phủ luận bàn việc công.

+ Việt Bắc là nơi hội tụ bao tình cảm, suy nghĩ, niềm tin hy vọng của mọi người Việt Nam yêu nước.

Ở đâu u ám quân thù

……..

Trông về Việt Bắc mà nuôi chí bền

- Nghệ thuật liệt kê chiến thắng khẳng định sự lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến toàn quốc luôn năng động, sáng suốt.
- Nhịp thơ khoan thai, cách diễn đạt dung dị kết hợp điệp từ *" ở đâu"* khẳng định vai trò vị trí của Việt Bắc và Bác Hồ trong lòng người dân, tình cảm thiết tha và niềm tin yêu của nhân dân với VB, với Đảng, Bác Hồ. Giọng thơ đầy tự hào, đầy lạc quan tin tưởng.

5. Giá trị nghệ thuật và ý nghĩa văn bản

a. Nghệ thuật:

Bài thơ đậm đà tính dân tộc, tiêu biểu cho phong cách thơ TH:

- Sử dụng nhuần nhuyễn thể thơ lục bát truyền thống của dân tộc.
- Cấu tứ của bài thơ là cấu tứ ca dao với 2 nhân vật trữ tình là mình và ta.
- Sử dụng lối kết cấu đối đáp của ca dao tạo ra nhịp thơ uyển chuyển, cân xứng, hài hòa
- Sử dụng ngôn ngữ giản dị, mộc mạc nhưng cũng rất sinh động, giàu sức gợi, giàu nhạc điệu.
- Sử dụng nhuần nhuyễn phép trùng điệp của ngôn ngữ dân gian tạo ra giọng điệu trữ tình nghe thiết tha, ngọt ngào như âm hưởng của lời ru.

b. Ý nghĩa văn bản

- Việt Bắc là khúc hùng ca và cũng là khúc tình ca về cách mạng, về cuộc kháng chiến và con người kháng chiến.
- Những câu thơ cân xứng trầm bổng, ngọt ngào vừa thể hiện được tình cảm đối với cách mạng, vừa nói được vấn đề rất to lớn của thời đại, vừa chạm được vào chỗ sâu thẳm trong tâm hồn dân tộc: truyền thống ân nghĩa, thủy chung. Việt Bắc đã đạt tới tính dân tộc, tính đại chúng. Đó là sức sống trường tồn của bài thơ./.

ĐẤT NƯỚC
- NGUYỄN KHOA ĐIỀM -

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Tác giả

- Thuộc thế hệ các nhà thơ trẻ trưởng thành trong khói lửa của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.
- Thơ ông hấp dẫn bởi sự kết hợp giữa xúc cảm nồng nàn và suy tư sâu lắng của người trí thức viết về đất nước, con người Việt Nam.
- Năm 2000, được nhận giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật.

2. Tác phẩm

a. Hoàn cảnh sáng tác.

- Trường ca ***Mặt đường khát vọng*** hoàn thành ở chiến khu

Trị- Thiên năm 1971, in lần đầu 1974, viết về sự thức tỉnh của tuổi trẻ đô thị vùng tạm chiếm miền Nam về non sông đất nước, về sứ mệnh của mình, xuống đường đấu tranh hòa nhịp với cuộc chiến đấu chống đế quốc Mĩ xâm lược.

– Đoạn trích ***"Đất nước"*** nằm ở phần đầu chương V của trường ca "Mặt đường khát vọng". Là một trong những đoạn thơ hay về đề tài đất nước trong thơ VN hiện đại.

b. Chủ đề:

Bài thơ là sự cảm nhận mới mẻ, sâu sắc về Đất Nước. Qua đó thể hiện tư tưởng cốt lõi: Đất Nước là của Nhân Dân, đồng thời khơi dậy trách nhiệm của mỗi người công dân đối với đất nước.

I. TÌM HIỂU VĂN BẢN

1 Cách cảm nhận mới mẻ về quá trình hình thành và phát triển của Đất Nước. (P1)

a. ***Đất nước có tự bao giờ? Đất nước được hình thành từ trong tâm hồn, cuộc sống của mỗi con người Việt Nam.***

"Khi ta lớn lên…từ ngày đó".

– Mở đầu đoạn trích một cách tự nhiên, bình dị: Tác giả không cắt nghĩa về lịch sử lâu đời của đất nước bằng sự nối tiếp của các triều đại mà bằng những câu thơ gợi nhớ đến chiều sâu văn hóa và lịch sử.

– Từ "Đất Nước" được viết hoa thể hiện niềm trân trọng, tự hào.

– Quá trình hình thành và phát triển Đất Nước từ mạch nguồn văn hóa dân gian

+ Đất Nước ***" đã có"*** từ rất lâu, từ khi ta lớn lên Đất nước đã

có rồi, có trong tâm hồn, tình yêu và trong nhận thức của mỗi con người

- Cụm từ *"Ngày xửa ngày xưa"* → gợi lên không khí những câu chuyện cổ tích của bà, của mẹ. ĐN là mạch nguồn văn hoá dân gian.

+ Đất Nước "***bắt đầu***" từ phong tục tập quán, lối sống thuỷ chung:

- Hình ảnh "*miếng trầu*" → gợi liên tưởng đến sự tích "*Trầu cau*". Nét đẹp của tập quán ăn trầu, mời trầu và tình nghĩa thuỷ chung, yêu thương.

+ Đất Nước ***"lớn lên"*** qua:

Truyền thống chống giặc ngoại xâm "*khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc*". Hai chữ "*lớn lên*", và cụm từ "*trồng tre đánh giặc*" Gợi liên tưởng hình ảnh chú bé làng Gióng vươn vai thành Phù Đổng đánh đuổi kẻ thù đại diện cho tình thần yêu nước của tuổi trẻ VN.

-
- Phong tục văn hóa lâu đời: tục bới tóc "*Tóc mẹ thì bới sau đầu*" , tục đặt tên "*cái kèo cái cột thành tên"* phản ánh phong tục, lối sống giản dị, thuần hậu của con người VN
- Tình nghĩa vợ chồng thủy chung, son sắt "*thương nhau bằng gừng cay muối mặn*" cũng tạo ra vẻ đẹp của ĐN. ĐN của những con người thủy chung son sắt, giàu nghĩa nặng tình.
- ĐN phát triển từ tinh thần cần cù lao động của tổ tiên "*hạt gạo phải xay, giã, giần, sàng "*. Đó chính là văn minh lúa nước rất đặc trưng tạo ra từ ban tay khối óc của con người lao động bình dị.
- Đất Nước là nét đẹp của thuần phong mỹ tục, là quá trình lao động để sinh tồn, là quê hương xứ sở, là tâm hồn mỗi

con người VN

→ Như vậy Đất Nước được cảm nhận ở chiều sâu văn hoá nên rất quen thuộc, gần gũi mà thiêng liêng, tự hào.

=> *Giọng thơ triết lý, suy tư, cách đặt câu hỏi và tự trả lời để khẳng định quá trình hình thành và phát triển lâu đời của Đất Nước. Ngôn ngữ bình dị mang đậm chất liệu dân gian, cách dùng điệp ngữ* Đất Nước *vọng lên như một khúc nhạc thiêng liêng gần gũi trong cuộc sống của con người cho thấy Đất Nước bình dị trường tồn trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, trong sự nghiệp đấu tranh dựng nước và giữ nước.*

b. Đất Nước được cảm nhận theo chiều rộng của không gian địa lí, chiều dài thời gian và chiều sâu của của văn hóa lịch sử.

– Đất Nước được cảm nhận theo chiều rộng của không gian:

+ Không gian sống gần gũi, gắn bó hàng ngày của mỗi con người:

"*Đất là nơi.....nước là nơi…….tắm"*

+ Là không gian hò hẹn của tình yêu đôi lứa "*Đất nước là nơi ta hò hẹn……nhớ thầm*" (liên hệ bài ca dao "khăn thương nhớ ai") – ĐN là nơi bắt nguồn của những tình cảm đẹp đẽ, trong sáng với bao kỉ niệm đẹp trong đời.

– Đất Nước được cảm nhận về phương diện địa lí:

+ Đất nước là núi sông, rừng biển rộng lớn, bao la "*mênh mông"* được yêu quý qua làn điệu dân ca miền trung "*chim phượng hoàng; cá ngư ông*" – Ý thơ mở ra không gian ĐN hoành tráng mà rất bình yên.

+ Là không gian sinh tồn của cộng đồng dân tộc qua bao thế hệ "*Đất nước…đoàn tụ*", là nơi hội tụ của muôn loài " *chim*

về","rồng ở" – bình yên sinh sống, phát triển muôn đời.

→ Với điệp ngữ "*Đất là nơi, Nước là nơi*", cụm từ Đất Nước được tác giả tách thành hai thành tố Đất & Nước vừa mang ý nghĩa cụ thể, gắn bó gần gũi với từng cá nhân ,mỗi người đều mang trong mình một phần của Đất Nước, vừa mang ý nghĩa khái quát là lãnh thổ chủ quyền quốc gia làm cho định nghĩa về Đất nước trở nên gần gũi, thiêng liêng hơn.

– Đất nước được cảm nhận theo chiều dài thời gian lịch sử:

+ Từ lịch sử mấy ngàn năm "*thời gian đằng đẵng"* ngàn năm dựng nước và giữ nước.

+ Từ cội nguồn thiêng liêng của dân tộc được gợi ra qua thần thoại Lạc Long Quân và Âu Cơ, truyền thuyết Hùng Vương và ngày giỗ tổ đã khẳng định chủ quyền, nền văn hiến lâu đời của ĐN.

+ Từ thế hệ này sang thế hệ khác "*Những ai đã khuất những ai bây giờ...*

→ Đất nước là nơi các thế hệ nối tiếp nhau làm nên sự sống. Đất nước là mạch nguồn tiếp nối từ quá khứ đến hiện tại và tương lai.

+ *"Ăn đâu làm đâu","cúi đầu nhớ ngày giỗ tổ*"-> Đó là truyền thống cao đẹp, là lời nhắn gửi đến tất cả mọi người về cội nguồn linh thiêng của dân tộc.

→ Đoạn thơ vừa khẳng định vừa thể hiện niềm tự hào về nguồn gốc cao quý của dân tộc (con Rồng cháu Tiên), về truyền thống dựng nước và giữ nước hào hùng của cha ông, vừa gợi được hồn sông núi một cách thiêng liêng trang trọng.

=> *Ở chiều rộng của không gian, địa lí, chiều dài của thời* gian *và chiều sâu của của văn hóa lịch sử*, Đất *Nước được cảm nhận như một sự thống nhất các phương diện văn hóa, truyền thống, thuần phong mỹ tục đã tồn tại vĩnh hằng trong đời sống mỗi cá nhân và cộng đồng.*

c. Đất nước là sự hòa quyện không thể tách rời giữa cá nhân và cộng đồng dân tộc.

– Đất Nước hiện hữu trong bản thân mỗi người.

Trong anh và em hôm nay
Đều có một phần Đất Nước.

→ Hai câu thơ mang tính triết lý sâu sắc. Đó là mối quan hệ giữa cá thể và cộng đồng, giữa mỗi người và Đất Nước. Điều ấy có nghĩa thế hệ trẻ không thể tách rời khỏi Đất Nước.

+ Cụm từ "*đều có*" → mang sắc thái khẳng định. Mỗi người đều có chung dòng máu Lạc Hồng.

+ "*Một phần Đất Nước*" là di sản vật chất, tinh thần của Đất Nước mà chúng ta đang thừa hưởng.

– Đất Nước là sự hoà hợp thân ái, thanh bình, trong cái riêng "*hai đứa"* có cái chung đất nước:

+ Là sự thống nhất giữa tình yêu lứa đôi với tình yêu đất nước "*khi hai đứa cầm tay…thắm.*

+ Đất Nước lớn lên mạnh mẽ, vẹn tròn trong sự gắn bó giữa cá nhân với cộng đồng, trong tình đoàn kết dân tộc "*khi chúng ta……lớn.*

→ Tác giả mơ ước về Đất Nước trong tương lai với khát vọng về sự phồn vinh, sự kết hợp hài hòa trọn vẹn giữa cái riêng của mỗi người và cái chung của cộng đồng.

d. ***Trách nhiệm của mỗi người đối vối đất nước***

– Lời kêu gọi tha thiết, thể hiện suy ngẫm về trách nhiệm đối với Đất Nước.
+ Tiếng gọi tha thiết "*em ơi em*" là lời tâm tình, nhắn nhủ
+ Khẳng định: Đất nước là máu xương của mình→ Là sự sống, tâm hồn của mình.
+ Các động từ: "*gắn bó, san sẻ, hoá thân*" Kêu gọi trách nhiệm, ý thức đoàn kết dân tộc, yêu thương, sẻ chia trách nhiệm và cống hiến hết mình cho Tổ quốc.
→ Đất nước là sự hóa thân của mỗi con người, là kết tinh của sức mạnh dân tộc nên mỗi người phải có trách nhiệm xây dựng bảo vệ, phải biết gắn bó, san sẻ, gìn giữ truyền lại cho thế hệ sau những di sản văn hóa tinh thần và vật chất để làm nên Đất Nước muôn đời.

→ Tác giả đã sử dụng sáng tạo các yếu tố ca dao, truyền thuyết dân gian tạo nên một hình ảnh thơ vừa gần gũi vừa mới mẻ. Đất Nước là sự thống nhất toàn vẹn là những cái vĩnh hằng trong đời sống của mỗi cá nhân và mỗi cộng đồng.

=> *Đoạn thơ mang phong cách chính luận, lập luận chăt chẽ, rõ ràng thể hiện mối quan hệ giữa cái riêng và cái chung, giữa cá nhân và cộng đồng, giữa thế hệ này và thế hệ khác. Giọng điệu tha thiết, cảm xúc mãnh liệt. Những câu thơ viết về chính trị nhưng không khô khan mà trái lại rất mượt mà trữ tình.*

2. Tư tưởng Đất nước của nhân dân (phần 2)

a. ***Những vẻ đẹp của Đất Nước***

– Là kết tinh bao công sức và khát vọng của nhân dân.
– Tất cả những danh lam thắng cảnh gắn liền với dân tộc, với cuộc sống con người.
+ Hình ảnh núi "*Vọng phu, hòn Trống Mái,* vừa là vẻ đẹp thiên nhiên vừa là biểu tượng cho vẻ đẹp tâm hồn con người

Việt Nam".

+ Hình ảnh ao đầm ở Hà Bắc → ca ngợi sức mạnh quật khởi của dân tộc.
+ Vẻ đẹp những dòng sông: *Cửu Long, chín rồng* mang khát vọng, niềm tin vào cuộc sống phồn vinh của nhân dân.
+ Tên làng, tên đất gắn liền với tên người: *Ông Đốc, Ông Trang, Bà Điểm, Bà Đen* – Tên con người đã thanh tên đất nước. Đó là truyền thống "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây" của nhân dân ta. Điều đó làm cho ĐN càng cao cả, linh thiêng hơn.

→ Đất Nước là thành quả, mồ hôi, nước mắt, là khát vọng của bao thế hệ đã dày công vun đắp, dựng xây.

b. Vai trò của nhân dân

– Nhân dân người làm ra Đất Nước.

Có biết bao người con gái, con trai

……

Nhưng họ đã làm ra Đất nước

→ Ca ngợi sức mạnh những người vô danh đã sống, chiến đấu và hy sinh để bảo vệ, xây dựng Đất Nước.

– Nhân dân: Người gìn giữ và lưu truyền mọi giá trị vật chất và tinh thần.

+ Họ giữ và truyền "*Hạt giống*", "*Truyền lửa*", truyền "*giọng nói*" … "*đắp đập, be bờ*".
+ Chống ngoại xâm, chống nội thù.

→ Tác giả đã dùng phép lặp đai từ *"họ"* (6 lần) đã làm nổi bật vai trò của nhân dân truyền những sản phẩm tinh thần, vật chất của Đất Nước. Một mật độ dày đặc các động từ "*làm, đánh,truyền,gánh,đắp đập, be bờ,chống, vùng lên*…" khắc họa sự tiến hóa của lịch sử giống như một cuộc lao động lớn, một cuộc chạy đua tiếp sức không mệt mỏi của nhân dân để ngọn lửa văn hóa sáng mãi qua bao thế hệ. Vì vậy mà "*Đất nước này là Đất Nước Nhân dân" /"Đất*

Nước của ca dao thần thoại"

– Đất Nước được cảm nhận từ truyền thống:

+ Say đắm, chung thủy trong tình yêu "*yêu em …trong nôi"*

+ Biết quý trọng tình nghĩa "*quý công……lội*"

+ Căm thù và chiến đấu "*trồng tre…đi trả thù…dài lâu"*.

→ Nhà thơ đã vận dụng vốn ca dao-dân ca một cách sáng tạo, không lặp lại nguyên văn mà chỉ sử dụng những hình ảnh giàu giá trị tạo hình cho thấy một cái nhìn mời mẻ về Đất Nước, đồng thời khẳng định ngợi ca công lao vĩ đại của nhân dân trên hành trình dựng nước và giữ nước.

– Đoạn trích khép lại bằng một tiếng hát vang vọng, tiếng hát lạc quan yêu đời ngợi ca của tác giả về dáng hình Đất nước "Ôi những dòng sông……sông xuôi" .

⇨ *Tư tưởng đất nước của nhân dân từ trong văn học truyền thống đã được Nguyễn Khoa Điềm phát triển đến đỉnh cao, mang tính dân chủ sâu sắc. Chất liệu văn hóa dân gian được nhà thơ sử dụng nhuần nhuyễn, biến ảo đầy sáng tạo chính là nét đặc sắc thẩm mĩ thống nhất với tư tưởng "đất nước của nhân dân, Đất nước của ca dao thần thoại" của bài thơ. Như vậy tác giả đã vượt qua tính thời sự của một thời để nói lên tiếng nói của muôn đời .*

1. Nghệ thuật: Hình thức thơ tự do, biểu đạt nhiều suy tư, giọng thơ trữ tình chính trị sâu lắng thiết tha, các chất liệu văn hóa dân gian được sử dụng nhuần nhị, sáng tạo. Bài thơ là cách cảm nhận mới mẻ về vẻ đẹp ĐN, qua đó khơi gợi lòng yêu nước, tự hào dân tộc, tự hào về nền văn hóa đậm đà bản sắc VN.

SÓNG – XUÂN QUỲNH

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Tác giả:

2. Ý nghĩa nhan đề "sóng".

– Nghĩa thực: Sóng là hiện tượng tự nhiên trên mặt nước được miêu tả cụ thể, sinh động, có hồn, có tính cách, tâm trạng phong phú, phức tạp.

– Nghĩa biểu tượng: Sóng là hình tượng ẩn dụ cho tâm hồn người phụ nữ đang yêu: thiết tha, sôi nổi, nồng nàn, thủy chung vượt qua mọi khó khăn cách trở để tìm kiếm một hạnh phúc trọn vẹn, một tình yêu vĩnh hằng.

→ Sóng và em tuy hai mà một, có khi hòa làm một có khi phân thân làm hai nhưng đều diễn tả nỗi lòng của người phụ nữ khi yêu.

3. Nhịp điệu của bài thơ.

– Thể thơ 5 chữ với câu thơ liền mạch hầu như không ngắt nhịp như âm điệu, nhịp điệu dào dạt của những con sóng trên biển cả.

– Kết cấu song hành giữa 2 hình tượng: sóng và em, có khi tách ra soi chiếu vào nhau, có khi hóa thân làm một cộng hưởng vẻ đẹp trong nhau tạo nên chiều sâu nhận thức và nét độc đáo cho bài thơ.

– Nhịp điệu của bài thơ khi dịu êm, lắng đọng, khi dồn dập dữ dội phù hợp với tâm trạng, cảm xúc rất khó lý giải của trái

tim yêu.

4. Vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu.

– **Vẻ đẹp truyền thống**: chung thủy, dịu dàng, đằm thắm, hồn hậu, dễ thương.

– **Vẻ đẹp hiện đại**: Thẳng thắn, chủ động bày tỏ những khao khát yêu đương mãnh liệt và những rung động rạo rực trong lòng mình. Người phụ nữ ấy thủy chung, nhưng không còn cam chịu nữa. Tình yêu ấy không chấp nhận sự nhỏ bé chật hẹp mà rộng lớn, hòa cùng tình yêu nhân loại bao la. Đó là những nét mới mẻ, "hiện đại" trong tình yêu.

II. TÌM HIỂU BÀI THƠ

1. 2 khổ đầu: Các trạng thái của sóng - Các cung bậc cảm xúc trong tâm hồn người phụ nữ khi yêu.

– **Sóng có những trạng thái đối lập**:

Dữ dội >< dịu êm

Ồn ào >< lặng lẽ

Khi lặng lẽ dịu êm lăn tăn trên biển cả như tấm thảm xanh trải bạt ngàn giữa đại dương mênh mông, nhưng cũng có lúc cồn cào, dữ dội vào những ngày biển động. Từ ngàn xưa sóng đã vậy, bây giờ và mãi mãi về sau vẫn thế. Đó là quy luật muôn thuở. Người phụ nữ khi yêu cũng thế.

– **Tâm trạng người phụ nữ khi yêu phong phú, phức tạp:**

+ ***Khi yêu trái tim người phụ nữ chứa đầy khao khá*t** muốn vượt giới hạn chật hẹp, tầm thường, vượt qua các rào cản để đến với tâm hồn đồng điệu.

+ Ba hình ảnh "sông", "sóng", "bể" như là những chi tiết bổ

sung cho nhau: sông và bể làm nên đời sóng, Sóng không cam chịu một cuộc sống đời sông chật hẹp, tù túng nên nó làm cuộc hành trình ra biển khơi bao la để thỏa sức vẫy vùng. Mạch sóng mạnh mẽ như bứt phá không gian chật hẹp để khát khao một không gian lớn lao. Hành trình "tìm ra tận bể" chất chứa sức sống tiềm tàng, bền bỉ để vươn tới giá trị tuyệt đích của chính mình.

+ Từ "Ôi!" cảm thán là nỗi thổn thức của trái tim khi yêu. Nghệ thuật đối lập "ngày xưa" – "ngày sau" càng làm tôn thêm giá trị vĩnh hằng của tình yêu.

→ XQ mạnh dạn bộc lộ một quan niệm mới mẻ mà đúng đắn về tình yêu: tình yêu không cam chịu, luôn chủ động khao khát vươn tới cái đẹp của tâm hồn.

=> Từ thực tế của sóng, của tâm trạng, nhà thơ khái quát và khẳng định một chân lý có tính vĩnh hằng: T**ình yêu là khát vọng muôn đời của tuổi trẻ.** Sóng ngày xưa và ngày sau vẫn thế, khát vọng tình yêu muôn đời vẫn *bồi hồi trong ngực trẻ.*

2. Khổ 3 và 4 : Lời lý giải về cội nguồn tình yêu.

– Sóng từ đối tượng cảm nhận chuyển thành đối tượng để suy tư. Từ cái nền mênh mông của thiên nhiên "muôn trùng sóng bể", dòng suy tư của người phụ nữ cuộn lên như con sóng khôn cùng. **Những câu hỏi trở thành cuộc đối thoại lớn về tình yêu:**

"Trước muôn trùng sóng bể... ...

Khi nào ta yêu nhau"

+ Điệp ngữ *"em nghĩ"* cho thấy em đã dùng lí trí để suy nghĩ về tình yêu 1 cách nghiêm túc. Em coi tình yêu là điều hệ trọng của cuộc đời mình chú không phải nhất

thời đắm say.

- Hình thức câu hỏi tu từ: Từ nơi nào sóng lên? Gió bắt đầu từ đâu? – Băn khoăn trăn trở ngọn nguồn của tình yêu
- Câu trả lời *em cũng không biết nữa* – Thái độ bất lực, không lí giải được bởi tình yêu là những bí ẩn kì diệu.

➲ Cách cắt nghĩa tình yêu rất nữ tính và trực cảm thể hiện thái độ trân trọng tình yêu

→ *Xúc cảm tình yêu là xúc cảm mạnh nhất trong trái tim con người. Vì vậy, bao đời nay tình yêu vẫn là câu hỏi lớn. XQ muốn cắt nghĩa về nguồn gốc của sóng để tìm lời giải đáp cho câu hỏi về sự khởi nguồn của tình yêu trong trái tim mình. Lời thú nhận của XQ thật hồn nhiên và chân thành, nó bộc lộ phần nữ tính mềm mại, đằm thắm trong trái tim người phụ nữ muốn sống và yêu nồng nhiệt, thiết tha.*

3. Khổ 5 , 6: Nỗi nhớ trong tình yêu

– Khổ 5: Tình yêu đi liền với nỗi nhớ.

+ Nỗi nhớ cũng chính là điểm da diết, khắc khoải nhất của tình yêu. Nỗi nhớ khắc khoải trong ca dao ”Nhớ ai bồi hồi bồi hồi/Như đứng đống lửa như ngồi đống than”.

+ Người con gái trong thơ XQ không chỉ nhớ anh mà còn nghĩ về anh, hướng về anh. Tình yêu choán đầy con tim, khối óc, thành lẽ sống, thành khát vọng cả cuộc đời.

+ Tâm hồn người con gái đang yêu soi vào sóng, nhờ sóng diễn tả nỗi nhớ vô tận của lòng mình:

“Con sóng dưới lòng sâu... ... Cả trong mơ còn thức”

+ Hình ảnh ẩn dụ: *“sóng nhớ bờ” và* n ghệ thuật tương phản, nhịp thơ: dào dạt, náo nức mãnh liệt - Bộc lộ trực tiếp: em nhớ

anh- trong mơ còn thức.

→ Nỗi nhớ khi thì kín đáo, sâu sắc ”dưới lòng sâu”, khi thì bộc lộ sôi nổi ”trên mặt nước”, nỗi nhớ da diết, thường trực.

+ Hai cặp hình ảnh so sánh độc đáo: Sóng vỗ bờ cả ngày lẫn đêm - em nhớ anh cả lúc thức lẫn lúc ngủ.

➔ Khổ thơ khác biệt (6 câu) là ẩn dụ cho chiều dài mênh mang của nỗi nhớ.Thời gian sinh hoạt còn có giới hạn, thời gian tình yêu thống trị cả giấc mơ. Chỉ có trái tim yêu chân thành, mãnh liệt mới khiến tình yêu chiếm lĩnh cả thời gian và không gian, cả ý thức và tiềm thức như thế.

– **Khổ 6: Tình yêu là sự tin tưởng, thủy chung, son sắt**.

+ Cuộc đời như đại dương mênh mông, vô cùng vô tận, con sóng thì nhỏ bé. Nhưng giữa cái mênh mang của vũ trụ, sóng mới bộc lộ đầy đủ những khát khao cháy bỏng, những đam mê nồng nhiệt mà vẫn quá đỗi dịu dàng, đằm thắm. Đất trời có bốn phương nam – bắc – tây – đông, nhưng trong vũ trụ tình yêu của người phụ nữ chỉ có một phương duy nhất “*phương anh*”.

“Dẫu xuôi về phương bắc
Dẫu ngược về phương nam
Nơi nào em cũng nghĩ
Hướng về anh một phương”

+ Điệp từ “Dẫu” khẳng định bao thử thách phải vượt qua

+ Nghệ thuật tương phản: xuôi – ngược, Bắc – Nam: không gian mở rộng ra nhiều chiều, xa xôi cách trở, éo le thử thách…thì trái tim của em cũng chỉ hướng về một phương duy nhất đó là “phương anh” – nơi có người mình yêu. Trong em anh

là duy nhất- yêu anh với tất cả niềm tin, sự ngưỡng mộ và hy vọng và bằng thái độ kiên định, lòng thủy chung son sắt – dứt khoát mà gợi xúc động.

→ Qua sóng, thấy tình yêu đích thực là tình yêu không có quy luật, không có khái niệm thời gian, không gian. Chỉ có niềm tin, lòng chung thủy sắt son. Tình yêu của người con gái vừa thiết tha mãnh liệt vừa trong sáng giản dị. Trong bài "Tự hát", tình yêu của chị cũng tha thiết yêu thương như thế: "Em trở về đúng nghĩa trái tim em/ Là máu thịt đời thường ai chẳng có/ Vẫn ngừng đập lúc cuộc đời không còn nữa/ nhưng biết yêu anh cả khi chết đi rồi".

4. Khổ 7 + 8 + 9: Khát vọng tình yêu vĩnh hằng

– Từ nỗi nhớ lúc "dữ dội - ồn ào", lúc "êm đềm – lặng lẽ", ý thơ dồn thành **khát vọng sống mãnh liệt** của sóng. Sóng tìm đến cái đích của tình yêu trong **một niềm tin mạnh mẽ:**

"Ở ngoài kia đại dương… Dù muôn vời cách trở"

+ XQ mượn quy luật của sóng biển (sóng vỗ bờ), mây trời (mây bay) để diễn tả qui luật của lòng người. Là một phụ nữ nhạy cảm và đa đoan, XQ ý thức rất rõ: cuộc sống là "*dài, rộng*", là "muôn vời cách trở"

+ Càng thấp thỏm, lo âu, XQ càng cháy bỏng một niềm tin tha thiết, cảm động: tình yêu sẽ vượt qua mọi trở ngại để tới đích, như những con sóng "c*on nào chẳng tới bờ" và "mây vẫn bay về xa"*

– Lời thơ cứ thế triền miên cùng sóng. Cuối cùng sóng hiện ra trong khát khao hạnh phúc mãnh liệt nhất: **khát khao tình yêu vĩnh hằng, bất tử:**

"Làm sao được tan ra… …Để ngàn năm còn vỗ"

+ Đứng trước biển, đối diện với cái mênh mông rộng lớn của thời gian và không gian XQ ý thức được sự hữu hạn của đời người và sự mong manh của hạnh phúc.

+ Nhà thơ muốn được có mặt mãi trên cõi đời để được sống và bất tử trong tình yêu. Khát vọng hóa thân và phân thân trong sóng thật mạnh mẽ. Hai chữ "*tan ra*" vừa cháy bỏng nồng nhiệt, vừa thăm thẳm nỗi niềm phụ nữ_ cái thăm thẳm của hai khát vọng hòa làm một: yêu hết mình và dâng hiến hết mình. Đó cũng chính là vẻ đẹp thánh thiện của người phụ nữ trong tình yêu.

➔ *Sóng là bài thơ tiêu biểu cho hồn thơ XQ: hồn nhiên, trong sáng, chân thành, mãnh liệt, cao thượng, mãnh liệt.* Qua đó thể hiện thái độ ngưỡng vọng, trân trọng tình yêu và người mình yêu một cách chân thành, sâu sắc. *Bài thơ là một đóa hoa đẹp trong vườn hoa tình yêu thơ ca dân tộc.*

II. <u>KẾT LUẬN: Ghi nhớ</u>

ĐÀN GHI TA CỦA LORCA

- THANH THẢO -

I. TÌM HIỂU CHUNG.

1. T<u>ác giả</u>:

2. <u>Ý nghĩa tựa đề và lời đề từ</u>:

- Lorca (SGK)
- Đàn ghi ta là nhạc cụ truyền thống của TBN. "Đàn ghi ta

của Lorca" tượng trưng cho tâm hồn, tài năng, cái chết, số phận của người nghệ sĩ Lorca; đồng thời là tình cảm đau xót, tiếc thương ngưỡng mộ của tác giả.

- Lời đề từ là câu thơ trích trong bài thơ "Ghi nhớ" của Lorca như một lời nhắn nhủ thế hệ sau hãy quên đi sự nghiệp cách tân nghệ thuật của ông để sáng tạo. Đó cũng thể hiện niềm say mê nghệ thuật của ông.

– Đây là di chúc của nhà thơ, khi tiên cảm về cái chết:

+ Hãy chôn tôi với cây đàn - phần hồn của đất nước Tây Ban Nha - Tình yêu Tổ quốc nồng nàn.

+ Hãy chôn tôi với cây đàn – biểu trưng cho sự nghiệp của Lor-ca - Ước nguyện suốt đời theo đuổi sự nghiệp sáng tạo nghệ thuật, mong muốn xóa bỏ ảnh hưởng của bản thân để dọn đường cho thế hệ sau vươn tới.

3. <u>Chủ đề</u> : Qua hình tượng Lor- ca và tiếng đàn ghi ta, tác giả diễn tả cái chết bi tráng đột ngột của người nghệ sĩ đấu trang cho tự do và cách tân nghệ thuật, đồng thời bày tỏ nỗi đau xót sâu sắc và niềm tin mãnh liệt vào sự bất tử của tên tuổi và sự nghiệp của Lor-ca.

II. TÌM HIỂU BÀI THƠ

1. 6 dòng thơ đầu : Hình ảnh Lorca -Người nghệ sĩ tự do.

những tiếng đàn bọt nước

trên yên ngựa mỏi mòn

– Hình ảnh "t*iếng đàn bọt nước"*→ nghệ thuật chuyển đổi cảm giác, cho thấy sự tương giao khác thường giữa các giác quan. Mượn hình ảnh *bọt nước* để diễn tả âm thanh *tiếng đàn,* gợi lên vẻ đẹp mong manh, dễ vỡ lúc hiện lúc tan, tượng trưng cho tâm hồn, tài năng, cuộc đời Lorca. (Chính

Thanh Thảo nói: Nó mỏng manh nhưng không thể bị tiêu diệt. Thơ cũng vậy. Thơ Lorca càng vậy).

- Lorca được hiện ra trên cái nền rộng lớn của văn hóa Tây Ban Nha qua hình ảnh "*áo choàng đỏ gắt*": vừa gợi lên đấu trường bò tót, nét văn hoá tiêu biểu của một đất nước, vừa gợi sự liên tưởng đến đấu trường chính trị bạo tàn thời ấy.
- Cụm từ "*li-la li-la li-la*" vừa mô phỏng âm thanh ngân vang của tiếng đàn ghi ta (cũng như tiếng thơ và nghệ thuật của Lor-ca), vừa là tên loài hoa đẹp trên đất nước Tây Ban Nha -> mở ra dư âm ngân nga cho bài thơ.
- "*vầng trăng, yên ngựa"* là hình ảnh thường xuất hiện trong thơ Lorca: "*Con ngựa đen/ vầng trăng đỏ*",… gợi lên hình ảnh chàng kị sĩ lang thang đơn độc, một ca sĩ dân gian như kẻ hát rong đi khắp mọi miền (*trên yên ngựa mỏi mòn*), say mê cái đẹp, tự do sáng tạo nghệ thuật (*với vầng trăng chếnh choáng*) …

→ Một cuộc hành trình vừa bền bỉ, vừa đơn độc nhưng đầy chất thơ.

=> ***Qua hình ảnh tượng trưng, tương phản, Thanh Thảo gợi lên những nét đặc trưng của văn hoá Tây Ban Nha - nơi nuôi dưỡng tâm hồn Lor-ca. Hình tượng Lor-ca hiện lên trong mối quan hệ tương đồng với nền văn hoá đó. Hay nói cách khác, Lor-ca và nền văn hoá Tây Ban Nha như hoà nhập vào nhau.***

Từ cách cảm nhận của Thanh Thảo, Lor-ca hiện lên với hai tư thế: Một chiến sĩ nơi đấu trường chính trị, một nghệ sĩ tiên phong cách tân nghệ thuật.

2. 12 câu tiếp : Tâm hồn, tình yêu, số phận, cái chết của của Lor-ca.

Tây Ban Nha

tiếng ghi ta ròng ròng máu chảy

a. *Cái chết của Lor-ca được khắc họa đầy bi phẫn*

– Tâm trạng của Lor-ca trước cái chết được biểu hiện qua*:*

+ Hai hình ảnh tương phản: *hát nghêu ngao* (Lorca vô tư, tự do, thanh thản với tiếng đàn lời ca của mình) đối lập với *áo choàng bê bết đỏ* (hiện thực phũ phàng bi thảm) .

+ Hình ảnh "*chàng đi như người mộng du*": qua thơ, ông đã đoán trước định mệnh của mình nhưng không ngờ nó lại đến bất ngờ và phi lí. Ông từng thốt lên " *Tôi không muốn nhìn thấy máu*!". Nhưng máu đã đổ. Chàng kiếm sĩ muốn một cái chết vinh quang giữa đấu trường cùng với đôi kiếm sắc, nhưng lại bị kẻ thù hành hình một cách lén lút, bất minh.

+ Từ "*bỗng*" tô đậm thêm sự đột ngột, khắc sâu tâm trạng bàng hoàng trước cái chết của Lorca của cả nhân dân yêu chuộng tự do Tây Ban Nha và cả những người tiến bộ trên toàn thế giới.

b. Hình ảnh tiếng đàn và tâm hồn, tình yêu, số phận của Lorca

– Tiếng ghi ta được nhắc đi nhắc lại, nhưng mỗi lần nhắc lại có sự thay đổi về cung bậc sắc thái biểu cảm khác nhau, từ đường nét đến hình ảnh, màu sắc…

tiếng ghi ta nâu

bầu trời cô gái ấy

...máu chảy

– Tiếng đàn được cảm nhận qua sự lạ hoá cách biểu đạt bằng

những hình dung từ:

❖ ***Âm thanh thành màu sắc***:

+ tiếng ghi ta nâu *bầu trời cô gái ấy*, gợi lên sự thẳm sâu như màu quá khứ, màu hoài niệm về tình yêu đã qua, màu đất, màu quê hương , xứ sở ...

+ Tiếng ghi ta lá lá xanh...Phải chăng đó là bầu trời của tình yêu, bầu trời của những cô gái Di-gan bí ẩn. *Lá xanh biết mấy*, gợi lên niềm khát vọng tương lai và sức sống bền bỉ.

❖ ***Âm thanh thành hình khối***: *tròn bọt nước*. *Bọt nước* gợi sự long lanh nhưng cũng hết sức mong manh. " *bọt nước vỡ tan"* tức tưởi, vỡ òa như nói tiếng nói của sự căm phẫn. Phải chăng đó là tiếng kêu cứu của nghệ thuật khi bị tiệt diệt hay chính là cuộc đời, số phận ngắn ngủi, mong manh!

❖ ***Âm thanh tiếng đàn được nhân hoá***: *ròng ròng máu chảy* – Gợi ra cái chết bi thương. Âm nhạc đã thành thân phận, nỗi đau uất nghẹn, tức tưởi của tiếng đàn hay chính là nỗi đau của người nghệ sĩ khi khát vọng chưa thành. Thì ra nghệ thuật trong bản thể cũng là một sinh mệnh!

=> ***Bằng nghệ thuật chuyển đổi cảm giác theo phép tương giao, những biện pháp hoán dụ, nhân hoá, liên tưởng tiếng đàn ghi-ta được miêu tả mang ý nghĩa ẩn dụ về tình yêu, về cái đẹp, về cái chết, về nỗi đau của Lor-ca. Qua đó, Thanh Thảo bộc lộ niềm đồng cảm xót thương với khát vọng dang dở và cảm nhận cái giây phút bi thảm đến ám ảnh về cái chết của Lorca.***

1. 4 câu tiếp : Sức sống mãnh liệt của tiếng đàn Lor-ca.

không ai chôn cất tiếng đàn

... long lanh trong đáy giếng

a. ***Cảm nhận về con người và sự nghiệp của Lorca***:

- ***không ai chôn cất tiếng đàn*** gợi lời di chúc của Lorca: *khi tôi chết hãy chôn tôi với cây đàn*. Có thể hiểu: ý nguyện sâu xa của Lorca: hãy chôn đi sự ảnh hưởng của mình đối với các thế hệ sau. Nhưng không ai thực hiện lời di chúc đó. Vì tiếng đàn và ảnh hưởng của Lorca vẫn sống với đời.
- ***tiếng đàn như cỏ mọc hoang*** gợi sức sống bất diệt. Ảnh hưởng nghệ thuật của Lor-ca có một sức sống mạnh mẽ khắp nơi "*như cỏ mọc hoang"*.
- ***giọt nước mắt vầng trăng / long lanh trong đáy giếng***: gợi một sức sống trong niềm tiếc thương cao quý. Giọt nước mắt vầng trăng gợi nỗi đau lan tỏa khắp không gian khi thu hẹp vào nơi đáy giếng.Nhưng dù ở không gian nào nó vẫn sáng long lanh.Sự nghiệp thơ ca của ông cũng giống như vầng trăng kia bất tử.

b. Cảm xúc của Thanh Thảo:

- Cảm nhận giá trị và sức sống mạnh mẽ về cuộc đời sự nghiệp sáng tạo nghệ thuật của Lor-ca sau khi ông đã mất.
- Tiếc thương cho một thiên tài, một hành trình cách tân nghệ thuật còn dang dở.
- Qua đó cho thấy sự ngưỡng mộ, ngợi ca của Thanh Thảo đối với tài năng bất tử của Lor-ca.

4. 9 câu cuối: Suy tư về sự giã từ cuộc đời của Lor-ca.

đường chỉ tay đã đứt

.....lặng yên bất chợt

a. ***Thanh Thảo suy tư về sự giải thoát và cách giã từ của Lorca***.

Ý thơ vừa mang ý nghĩa tượng trưng, vừa có màu sắc siêu thực, nên hình tượng thơ nghiêng về thủ pháp gợi là chính, hướng người đọc cảm nhận đa chiều.

- ***đường chỉ tay*** → con đường định mệnh, *đã đứt* → mệnh người chấm hết , chỉ cái chết của Lorca.
- ***dòng sông rộng vô cùng*** → chỉ dòng đời rộng lớn, những mong muốn, ước mơ còn quá nhiều.
- Nhưng Lorca ra đi một cách nhẹ nhàng: *bơi sang ngang/ trên chiếc ghi ta màu bạc* thanh thản và rực sáng.
- ***ném lá bùa cô gái Di-gan / vào xoáy nước*** → muốn chặn lại dòng xoáy định mệnh khốc liệt đang diễn ra, nhưng không cưỡng nổi. Vì thế Lorca đã phải chấp nhận sự ra đi đột ngột: *chàng ném trái tim mình / vào lặng yên bất chợt*.

=> *Lorca đã mang cái đẹp, tình yêu đến giáp mặt với cái chết, tưởng như tất cả đều bất ngờ rơi vào lặng lẽ, nhưng từ cái chết kia đã mở ra một cuộc sống tươi đẹp với âm thanh của tiếng đàn - thơ mãi ngân vang và hoa vẫn nở li-la li-la li-la…*

b. Cảm nhận của Thanh Thảo về sự ra đi của Lor-ca:

- Một sự giã từ xót xa bởi không cưỡng nổi dòng xoáy định mệnh cuộc đời quá khốc liệt, phũ phàng.
- Tuy cuộc đời sự nghiệp quá ngắn ngủi, nhưng trong khoảng thời gian ngắn ngủi đó, Lor-ca đã thắp lên một một vầng hào quang rực sáng, không riêng cho các nhân mình mà còn cho cả đất nước Tây Ban Nha.

=> *Bài thơ viết ở thể tự do, không có dấu hiệu mở đầu, kết thúc, kết hợp hài hòa giữa thơ và nhạc, nhiều hình ảnh tượng trưng có sức chứa lớn về nội dung và mang màu sắc TBN rõ nét.*

Bài thơ bộc lộ nỗi đau sâu sắc trước cái chết bi thảm của

Lor-ca, đồng thời bày tỏ niềm trân trọng, ngưỡng mộ của Thanh Thảo đối với người nghệ sĩ TBN vĩ đại.

III. KẾT LUẬN: Ghi nhớ

NGƯỜI LÁI ĐÒ SÔNG ĐÀ
- NGUYỄN TUÂN -

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Tác giả

- Là người có cá tính mạnh mẽ, coi việc cầm bút là lẽ sống cuộc đời mình. Ông là người say mê đi tìm cái đẹp.
- Ông là một nhà văn lớn, tài hoa, uyên bác. Ông có một vị trí quan trọng và đóng góp không nhỏ đối với VHVN hiện đại, thúc đẩy tùy bút, bút kí văn học đạt tới trình độ nghệ thuật cao.

2. Hoàn cảnh sáng tác tuỳ bút "Người lái đò sông Đà":

- Tác phẩm được xuất bản lần đầu năm 1960, in trong tập *Tuỳ bút sông Đà* của Nguyễn Tuân.
- *Tuỳ bút sông Đà* gồm 15 tuỳ bút, là kết quả chuyến đi thực tế của tác giả năm 1958 lên vùng Tây Bắc. Đó là nơi bộ đội, thanh niên xung phong, công nhân và đồng bào các dân tộc ít người đang xây dựng cuộc sống mới.
- Cảm hứng chủ đạo của cả tập bút kí là tìm kiếm chất vàng của thiên nhiên Tây Bắc và nhất là chất vàng mười – "thứ

vàng đã qua thử lửa" ở tâm hồn những con người lao động, chiến đấu trên miền núi sông hùng vĩ và thơ mộng.

❖ **<u>Chủ đề</u>:**

Qua hình ảnh con sông Đà hung bạo và thơ mộng, người lái đò bình dị mà dũng cảm tài hoa, Nguyễn Tuân ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên và con người Tây Bắc của Tổ quốc.

II. TÌM HIỂU VĂN BẢN

1.Hình tượng sông Đà.

a. Sông Đà hung bạo:

– **Vách đá "***đá bờ sông dựng vách thành***"** và những bức thành vách đá cao chẹt chặt lấy lòng sông hẹp. Cái hẹp của lòng sông tác giả tả theo đủ cách:

\+ "*Mặt sông chỗ ấy chỉ lúc đúng ngọ mới có mặt trời"*

\+ Con hổ con nai có thể vọt qua sông, và chỉ can nhẹ tay thôi cũng có thể ném hòn đá từ bờ bên này qua bên kia vách…

\+ "Ngồi trong khoang đò qua quãng ấy, đang mùa hè cũng thấy lạnh, cảm thấy mình như đứng ở hè một cái ngõ mà ngóng vọng lên một cái khung cửa sổ nào trên cái tầng nhà thứ mấy nào vừa tắt phụt đèn điện"

→ So sánh vừa chính xác, tinh tế, vừa bất ngờ và lạ lùng. Cảm giác như N.T luôn lục lọi đến tận kiệt cùng cái kho ấn tượng nay ăm ắp để tìm cho được một cách nói có thể làm kinh động hồn trí con người. Sông Đà thật hùng vĩ, hiểm trở đầy vẻ huyền bí.

- **Gió trên sông Đà**: "*Dài hàng cây số nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió, cuồn cuộn luồng gió gùn ghè suốt năm*" Câu văn như bị chặt đứt từng đoạn. Lối điệp cấu

trúc theo mức độ tăng tiến dần, nhịp điệu dồn dập, gấp gáp tạo nên hình ảnh con **sông** Đà cuồng nộ, dữ dằn như lúc nào cũng muốn tiêu diệt con người. Nghệ thuật nhân hoá, kết cấu trùng điệp, hình ảnh liên tiếp tác động vào giác quan người đọc, gợi ấn tượng về sự dữ dội, hiểm trở của dòng sông.

– **Những hút nước ở quãng Tà Mường Vát**: "*nước ở đây thở và kêu như cửa cống cái bị sặc", "chỗ giếng nước sâu ặc ặc lên …"* những cái hút nước lôi tuột bè gỗ xuống hoặc hút những chiếc thuyền xuống rồi đánh chúng tan xác" → Lối so sánh độc đáo khiến con sông Đà không khác gì loài thủy quái với những tiếng kêu ghê rợn như muốn khủng bố tinh thần và uy hiếp con người.

– **Âm thanh thác nước sông Đà:**

+ Nguyễn Tuân như một nhạc trưởng đang điều khiển một dàn giao hưởng chơi thật hùng tráng bài ca của gió thác xô sóng đá

+ Ban đầu tác giả mới để cất lên khúc như đang *"oán trách", "van xin", "khiêu khích", "giọng gằn mà chế nhạo"*. Thế rồi bất ngờ âm thanh được phóng to hết cỡ, các nhạc khí bừng bừng thét lên khúc nhạc của một thiên nhiên đang ở đỉnh điểm của một cơn phẫn khích mạnh mẽ và man dại: *"nó rống lên như tiếng một ngàn con trâu mộng đang lồng lộn giữa rừng vầu rừng tre nứa nổ lửa … rừng lửa cùng gầm thét với đàn trâu da cháy bùng bùng…"* → Sự liên tưởng vô cùng phong phú, âm thanh của thác nước sông Đà được Nguyễn Tuân miêu tả không khác gì âm thanh của một trận động rừng, động đất hay nạn núi lửa thời tiền sử. Lấy lửa để tả nước, lấy rừng để tả sông, N.T quả là đã chơi ngông lắm trong nghệ thuật.

– **Trận địa đá trên sông Đà:**

Bằng thủ pháp nhân hóa, người đọc nhận ra từng sắc diện người trong những hình thù đá vô tri. Nguyễn Tuân đã dùng sức mạnh điêu khắc của ngôn từ để thổi hồn vào từng thớ đá: "*Cả một chân trời đá ... mặt hòn nào trông cũng "ngỗ ngược", "nhăn nhúm", "méo mó"*

→ Những hòn đá vô tri vô giác nhưng qua cái nhìn của Nguyễn Tuân chúng mang vẻ du côn của thiên nhiên hoang dại và hung dữ với ba trùng vi thạch trận

+ **Trùng vi thạch trận thứ nhất:** Bọn đá đứa thì *"hất hàm" đứa thì "thách thức", "mặt nước hò la ùa vào bẻ gãy cán chèo", sóng nước "đá trái, thúc gối vào bụng vào hông thuyền"...* Ở đây dòng sông phối hợp đá, thác nước, âm thanh, sóng nước hợp lực để tấn công con thuyền. Nhà văn sử dung liên tiếp nghệ thuật nhân hóa làm cho đá sông Đà hiện lên như một trận đia mà kẻ thù vô cùng hiểm độc, lắm mưu nhiều kế vây hãm con thuyền. Bằng trí tưởng tượng, liên tưởng độc đáo, tác giả đã vẽ ra khung cảnh kì vĩ. Sóng nổi lên tạo ra ánh sáng như lửa cháy hòng thiêu đốt con thuyền. "Sóng đánh hồi lùng, đành đòn âm, đánh đòn tỉa vào chỗ hiểm". Sóng vận dụng tất cả những cách đánh, lúc dồn dập, lúc dùng đòn ngầm, đòn tỉa để bắt chết con thuyền.

+ **Trùng vi thạch trận thứ hai** Sông nước bài binh bố trận ở khắp nơi, *tăng nhiều cửa tử, cửa sinh nằm ở phía hữu ngạn*...Qua ngòi bút tài hoa, trí tưởng tượng phong phú của Nguyễn Tuân, sông Đà hiện nguyên hình là con quái vật khổng lồ là nham hiểm, xảo quyệt, đủ mưu ma, chước quỷ đầy giã tâm thâm độc.. Cứ thế, sự dữ dằn, hung bạo, hiểm ác của sông Đà – kẻ thù số một của con người Tây Bắc cứ nhân lên trùng trùng trong liên tưởng, tưởng tượng của

người đọc

+ Trùng vi thạch trận thứ ba:

Sông Đà sắp đặt bên *phải bên trái đều là luồng chết*, luồng sống ở ngay giữa. Khi con thuyền xa vào trận địa, đá thác và sông nước "nhất tề xông lên", hợp đồng tác chiến, đánh hội đồng. Chúng đánh dồn dập, tới tấp với những miếng đòn hiểm độc. Chúng âm mưu đánh tan tất cả thuyền trưởng và thủy thủ ngay ở chân thác. Qua ngòi bút tài hoa, trí tưởng tượng phong phú của Nguyễn Tuân, sông Đà hiện nguyên hình là con quái vật khổng lồ là nham hiểm, xảo quyệt, đủ mưu ma, chước quỷ đầy giã tâm thâm độc. Cứ thế, sự dữ dằn, hung bạo, hiểm ác của sông Đà – kẻ thù số một của con người Tây Bắc cứ nhân lên trùng trùng trong liên tưởng, tưởng tượng của người đọc. Đọc trang văn mà ta như lạc vào trận địa đủ thiên la địa võng Nhà văn dùng kiến thức về quân sự, võ thuật, …nghệ thuật nhân hóa, thậm xưng để làm nổi bật cái nham hiểm của sông Đà. Con sông Đà hung bạo, tàn ác không khác gì "kẻ thù số một của con người".

=> ***Miêu tả sự hung bạo của con sông nhà văn muốn khắc họa vẻ đẹp hùng vĩ và sức mạnh kì diệu của sông Đà nói riêng và thiên nhiên Tây Bắc nói chung. Hình ảnh con sông đã tôn vinh tài năng nghệ thuật tài hoa, tài tử và cực kì uyên bác của một ngòi bút số một về thể loại tùy bút VN.***

b. Sông Đà – trữ tình, thơ mộng:

– **Hình dáng**: Dòng sông Đà không chỉ có những *"dòng thác hùm beo đang hống hộc tế mạnh trên sông đá"* mà nó còn là bức tranh thủy mặc vương vấn lòng người. Từ trên tàu bay nhìn xuống "*con sông Đà tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc, chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung*

nở hoa ban, hoa gạo ..."

→ Hình ảnh so sánh độc đáo, những điệp từ, câu văn gợi cảm, giàu chất thơ. Sông Đà mang vẻ đẹp mềm mại, nhẹ nhàng, quyến rũ của người phụ nữ Tây Bắc.

– **Màu sắc dòng sông thay đổi theo mùa:**

+ "*Mùa xuân xanh màu ngọc bích"*, khác với sông Gâm, sông Lô *"màu xanh canh hến"* Màu ngọc bích lấp lánh trong xanh phản quang bởi sắc trời vào xuân trong trẻo, tinh khôi và mặt nước trong veo, tĩnh lặng

+ Mùa thu nước sông "*lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa ..."* Một cách so sánh độc lạ tài hoa. Đó là màu đỏ của phù sa mà sông Đà đang chở nặng đi bồi đắp cho đôi bờ.

➲ Sông Đà mỗi mùa mang một vẻ đẹp riêng, quyến rũ và tình tứ. Đây là kết quả của những công phu tìm tòi khó nhọc, nhà văn nhìn dòng sông ở nhiều thời điểm để phát hiện vẻ đẹp riêng mỗi mùa.

- Cảnh trí đôi bờ thơ mộng:

- Không gian bao trùm một màu xanh mướt: *"cỏ tranh đồi núi đang ra những nốn búp. Một đàn hươu cúi đầu ngốn búp cỏ tranh còn đẫm sương đêm"* Nguyễn Tuân tạo ra một không khí mơ màng khiến người đọc có cảm giác như lạc vào một thế giới kỳ ảo
- **Vẻ đẹp tĩnh lặng của dòng sông hiện lên rõ nhất qua âm thanh bờ sông**. Bờ sông, mặt nước sông tĩnh lặng đến mức người đi trên sông thèm được giật mình bởi một tiếng còi. Tĩnh đến mức con hươu thơ ngộ ngẩng đầu vểnh tai mới nghe được tiếng "còi sương". Tĩnh đến mức "tiếng cá đập nước sông đuổi mất đàn hươu vụt biến". Dường như vô thanh. Ở đây nhà văn lấy động tả tĩnh.

- Con sông giống như một *cố nhân lâu ngày gặp lại*. Coi sông Đà là cố nhân nghĩa là dòng sông đã là dòng sông kỉ niệm đong đầy yêu thương. Từ đây nhà văn thấy con sông "vui như thấy nắng giòn tan sau kì mưa dầm, vui như nối lại chiêm bao đứt quãng".
- ***Sông Đà gợi cảm*** bởi ánh nắng "Tháng ba Đường thi "Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu".
- *Bờ sông hoang dại như bờ tiền sử, phảng phất nỗi niềm cổ tích tuổi xưa… lặng tờ "như từ Lí, đời Trần, đời Lê".* Câu văn xuôi của Nguyễn Tuân mang vẻ đẹp cổ kính hoa lệ như hai vế song quan trong một bài phú lưu thuỷ kiệt tác. Hai hình ảnh so sánh gợi mở ra bờ sông Đà bình yên, tĩnh lặng, hoang dại mà cổ kính.
- **Cảnh Sông Đà cuối trung lưu êm** đềm, "*lững lờ như nhớ thương những hòn đá thác xa xôi*", hoặc "*con sông như đang lắng nghe những giọng nói êm êm của người xuôi*", v. v…Ở quãng này sông Đà không còn đá ngỗ ngược dàn thạch trận, không còn tiếng thác dữ dội mà hoàn toàn bình yên, nhẹ nhàng, lắng sâu.

➲ Văn Nguyễn Tuân cổ kính, đĩnh đạc, trang nghiêm và rất hiện đại. Cách so sánh có sức gợi sâu xa, khắc hoạ vẻ đẹp hoang sơ, con sông chảy qua năm tháng lịch sử mang dấu ấn văn hoá ngàn xưa của cha ông.

– **Miêu tả sông Đà từ nhiều góc độ:**

+ Từ trên cao nhìn xuống: sông Đà như một *"mỹ nhân"* (đẹp)
+ Từ trong rừng ra: sông Đà như một *"cố nhân"* (thân thiết)
+ Khi ở trên sông: sông Đà như một *"tình nhân"* (khăng khít, gắn bó, đắm say)

⇒ ***Nguyễn Tuân say mê miêu tả dòng sông với tất cả sự tinh tế của cảm xúc, và bằng một tình yêu thiết tha thiên nhiên đất nước. Lòng ngưỡng mộ, trân trọng, nâng niu tự hào về một dòng sông, một ngọn thác, một dòng chảy đã tạo nên***

những trang văn đẹp hiếm có – Nguyễn Tuân xứng đáng là một cây bút tài hoa bậc nhất của nền văn học Việt Nam.

2. Hình tượng người lái đò

Bằng sự quan sát và khả năng miêu tả chuẩn xác, Nguyễn Tuân đã dựng lên hình tượng người lái đò hết sức độc đáo:

a. Lai lịch: Người lái đò là ông già 70 tuổi, giành phần lớn đời mình cho nghề lái đò.

b. Ngoại hình:

– Nghề nghiệp khắc nghiệt đã in dấu lên những nét đặc biệt của ông đò *"Tay ông lêu nghêu như cái sào, chân ông lúc nào cũng khuỳnh khuỳnh gò lại như kẹp lấy một cái cuống lái tưởng tượng, giọng ông ào ào như tiếng nước trước mặt ghềnh sông, nhỡn giới ông vời vợi như mong một cái bến xa xăm nào đó trong sương mù*

→ Những từ láy gợi hình, gợi cảm, những hình ảnh so sánh ví von độc đáo, gắn với những hình ảnh của nghề sông nước, gợi ông lái đò gân guốc, khỏe mạnh, lanh lẹ ngầm hé lộ nội tâm, phong thái, bản lĩnh của một con người lao động tài hoa, khoẻ mạnh.

- Thân thể ông mang đậm dấu ấn của nghề nghiệp, chứng tỏ ông là một con người yêu nghề, gắn bó với nghề.

c. Tính cách:

– Là người từng trải, giàu kinh nghiệm trong nghề nghiệp

+ Ông lão nắm vững qui luật khắc nghiệt của dòng thác sông Đà "N*ắm chắc quy luật của thần sông thần đá".*

+ Ông thuộc lòng những đặc điểm địa hình của Sông Đà "nhớ

tỉ mỉ như đóng đanh vào tất cả các luồng nước của tất cả những con thác hiểm trở", Sông Đà *"như một thiên anh hùng ca mà ông đò thuộc đến cả những cái chấm than, chấm câu và những đoạn xuống dòng".*

– **Là người trí dũng tuyệt vời:**

+ Hoàn cảnh sống của người lái đò, chính là cuộc đấu tranh với thiên nhiên để giành sự sống từ tay nó về tay mình. Hàng ngày, người lái đò phải đối đầu với các kẻ thù trên sông nước như: vách đá, những cái hút nước, thác nước, đá sông … chúng bày thạch trận như một la bàn khổng lồ, một trận đồ thiên la địa võng để thách đố và khủng bố tinh thần những người chiến sĩ làm nghề sông nước.

+ Ông sẵn sàng đối mặt với thác dữ, chinh phục *"cửa tử", "cửa sinh",* vượt qua trận thuỷ chiến với đá chìm, đá nổi, với những trùng vi thạch trận và phòng tuyến đầy nguy hiểm. Ông lái đò vượt qua bằng những hành động táo bạo và chuẩn xác. Ông hiện lên như một vị chủ huy dày dạn kinh nghiệm:

- ***Trùng vi thạch trận thứ I***: Bọn đá đứa thì "*hất hàm" đứa thì "thách thức", "mặt nước hò la ùa vào bẻ gãy cán chèo", sóng nước "đá trái, thúc gối vào bụng vào hông thuyền"…* Ông lái đò đã bị thương nhưng cố nén, *"hai chân vẫn kẹp chặt cuống lái", "mặt méo bệch"* nhưng "*tiếng chỉ huy vẫn ngắn gọn, tỉnh táo"* → Đây là cuộc tỉ thí giữa hai đô vật quá chênh lệch về sức lực và thế võ, người lái đò chiến thắng ở sự bình tĩnh, gan dạ, dũng cảm quyết tâm cao.

- ***Trùng vi thạch trận thứ II:*** Vì nắm chắc binh pháp của thần sông, thần đá và thuộc quy luật phục kích của lũ đá ,sông Đà tăng nhiều cửa tử, cửa sinh nằm ở phía hữu ngạn nên người lái đò thay đổi chiến thuật: "*cưỡi lên thác sông Đà như cưỡi*

hổ", chỗ "rảo bơi", chỗ "đè sấn", chỗ "chặt đôi ra" để mở đường tiến → Hàng loạt những động từ cho ta thấy người lái đò thông minh, chủ động, đầy kinh nghiệm, lấn lướt con sông Đà.

- ***Trùng vi thạch trận thứ III:*** Sông Đà sắp đặt bên phải bên trái đều là luồng chết, luồng sống ở ngay giữa. Người lái đò *"phóng thẳng thuyền chọc thẳng cửa giữa, vút, vút thuyền như mũi tên tre xuyên nhanh qua hơi nước"*

→ Biện pháp nghệ thuật so sánh nhằm thể hiện trình độ lái đò đạt đến sự tài hoa nghệ thuật, người lái đò táo bạo, quyết liệt, lái đò nhanh và chính xác như tên bay khỏi nỏ cắm trúng đích đến.

– **Là người tài hoa nghệ sĩ:**

+ **Ông đối đầu với ghềnh thác cuồng bạo bằng sự tự tin, ung dung nghệ sĩ**. Tay lái linh hoạt, khéo léo, tài hoa như một nghệ sĩ trên sông nước . Dưới bàn tay chèo lái điêu luyện của ông con thuyền đã hoá thành con tuấn mã hiểu ý chủ- khi thì khéo léo né tránh luồng sóng dữ "*đứa thì ông tránh mà rảo bơi chèo lên"*, khi thì phóng thẳng vào cửa đá *" đứa thì ông đè sấn lên mà chặt đôi ra để mở đường tiến"*. Con thuyền như bay trong không gian *"Vút, vút…thuyền như một mũi tên tre xuyên nhanh qua hơi nước"* . Ông đò luôn nhìn thử thách bằng cái nhìn giản dị mà lãng mạn.

+ **Sau cuộc vượt thác gian nan, ông đò lại có phong thái ung dung, khiêm nhường** của một nghệ sĩ *"Đêm ấy nhà đò đốt lửa trong hang đá, nước ống cơm lam và toàn bàn tán về cá anh vũ, cá dầm xanh…"*.Câu chuyện hiện ra những khung cảnh của một cuộc sống yên bình, hòa hợp với thiên nhiên, gắn liền với dòng sông yêu thương của mình. Những câu chuyện ấy có cả niềm tự hào, lời tri ân chân thành sâu

sắc của những người coi sông Đà là sự sống của mình. Trong câu chuyện của họ có cả hình ảnh gia đình, quê hương rất mộc mạc mà ân tình.

→ Ông lái đò hiện lên trong tư thế lao động rất tự do rất yêu đời, rất mạnh mẽ. Họ là người lao động trong thời kì mới, đang làm chủ quê hương đất nước, làm chủ cuộc sống của chính mình. Tâm thế của ông lái đò hoàn toàn khác với người nông dân trước cách mạng tháng 8 năm 1945. Họ khác với cuộc sống tủi nhục trong kiếp nô lệ được văn học trước năm 1945 phản ánh như hình tượng Chí Phèo trong tác phẩm CP, Chị Dậu trong tác phẩm Tắt đèn. Từ đây ta thấy giá trị của tự do và niềm hạnh phúc lớn lao mà người lao động như ông lái đò đang sống, đang lao động, đang cống hiến trong thời kì đất nước xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ngợi ca ông lái đò là nhà văn đang ngợi ca đất nước, ngợi ca người lao động trong thời kì mới.

III. <u>Kết luận:</u> (ghi nhớ).

AI ĐÃ ĐẶT TÊN CHO DÒNG SÔNG?

- HOÀNG PHỦ NGỌC TƯỜNG -

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Tác giả:

- Hoàng Phủ Ngọc Tường là một trí thức yêu nước, một nhà văn gắn bó mật thiết với xứ Huế, có vốn hiểu biết uyên bác.
- Ông chuyên về bút ký, là "một trong mấy nhà văn viết ký hay nhất của nền văn học ta hiện nay" - Nguyên Ngọc.

– Sáng tác của ông có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất trí tuệ và trữ tình, nghị luận và tư duy đa chiều với lối hành văn hướng nội, mê đắm, tài hoa.

2. Tác phẩm – Thể loại.

– Viết tại Huế năm 1981, in trong tập sách cùng tên.

– Vị trí đoạn trích: bài kí gồm 3 phần, đoạn trích nằm ở đoạn đầu và đoạn kết của bài kí

– Là tác phẩm tiêu biểu cho đặc trưng thể loại và văn phong của HPNT.

3. Ý nghĩa nhan đề: "Ai đã đặt tên cho dòng sông ?" :

– Sông Hương là sự hóa thân từ một huyền thoại, phải chăng vi yêu quí con sông quê hương mà người dân đã đặt cho nó một cái tên vừa đẹp, vừa thơm ấy.

– Câu hỏi tu từ- nhan đề đã một lần nữa khẳng định, ngợi ca vẻ đẹp của sông Hương, thể hiện niềm tự hào, yêu quí sông Hương của tác giả.

– Câu hỏi cũng là sự vấn vương, lưu luyến trước vẻ đẹp như không bao giờ khám phá hết được của sông Hương.

II. TÌM HIỂU TÁC PHẨM

1. Vẻ đẹp của cảnh quan thiên nhiên sông Hương qua cảm nhận của nhà văn,

Sông Hương là kì công của tạo hóa, là "*dòng sông thuộc về thành phố duy nhất*"**.** Tác giả khám phá, diễn tả sông Hương theo thủy trình của nó để làm nổi bật vẻ đẹp của dòng sông trong sự phối cảnh kỳ thú với thiên nhiên xứ Huế.

a. ***Ở thượng nguồn sông Hương mang vẻ đẹp hoang dại***

đầy cá tính với sức sống mãnh liệt.

– **Sông Hương có hai nét tính cách đối lập nhưng thống nhất:**

+ **Vẻ đẹp hùng vĩ:** "*một bản trường ca của rừng già, rầm rộ giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghềnh thác, cuộn xoáy như cơn lốc vào giữa những đáy vực*".

→ Nghệ thuật nhân hóa thể hiện sức sống mãnh liệt của dòng sông.

+ **Vẻ đẹp dịu dàng, trữ tình:** "*có lúc nó dịu dàng giữa những dặm dài chói lọi màu đỏ của hoa đỗ quyên rừng*".

→ Sông Hương như một sinh thể có hồn.

– **Nguyên nhân của sự tổng hòa hai tính cách:**

+ Rừng Trường Sơn như người mẹ "*sinh ra nó, nuôi dưỡng, chở che, yêu thương và chế ngự nó*".

+ Vì thế sông Hương vừa "*phóng khoáng vừa man dại*" như cô gái Di-gan, vừa mang sắc đẹp dịu dàng và trí tuệ trở thành "*người mẹ phù sa*" của một vùng văn hóa xứ sở.

→ Sông Hương là một công trình nghệ thuật tuyệt vời của tạo hóa.

=> ***Bằng óc quan sát tinh tế và trí tưởng tượng phong phú, việc sử dụng nghệ thuật so sánh, nhân hoá tài hoa, táo bạo, Hoàng Phủ Ngọc Tường đã phát hiện và khắc hoạ vẻ đẹp mạnh mẽ, trẻ trung đầy cá tính của dòng sông, gợi ở người đọc những liên tưởng kì thú, gợi cảm, đầy sức hấp dẫn.***

b. Sông Hương chảy về đồng bằng và ngoại vi thành phố Huế:

Sông Hương trên đường tìm đến Huế:

– Chuyển dòng một cách liên tục, uốn mình theo những đường cong thật mềm, như một cuộc tìm kiếm có ý thức.

– Phô diễn những vẻ đẹp lộng lẫy của mình: '*Sắc nước trở nên xanh thẳm"* khi chảy dưới chân núi Ngọc Trản; dòng sông mềm như tấm lụa khi trôi giữa hai dãy đồi sừng sững như thành quách…Vẻ đẹp của dòng sông trở nên biến ảo, đa dạng trong nhiều thời gian và không gian khác nhau .

– Mang vẻ đẹp "trầm mặc" mang màu sắc triết lí "cổ thi" khi đi qua những lăng tẩm u tịch trong âm hưởng ngân nga của tiếng chuông Thiên Mụ.

=> Qua cái nhìn đầy lãng mạn của Hoàng Phủ Ngọc Tường, Sông Hương như "*người con gái đẹp ngủ mơ màng giữa cánh đồng Châu Hóa đầy hoa dại" ,* như 1 cô gái dịu dàng mơ mộng đang khao khát đi tìm thành phố tình yêu của nó.

c. ***Sông Hương khi chảy vào thành phố và trước khi về biển cả.***

Sông Hương nằm trong lòng thành phố Huế yêu quí của mình như dòng sông Xen của Pa-ri, sông Đa-nuýp của Bu – đa-pét . Sông Hương chảy chậm hơn, giữ được vẻ trầm mặc, cổ kính rất riêng.

❖ ***Cái nhìn say đắm của một trái tim đa tình.***

- Đến ngoại ô Kim Long, sông Hương "*vui tươi hẳn lên*" khi nhìn Cồn Giã Viên và cồn Hến làm cho dòng sông Hương uốn cong "*mềm hẳn đi như một tiếng vâng không nói của tình yêu*", "*cơ hồ chỉ còn là mặt hồ yên tĩnh*".

– **Sông Hương khi gặp gỡ Huế**:

- Đến ngoại ô Kim Long sông Hương " *vui tươi hẳn lên "* giữa bãi biển xanh biếc, khi nhìn thấy cầu Tràng Tiền "*in ngần trên bầu trời nhỏ nhắn như vành trăng non*".

+ Giáp mặt thành phố Huế "*sông Hương uốn mình một cánh*

cung…khiến dòng sông mềm hẳn đi như một tiếng vâng không nói ra của tình yêu". Vẻ e lệ, ngượng ngùng khi gặp người trong mong đợi.

+ Chảy giữa thành phố Huế sông Hương "*cơ hồ như một mặt hồ yên tĩnh".* Đó là điệu slow tình cảm dành riêng cho Huế, như niềm say mê, như khát vọng được gắn bó, lưu lại mãi với mảnh đất nơi đây.

– **Sông Hương tạm biệt Huế để ra biển**:

+ Rời khỏi kinh thành, sông Hương ôm lấy đảo Cồn Hến, lưu luyến ra đi…

+ Đột ngột rẽ ngoặt lại để gặp thành phố yêu dấu một lần cuối. -> Trước khi từ biệt thành phố Huế, sông Hương giống như "*người tình dịu dàng và chung thủy", "như nàng Kiều trong đêm tình tự"* đã "*trở lại tìm Kim Trọng*" để nói lời thề chung thủy trước lúc đi xa.

=> Với những ví von, so sánh, nhân hóa độc đáo, bất ngờ kết hợp với tả và kể qua ngôn từ đầy chất thơ tác giả đã làm người đọc say mê trước vẻ đẹp vừa hùng vĩ vừa trữ tình, thơ mộng thấm đẫm tình người của sông Hương.

2. Vẻ đẹp sông Hương nhìn từ góc độ văn hóa, lịch sử dân tôc.

a. Sông Hương trong mối quan hệ với lịch sử

– Thời đại các vua hùng nó là lá chắn bảo vệ bờ cõi *"dòng sông biên thùy xa xôi của đất nước"*

– Trong các thế kỷ Trung Đại nó là "*dòng sông viễn châu đã chiến đấu oanh liệt bảo vệ biên giới phía tây nam Tổ quốc".*

– Sang thế kỉ XVIII nó vẻ vang soi bóng kinh thành Phú

Xuân.

=> ***Nhà văn đã khẳng định con sông đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử vẻ vang của mình.***

b. Vẻ đẹp sông Hương nhìn từ góc độ văn hóa.

– **Dòng sông âm nhạc:**

+ Là người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya.

+ Là nơi sinh thành ra toàn bộ nền âm nhạc cổ điển của Huế.

+ Là cảm hứng để Nguyễn Du viết lên khúc đàn của nàng Kiều.

– **Dòng sông thi ca:**

+ Là vẻ đẹp mơ màng "Dòng sông trắng lá cây xanh" trong thơ Tản Đà.

+ Vẻ đẹp hùng tráng như "kiếm dựng trời xanh" của Cao Bá Quát.

+ Là nỗi quan hoài vạn cổ trong thơ bà Huyện Thanh Quan.

+ Là sức mạnh phục sinh tâm hồn trong thơ Tố Hữu

– **Dòng sông gắn với những phong tục, với vẻ đẹp tâm hồn của người dân xứ Huế.**

+ Màn sương khói trên sông Hương là màu áo điều lục, 1 sắc áo cưới của các cô dâu trẻ trong tiết sương giáng.

+ Vẻ trầm mặc sâu lắng của sông Hương cũng như 1 nét riêng trong vẻ đẹp tâm hồn của người xứ Huế: rất dịu dàng và rất trầm tư…

→ Với những am hiểu sâu sắc về văn hóa nghệ thuật, tác giả đã phát hiện vẻ đẹp của sông Hương gắn với bản sắc văn hóa độc đáo của xứ Huế, gợi cảm hứng cho những sáng tạo nghệ

thuật.

3. Những nét đặc sắc về nghệ thuật.

- Các hình ảnh nhân hóa, so sánh, những ví von, liên tưởng mới lạ, bất ngờ, độc đáo.
- Ngôn từ phong phú, hình ảnh gợi cảm, câu văn giàu nhạc điệu, lời văn đẹp, sang trọng.
- Văn phong hướng nội, mê đắm, tinh tế, tài hoa.
- Tác giả nhìn sông Hương từ nhiều góc độ bằng đôi mắt và trái tim của người nghệ sĩ cùng kiến thức uyên bác của nhà nghiên cứu địa lý, lịch sử, văn hóa nghệ thuật.
- Bao trùm lên tất cả là một tình yêu thiết tha với thiên nhiên với quê hương, đất nước.

VỢ CHỒNG A PHỦ
-Tô Hoài-

I. TÌM HIỂU CHUNG:

1. Tác giả:

- Tô Hoài tên khai sinh là Nguyễn Sen, sinh năm 1920.
- Là một nhà văn lớn có sức viết dồi dào, có sự nghiệp văn học đồ sộ, phong phú.
- Ông hiểu sâu sắc về đời sống, phong tục tập quán của nhiều vùng đặc biệt là miền núi.
- Văn Tô Hoài có lối trần thuật hóm hỉnh, sinh động, vốn

từ ngữ dồi dào có sức lôi cuốn, lay động người đọc.

- Năm 1996, ông được Giải thưởng HCM về văn học nghệ thuật.
- Tác phẩm chính: *Dế mèn phiêu lưu kí, O chuột, Truyện Tây Bắc…*

2. Hoàn cảnh sáng tác VCAP:

- Truyện *"Vợ chồng A Phủ"* (1952) in trong tập *Truyện Tây Bắc (1953),* là kết quả của chuyến đi dài 8 tháng thâm nhập thực tế của Tô Hoài cùng bộ đội vào giải phóng Tây Bắc. Trong chuyến đi này, Tô Hoài đã sống và gắn bó nghĩa tình với đồng bào các dân tộc Thái, Mường, Mông,… Chính cuộc sống của đồng bào các dân tộc miền núi đã khơi nguồn cảm hứng sáng tạo.

3. Tóm tắt:

- Mị là cô gái Mèo trẻ trung xinh đẹp, có tài thổi sáo, yêu tự do và khát khao một cuộc sống hạnh phúc. Vì bố mẹ thiếu nợ nhà thống lí Pátra, Mị bị bắt về làm dâu gạt nợ. Mấy tháng trời, đêm nào Mị cũng khóc. Một đêm Mị trốn về nhà, đòi ăn lá ngón tự tử, nhưng vì thương cha cô vứt nắm lá ngón đi. Từ đó Mị sống cơ cực, tủi nhục trong nhà thống lí, mất dần ý thức phản kháng, tê liệt hoàn toàn về tri thức và ý thức.
- Mùa xuân đến, cảnh đất trời đẹp đẽ, tiếng sáo vọng đến thiết tha, bồi hồi, Mị lén lấy rượu uống, Mị uống ực từng bát như muốn nuốt đi bao uất hận trong lòng. Lòng Mị trỗi dậy niềm thiết tha yêu đời. Mị muốn đi chơi xuân nhưng A Sử (chồng Mị) xuất hiện, hắn không nói năng gì trói đứng Mị vào cột.
- A Phủ là chàng trai mồ côi, khỏe mạnh, gan góc, là niềm mơ ước của nhiều cô gái nhưng A Phủ không thể lấy được vợ vì nghèo. Do A Sử phá đám chơi của trai gái

trong bản nên A phủ đánh Asử. A Phủ bị bắt, đánh đập, bị phạt vạ và trở thành người ở gạt nợ cho nhà thống lí

- Một lần A Phủ để hổ bắt mất nửa con bò nên bị nhà thống lí bắt trói vào cột. Mấy đêm liền Mị vẫn ra ngồi bên bếp lửa, thản nhiên không màng đến sự sống chết của A Phủ. Nhưng khi nhìn thấy hai dòng nước mắt của A Phủ, Mị thấy thương, cô nghĩ đến cái đêm mình bị trói và nhận ra tội ác, kẻ thù. Mị đã cắt dây trói cho A Phủ và cùng chạy trốn khỏi Hồng Ngài. Đến Phiềng Sa hai người thành vợ chồng, được giác ngộ cách mạng, A Phủ trở thành tiểu đội trưởng du kích, sau này trở về giải phóng Hồng Ngài.
- **Chủ đề**: ***Truyện làm nổi bật số phận của người dân miền núi Tây Bắc. Tố cáo tội ác của bọn phong kiến và thực dân, ca ngợi vẻ đẹp, sức sống mãnh liệt và quá trình đấu tranh tự giải phóng cuộc đời mình của các dân tộc thiểu số vùng cao***.

II. TÁC PHẨM.

1. Nhân vật Mị.

a. ***Sự xuất hiện của Mị ở đầu tác phẩm:***

- Hình ảnh "một cô gái":
  + *ngồi bên tảng đá* - câm nín, vô cảm.
  + *cạnh tàu ngựa* - thân phận trâu, ngựa, thấp hèn
  + *quay sợi* - kiếp nô lệ.
  + *cúi mặt, mặt buồn rười rượi* - nhẫn nhục, cam chịu, khổ đau

⇨ Thủ pháp tạo tình huống "có vấn đề" nhằm gây sự chú ý ở người đọc về số phận và tâm trạng của nhân vật chính.

b. Số phận, cuộc đời của nhân vật Mị:

❖ ***Trước khi về làm dâu nhà thống lí Pá Tra:***

- Mị là một cô gái Mèo xinh đẹp, nết na, có tài thổi sáo "*Trai đến đứng nhẵn cả chân vách đầu buồng Mị, Mị thổi sáo giỏi...có biết bao nhiêu người mê, ngày đêm thổi sáo đi theo Mị"*.
- Mị là người con hiếu thảo, yêu tự do, chăm lao động, có sức sống mạnh mẽ.
- Mị đã từng yêu và được yêu, từng có một thời thiếu nữ hạnh phúc.

❖ ***Sau khi về làm dâu nhà thống lí Pá Tra:***

➢ ***Nguyên nhân:***

- Vì món nợ truyền kiếp của cha Mị với nhà thống lí.
- Vì tục cướp vợ của người H'Mông.

⇨ Mị trở thành con dâu gạt nợ nhà thống lí Pá Tra (nô lệ không công suốt đời).

➢ ***Cuộc đời làm dâu gạt nợ:***

- Bị bóc lột, áp bức về thể xác:

+ Làm việc quần quật suốt năm, suốt tháng, không kể ngày đêm.
+ Bị đối xử như con trâu, con ngựa

⇨ Mị biến thành một thứ công cụ lao động, một người tù khổ sai trong nhà thống lí

- Bị đày đọa, trà đạp về tinh thần:

+ Mị chấp nhận cảnh ngộ và mất dần ý thức phản kháng "*Ở lâu trong cái khổ Mị quen khổ rồi, Mị tưởng mình cũng là con trâu, con ngựa"*.
+ Mị câm lặng, không nói, chỉ "*lùi lũi như con rùa nuôi trong xó cửa*" -> so sánh độc đáo làm nổi bật nỗi cực nhục của Mị

↳ Mị mất hết ý niệm về thời gian, không gian, bị cầm tù nơi ngục thất tinh thần *"Căn buồng Mị nằm "kín mít, có một chiếc cửa sổ một lỗ vuông bằng bàn tay. Lúc nào*

trông ra cũng chỉ thấy trăng trắng, không biết là sương hay nắng". Căn buồng ấy gợi ra không khí của một nhà tù mà cuộc sống hiện tại của Mị cũng tăm tối, nhìn về tương lai cũng mờ mịt. Mị sống mà như đã chết.

⇨ Từ một cô gái trẻ trung, yêu đời, ham sống Mị trở thành một con người vô cảm, không tình yêu, không khát vọng, bị tê liệt hoàn toàn về tri giác. Mị sống mà như đã chết.

➲ *Mị là hình ảnh tiêu biểu cho số phận người phụ nữ miền núi, là bản cáo trạng đanh thép nhất về quyền sống con người bị tước đoạt triệt để từ tâm hồn đến thể xác. Điều đó có sức ám ảnh đối với độc giả, gieo vào lòng người những xót thương.*

c. ***Sức sống tiềm tàng của Mị:***

– **Những ngày đầu khi mới về làm dâu:**

+ Có đến hàng mấy tháng đêm nào Mị cũng khóc, giọt nước mắt phản kháng thầm lặng nhưng quyết liệt.

+ Mị trốn về nhà, lạy cha, định ăn lá ngón tự tử - hành động chối bỏ hiện tại, không cam chịu sống tủi nhục.

⇨ Chính khát vọng được sống một cuộc sống đúng nghĩa đã khiến Mị không chấp nhận cuộc sống bị chà đạp, sống không bằng chết. Mị tìm đến cái chết chính là sự phản kháng mạnh mẽ mong thoát khỏi kiếp sống trâu ngựa.

– **Những đêm tình mùa xuân trên núi cao:**

+ Không khí mùa xuân với màu sắc rực rỡ, âm thanh rộn rang, màu vàng của cỏ gianh, màu đỏ của váy áo, tiếng cười, tiếng chiêng… và đặc biệt là âm thanh tiếng sáo đã khơi dậy ngọn lửa yêu đời trong Mị.

+ Quá trình hồi sinh gắn với sự trở đi trở lại của tiếng sáo và những thay đổi trong tâm hồn Mị:

- Lần (1): - Tiếng sáo lấp ló ngoài đầu núi vọng lại
  - Lòng Mị thiết tha, bồi hồi.

- Mị ngồi nhẩm thầm bài hát của người đang thổi.

⇨ Tiếng sáo đánh thức những cảm nhận về cuộc sống trong Mị, lần đầu tiên sau bao ngày câm lặng, Mị lại cất lên tiếng hát, trái tim rung lên những nhịp đập rộn ràng.

- Lần (2): - Tiếng sáo gọi bạn đầu làng.
  - Lòng Mị sống về những ngày trước "Mị thổi sáo giỏi, bao người mê ngày đêm thổi sáo đi theo Mị".
  - Mị uống rượu bên bếp và thổi sáo. Mị uống "*ực từng bát*" như uống đi bao uất hận, cay đắng, tủi nhục trong cuộc đời, uống cho mau say, mau quên.

⇨ Men rượu đã dìu tâm hồn Mị theo tiếng sáo, đánh thức phần đời đã mất của Mị, gọi về bao kỷ niệm đẹp của thời con gái.

- Lần (3): - Tiếng sáo gọi bạn yêu vẫn lơ lửng bay ngoài đường.
  - Mị thấy phơi phới trở lại, lòng vui sướng như những đêm "*tết ngày trước*". Mị thấy mình còn trẻ, Mị muốn đi chơi.
  - Mị từ từ bước vào buồng. Mị nghĩ "*nếu có nắm lá ngón trong tay , Mị sẽ ăn cho chết ngay".*

⇨ Ý nghĩ và hành động rất lạ lùng nhưng hợp lý. Khi tiếng sáo làm hồi sinh những cảm xúc thanh xuân, thổi bùng ngọn lửa khát khao trong Mị thì nó trở thành sức mạnh xung đột với trạng thái vô nghĩa của thực tại.

- Lần (4): - Tiếng sáo rập rờn trong đầu Mị.
  - Mị muốn đi chơi. Mị "*lấy ống mỡ, xắn một miếng bỏ thêm vào đĩa đèn cho sáng*" **.** Mị muốn thắp lên ánh sáng cho cuộc đời tăm tối của mình.

- "Mị quấn lại tóc, với *tay lấy cái váy hoa vắt ở phía trong vách*", Mị sửa soạn để đi chơi.

⇨ Nghệ thuật phân tích tâm lý sắc sảo, tâm hồn Mị đã hồi sinh, cô muốn tìm đến với cuộc sống tự do bên ngoài.

- Lần (5): - Tiếng sáo đưa Mị đi theo những cuộc chơi, đám chơi.
  - A sử trói đứng Mị vào cột, hơi rượu còn nồng nàn, Mị như không biết mình đang bị trói.
  - Mị vùng bước đi nhưng tay chân đau không cựa được. Mị không nghe tiếng sáo nữa, chỉ còn nghe tiếng chân ngựa đạp vào vách. Mị thổn thức nghĩ mình không bằng con ngựa.

→ Hành động "tháo cũi sổ lồng" của Mị bị Asử vùi dập phũ phàng nhưng nó không thể dập tắt được sức sống mãnh liệt trong Mị. Đây là tiền đề cho sự trỗi dậy mạnh mẽ hơn, triệt để hơn của Mị trong những đêm mùa đông.

⇨ *Tô Hoài đã miêu tả tiếng sáo như một dụng ý nghệ thuật để lay tỉnh tâm hồn Mị. Tiếng sáo là biểu tượng của khát vọng sống, tình yêu, tự do, là ngọn gió thổi bùng lên đốm lửa tưởng đã nguội tắt trong Mị.*

Tô Hoài đã đặt sự hồi sinh của Mị vào tình huống bi kịch: khát vọng mãnh liệt - hiện thực phũ phàng khiến cho sức sống trong Mị càng bùng lên mạnh mẽ. Thông điệp mà nhà văn muốn gửi gắm là: sức sống của con người cho dù bị giẫm đạp. bị trói chặt vẫn không thể chết mà luôn âm ỉ cháy, khi có điều kiện lại bùng cháy dữ dội.

d. Mị có sức mạnh phản kháng mạnh mẽ thể hiện trong đêm cắt dây trói cho A Phủ:

-A phủ vì để hổ ăn mất nửa con bò nên bị trói đứng giữa trời đông giá rét.

- Mấy đêm liền khi nhìn A phủ bị trói "Mị vẫn thản nhiên thổi

lửa, hơ tay". Sau "đêm tình mùa xuân" bị A sử vùi dập phũ phàng, Mị lại trở về trạng thái câm lặng, vô cảm. Vả lại, hình ảnh người bị trói đứng trong nhà thống lý đã không còn xa lạ với Mị nữa.

- Khi nhìn thấy " dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má xám đen" của A phủ, trong Mị có sự thay đổi:

+ Mị nhớ lại đêm năm trước mình cũng bị trói "nước mắt chảy xuống miệng, xuống cổ không biết lau đi được". Sự đồng cảm, dòng nước mắt của A phủ đã đánh thức trái tim khô héo của Mị.
+ Mị nghĩ đến người đàn bà bị trói đến chết trong nhà này.
+ Mị nghĩ đến kết cục thảm thương của A phủ "chết đau, chết đói, chết rét, phải chết".
+ Mị nhận ra sự độc ác của cha con thống lý "chúng nó thật độc ác".
+ Mị suy nghĩ về việc cứu A phủ và chợt lo lắng, hoảng sợ khi nghĩ rằng "mình sẽ bị trói thay vào chiếc cột ấy" nếu A phủ trốn thoát.
+ Cuối cùng lòng thương người đã chiến thắng nỗi sợ hãi trong Mị, Mị quyết định cắt dây trói cứu A phủ.
+ Thương người rồi tự thương mình, cứu A phủ rồi Mị muốn tự cứu lấy mình. Mị vùng chạy theo A phủ vì "ở đây thì chết".

– Hành động Mị cắt dây trói cho Aphủ cũng chính là tự tay cắt sợi dây thần quyền và cường quyền trói buộc cuộc đời mình. Hành động ấy đầy bất ngờ nhưng hợp lý, nó là kết quả tất yếu của bao nhiêu áp bức bị dồn nén nay biến thành sự phản kháng quyết liệt, thể hiện sức sống và khát vọng tự do mãnh liệt trong Mị. Từ đây đánh dấu một chặng đường mới, mở ra một tương lai tươi sáng trong cuộc đời của Mị.
– Mị là nhân vật thành công bậc nhất của văn xuôi cách

mạng đương đại Việt Nam. Từ một cô gái sống trong đọa đày, đau khổ nhưng với khát vọng sống mãnh liệt của mình, Mị đã tự đứng lên tìm cách giải thoát cho chính cuộc đời mình. Nhân vật Mị cho thấy sự trân trọng của nhà văn trước những phẩm chất tốt đẹp và khát vọng chính đáng của con người.

2. Nhân vật A phủ.

a. Hoàn cảnh đặc biệt của A phủ:

- Mồ côi cả cha lẫn mẹ, không người thân, không gia đình, sống sót qua trận dịch bệnh.
- Bị bắt bán xuống dưới cánh đồng thấp, A phủ không chịu, trốn lên núi, lưu lạc đến Hồng Ngài, sống bằng nghề làm thuê.
- A phủ trở thành chàng trai khỏe mạnh, tháo vát "biết đúc lưỡi cày…lại cày giỏi và đi săn bò tót rất bạo", con gái trong làng "nhiều người mê".
- Nhưng vì nghèo nên A phủ không lấy nổi vợ.

b. ***Tính cách của A phủ:***

- A phủ gan góc, mạnh mẽ và rất táo bạo:
  + 10 tuổi bị bắt bán xuống thấp nhưng gan bướng, không chịu đã trốn lên núi.
  + Sẵn sàng trừng trị kẻ xấu, không khuất phục trước cường quyền. A phủ dám kéo cái vòng bạc của A sử xuống mà đánh khi chúng đến phá đám cuộc chơi.
  + Khi bị phạt vạ quỳ giữa nhà chịu trận mưa đòn tàn bạo của bọn thống trị, A phủ không hề than vãn, thanh minh.
- Có sức khỏe phi thường, yêu tự do, chăm lao động:
  + Khi trở thành người ở gạt nợ nhà thống lý, Aphủ vẫn không bị khuất phục bởi cường quyền, vẫn là chàng trai tự do của núi rừng.
  + Phải làm nhiều công việc nặng nhọc, nguy hiểm "đốt rừng, săn bò tót, bẫy hổ, chăn bò, chăn ngựa..." nhưng

vẫn không kêu ca.

+ Thản nhiên nói với thống lý về việc đi bắt hổ để "lấy công chuộc tội"

– Có sức sống mạnh mẽ:

+ Khi bị bắt trói vào cọc, bị bỏ đói, A phủ có sự phản kháng " nhay đứt vòng mây, nhích dần dây trái sang một bên".

+ Khi được Mị cắt dây trói, dù đã kiệt sức A phủ vẫn "quật sức vùng lên chạy".

→ A Phủ là hình ảnh người thanh niên núi rừng Tây Bắc có số phận đau khổ nhưng vẫn không nguôi khát vọng tự do. Là con người chất phác, sống phóng khoáng gần gũi với thiên nhiên, không bị khuất phục bởi cường quyền và thần quyền.

3. **Những nét đặc sắc về nghệ thuật**

– Nghệ thuật xây dựng nhân vật:

+ Hình tượng nhân vật sống động, chân thực (Mị, A Phủ).

+ Mị chủ yếu được khắc hoạ qua tâm trạng, từ cái nhìn bên trong để làm rõ vẻ đẹp và sức sống nội tâm

+ A phủ chủ yếu khắc họa qua hành động, được nhìn từ bên ngoài để thấy được sự gan góc, mạnh mẽ.

– Nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật:

+ Diễn biến tâm trạng của Mị khi mùa xuân về.

+ Hợp lý, logic trong đêm đông cắt dây trói cho A phủ.

– Nghệ thuật trần thuật uyển chuyển, linh hoạt, kể chuyện ngắn gọn, dẫn dắt tình tiết khéo léo.

– Biệt tài miêu tả thiên nhiên và phong tục, tập quán của người dân miền núi.

– Ngôn ngữ sinh động, chọn lọc và sáng tạo, câu văn giàu tính tạo hình và thấm đẫm chất thơ.

III. Kết luận:

– Nội dung: Tác phẩm có giá trị nhân đạo sâu sắc: Lên án

tội ác bọn thực dân phong kiến; cảm thông với nỗi khổ của người nông dân nghèo; khẳng định, ca ngợi phẩm chất tốt đẹp và những khát vọng tự do và con đường tự giải phóng cuộc đời, hướng tới cách mạng của họ.

– Nghệ thuật: Tác phẩm khắc họa chân thực những nét riêng về phong tục tập quán, tính cách và tâm hồn dân các dân tộc thiểu số bằng giọng văn nhẹ nhàng tinh tế, đượm màu sắc và phong vị dân tộc, vừa giàu chất tạo hình vừa giàu chất thơ.

VỢ NHẶT
- Kim Lân -

TÌM HIỂU CHUNG:

1. Tác giả:

2. Hoàn cảnh sáng tác:

– Truyện ngắn "Vợ nhặt" tiền thân là tiểu thuyết "Xóm ngụ cư", lấy bối cảnh từ nạn đói năm 1945, viết ngay sau khi cách mạng tháng 8 thành công nhưng còn dang dở và mất bản thảo.

– Sau khi hòa bình lập lại (1954), Kim Lân đưa vào một phần cốt truyện cũ và viết lại truyện ngắn này.

– Tác phẩm được in trong tập "Con chó xấu xí".

3. Ý nghĩa nhan đề "Vợ nhặt":

– Nhan đề nói lên thân phận rẻ rúng và tình cảnh thê thảm của người nông dân trong nạn đói năm 1945. Vì lấy vợ là phải cưới hỏi đàng hoàng với rất nhiều nghi lễ nhưng Tràng lại có thể nhặt được vợ như thể người ta nhặt cọng rơm, cọng rác bên đường.

– Nhan đề tố cáo tội ác của bọn thực dân và phát xít đã đẩy nhân dân ta đến tình cảnh khốn cùng.

– Nhan đề cũng ngợi ca, khẳng định về niềm tin, khát vọng sống của những người lao động lương thiện giữa cảnh tăm tối, đói nghèo.

⇨ Nhan đề tạo được kịch tính, gây sự tò mò, chú ý ở người đọc, gợi sự thương cảm, xót xa.

4. Tóm tắt tác phẩm.

– Truyện kể về việc nhặt được vợ của Tràng - một thanh niên nghèo, xấu xí, ế vợ ở xóm ngụ cư. Giữa nạn đói khủng khiếp năm 1945, người chết như ngả dạ, người sống dật dờ như những bóng ma, Tràng vô tình nhặt được vợ chỉ nhờ một vài câu nói đùa và bốn bát bánh đúc. Tràng đưa vợ về nhà trong sự ngạc nhiên, thích thú và lo lắng của người dân xóm ngụ cư. Bản thân Tràng cũng bất ngờ về sự việc này nhưng trong lòng anh thì dấy lên niềm vui, niềm hạnh phúc.

– Bà cụ Tứ - mẹ anh- với tấm lòng nhân hậu và tình mẫu tử đã đón nhận nàng dâu trong tâm trạng vừa buồn, vừa tủi, vừa mừng vừa thương.

– Sáng hôm sau, mẹ chồng và nàng dâu dậy sớm, cùng nhau quét dọn sân vườn. Nhìn cảnh tượng đó Tràng thấy yêu thương gắn bó với ngôi nhà của mình hơn, thấy mình trưởng thành và sống có trách nhiệm hơn.

– Bữa ăn ngày đói thật thảm hại, họ vừa ăn cháo cám, vừa bàn tính những dự định cho tương lai trong tiếng khóc hờ từ nhà có người chết và tiếng trống thúc thuế dồn dập. Qua câu chuyện của người vợ nhặt kể về việc Việt Minh phá kho thóc cứu đói cho dân làm dấy lên niềm tin và hi

vọng của Tràng.

– Kết thúc tác phẩm là hình ảnh đám người đói và lá cờ đỏ bay phấp phới hiện ra trong óc Tràng.

5. Ý nghĩa tình huống truyện "Vợ nhặt":

❖ ***Tình huống độc đáo:***

– Tràng là một thanh niên nghèo, xấu trai, là dân ngụ cư không thể tìm cho mình một người vợ. Vậy mà giữa lúc tính mạng con người bị đe dọa bởi cái đói thì Tràng bỗng nhiên nhặt được vợ chỉ bằng mấy câu đùa và bốn bát bánh đúc.

– Sự kiện này khiến dân xóm ngụ cư ngạc nhiên, bà cụ Tứ - mẹ Tràng- lại càng ngạc nhiên hơn. Bản thân Tràng cũng không tin nổi trước hạnh phúc bất ngờ này.

❖ ***Tình huống éo le*:**

– Tràng có vợ giữa cảnh *"tối sầm lại vì đói khát",* nuôi thân chưa nổi lại còn đèo bòng. Thêm một miệng ăn là đẩy mình đến gần hơn với cái chết.

– Người "vợ nhặt" vì chạy trốn cái đói mới theo không Tràng, và như thế Tràng mới có vợ. Chen vào hạnh phúc lớn lao kia là nỗi tủi hờn thân phận, nỗi lo chạy trốn cái đói, níu kéo sự sống.

❖ ***Tình huống cảm động:***

– Tràng lấy vợ không phải vì tình yêu nhưng lại đối xử với nhau bằng tình người giàu lòng nhân ái. Bà cụ Tứ, mẹ Tràng đã đón nhận nàng dâu trong sự cảm thương đầy bao dung.

– Tràng lấy vợ, cuộc sống có ý nghĩa hơn, mỗi người trở nên tốt đẹp hơn.

➲ *Tình huống truyện giúp tác giả khắc họa rõ nét nhân vật, làm nổi bật* ***<u>chủ đề tác phẩm</u>****:*

- *Tố cáo tội ác thực dân, phát xít đã đẩy người nông dân vào tình cảnh thê thảm trong nạn đói khủng khiếp năm 1945.*
- *Phản ánh thân phận rẻ rúng, cùng quẫn của người lao động trong xã hội cũ.*
- *Khẳng định bản chất tốt đẹp và sức sống kỳ diệu của con người, ngay cả khi cận kề cái chết họ vẫn khát khao hạnh phúc, yêu thương đùm bọc lẫn nhau và cùng nhau hướng về tương lai.*

I. TÁC PHẨM.

1. Nhân vật người "vợ nhặt".

a. Lai lịch, ngoại hình:

- Thị là người đàn bà không rõ lai lịch: không tên, tuổi, không quê quán, không gia đình, không quá khứ. Từ đầu đến cuối tác phẩm cô chỉ được gọi là: cô ả, thị, người đàn bà …
- Thị xuất hiện với một chân dung thảm hại, không mấy dễ nhìn: "*gầy vêu vao", "ngực gầy lép", "khuôn mặt lưỡi cày xám xịt", "quần áo thì rách như tổ đỉa".*

b. Tính cách:

❖ ***Khi mới gặp Tràng:***

Thị là người đanh đá, táo bạo và liều lĩnh:

+ Lần đầu gặp Tràng, vừa nghe anh hò một câu vu vơ, thị đã "*ton ton chạy lại*" đẩy xe cho Tràng cùng với cái "*liếc mắt cười tít*" rất tình tứ.
+ Lần thứ 2 gặp lại, Tràng vừa trả xong hàng, đang ngồi uống nước ở chợ, thị ở đâu *"sầm sập chạy tới",* đứng trước mặt anh sưng sỉa nói: *"Điêu! Người thế mà điêu".* Khi thấy anh mời thị cong cớn *"ăn gì thì ăn, chả ăn giầu".*

+ Thấy có miếng ăn, *"hai con mắt trũng hoáy của thị tức thì sáng lên*", thị ngồi sà xuống ăn thật "*Thị cắm đầu ăn một chặp bốn bát bánh đúc liền chẳng chuyện trò gì. Ăn xong, thị cầm dọc đôi đũa quệt ngang miệng thở: Hà ngon!".*
+ Thị tỏ ra liều lĩnh khi vin vào câu đùa của Tràng để theo không Tràng về nhà không chút băn khoăn.

⇨ Cái đói đã khiến thị quên cả ý tứ, sĩ diện. đẩy người đàn bà đến chỗ theo không một người đàn ông xa lạ. Thị đến với Tràng để chạy trốn cái đói, Tràng trở thành cái phao cuối cùng, là tất cả hi vọng của người đàn bà tội nghiệp này.

❖ ***Khi theo Tràng về làm vợ:***

– Trên đường từ chợ về qua xóm ngụ cư, thị trở thành một con người khác:

+ Người đàn bà đi sau Tràng chừng ba bốn bước, *"đầu hơi cúi, cái nón tàng nghiêng nghiêng che khuất nửa khuôn mặt. Thị có vẻ rón rén, e thẹn".*
+ Khi bị lũ trẻ con trong xóm trọc ghẹo, thị có vẻ khó chịu lắm "*đôi lông mày nhíu lại".*
+ Khi bị người lớn nhìn ngó, bàn tán, thị càng ngượng nghịu, luống cuống "*chân nọ díu cả vào chân kia".*

⇨ Thị bắt đầu ý thức về thân phận '*vợ nhặt"* của mình, người đàn bà cong cớn, trơ trẽn ở chợ bỗng trở nên e dè, ngượng ngập xấu hổ xen chút tủi phận khi người ta nhìn ngó, bàn tán về mình.

– Khi về đến nhà của Tràng, thị thay đổi hẳn:

+ Thị cố nén một tiếng thở dài trong cái ngực gầy lép khi theo Tràng vào trong *"cái nhà vắng teo, rúm ró"*. Một nỗi thất vọng thầm kín của người vợ nhặt trước gia cảnh khốn cùng của nhà chồng .

+ Thị "*ngồi mớm xuống mép giường*", Khi bà cụ Tứ về, thị chủ động chào bà bằng u. Trước mặt người mẹ chồng, thị càng rụt rè, *"tay vân vê tà áo đã rách bợt*" . Chính thái độ cùng cảnh ngộ đáng thương ấy của thị đã khiến bà cụ Tứ cảm thông, thương xót và nhanh chóng chấp nhận thị là dâu.

⇨ Cái đói vẫn không buông tha chị, nhưng bù lại chị đã có được tình thâm, có được tình thương, có được ý thức bổn phận với những người khác.

– Buổi sáng, sau tối tân hôn, chị trở thành một con người hoàn toàn khác:

+ Chị thức dậy thật sớm, cùng mẹ chồng dọn dẹp nhà cửa, quét tước sân vườn sạch sẽ.

+ Bằng đôi tay khéo léo, biết thu vén gia đình, chị đã biến ngôi nhà lãnh lẽo của Tràng thành một không gian tràn ngập sự sống, một tổ ấm hạnh phúc. Sự thay đổi ở người vợ nhặt khiến người vô tâm như Tràng phải ngạc nhiên: *"nom thị hôm nay khác lắm, rõ ràng là người đàn bà hiền hậu, đúng mực, không còn gì là vẻ chao chát chỏng lỏn như mấy lần Tràng gặp ngoài tỉnh"*.

+ Chị tỏ ra tinh tế trong ứng xử, khi chị bưng lấy bát chè cám mà người mẹ chồng đưa cho, hai con mắt chị *"tối lại"* nhưng biết đây là tấm lòng của người mẹ nghèo chị *"điềm nhiên và vào miệng"*. Chị không muốn làm mất đi niềm vui của người mẹ già nua kia.

+ Chị cũng là người có hiểu biết về cuộc sống, chị đã kể cho cả nhà nghe chuyện *"mạn Thái Nguyên, Bắc Giang người ta không chịu đóng thuế nữa mà đi phá kho thóc của Nhật chia cho người đói"*. Chính câu chuyện ấy đã làm thay đổi suy nghĩ của Tràng, làm hiện ra trong óc Tràng "*hình ảnh lá cờ đỏ bay phấp phới*".

⇨ Khi được sống trong tình yêu thương, trong mái ấm gia đình, người đàn bà ấy đã trở lại với bản chất tốt đẹp vốn có của mình, của người phụ nữ Việt Nam truyền thống.

➲ *Người "vợ nhặt" vô danh nhưng không vô nghĩa. Bóng dáng của chị gợi lên một sự ấm áp. Chị đã mang đến một làn gió tươi mát cho cuộc sống tối tăm đang bên bờ cõi chết. Qua nhân vật thị, Kim Lân đã khẳng định: cái đói có thể thay đổi nhân hình, nhân tính nhưng không thể hủy diệt những phẩm chất tốt đẹp trong một con người. Chỉ cần sống trong tình yêu thương, trong sự đùm bọc che chở của mái ấm gia đình thì những phẩm chất tốt đẹp ấy sẽ trở lại.*

2. <u>Nhân vật bà cụ Tứ.</u>

a. Cảnh ngộ:

– Là người mẹ nghèo, cuộc đời dằng dặc những đau khổ: chồng chết sớm, một mình nuôi con, dân ngụ cư…

– Bà xuất hiện qua một vài nét phác họa: tiếng húng hắng ho, dáng lọng khọng, đôi mắt nhoèn hấp háy…. Đó là hình ảnh quen thuộc của những bà lão nông dân trải hết cuộc đời mình trong lam lũ, nghèo khó, nhọc nhằn.

b. Diễn biến tâm lí:

Tâm lý người mẹ vận động theo kiểu gấp khúc, hợp với nỗi niềm trắc ẩn trong chiều sâu riêng của người già từng trải, đôn hậu:

– Khi nhìn thấy thị, bà ngạc nhiên, không hiểu nổi:

+ *"Quái sao lại có người đàn bà nào ở trong ấy nhỉ? Người đàn bà nào lại đứng ở ngay đầu giường con trai mình thế kia?"*

+ Cô dâu mới chào mẹ đến hai lần nhưng bà vẫn ngồi im, bà đã nghe, đã biết, đã hiểu nhưng không thể - chưa thể tin "*Sao lại chào mình bằng u?"*.

+ Bước chân bà lão *"lập cập"*.
- Khi nghe Tràng cắt nghĩa, bà hiểu rõ chuyện, bà cúi đầu nín lặng, chất chứa bao suy nghĩ:
+ Bà tủi phận mình, xót thương cho con " người ta dựng vợ gả chồng cho con là lúc trong nhà ăn nên làm nổi những mong sinh con đẻ cái sau này. Còn mình thì…"
+ Bà lo lắng :" biết rằng *chúng có nuôi nổi nhau sống qua được cơn đói khát này không ?"*. Tâm trạng bà ngổn ngang, nặng trĩu.
- Từ xót xa cho con trai, bà xót thương cho người vợ nhặt *"Người ta gặp bước khó khăn đói khổ người ta mới lấy con mình, ... mà con mình mới có được vợ"*. Đây không phải là cái nhìn dò xét của bà mẹ chồng với nàng dâu mới, mà là cái nhìn chấp nhận, ngậm ngùi. Suy nghĩ của bà chuyển từ lo lắng sang cám ơn người đàn bà đã theo không con mình về làm vợ. Ngôn ngữ độc thoại nội tâm đã diễn tả chân thật và cảm động những suy nghĩ âm thầm của người mẹ nghèo nhân hậu, vị tha.
- Bà chấp nhận cô dâu mới "*Ừ thôi thì các con phải duyên phải kiếp với nhau, u cũng mừng lòng"*. Lời nói ấy đã trả lại danh dự nàng dâu cho người là vợ nhặt. Người mẹ nghèo với tấm lòng vị tha, cao quí đang vụng về giấu giọt nước mắt xót thương .
- Bà căn dặn con dâu, con trai và mong con dâu hòa thuận với gia đình. *"khi nào có tiền mua lấy đôi gà","Vợ chồng liệu mà bảo nhau làm ăn, rồi may mà ông giời cho khá* …". Bà không ao ước cho riêng mình, người mẹ ấy sống vì con, hi vọng cho lớp cháu con. Trong cái đói và cái chết bà vẫn có một niềm tin và hi vọng.
- Sáng hôm sau, trong không khí đầm ấm, hòa hợp chưa từng có, bà lão thấy:

+ *"Nhẹ nhõm, tươi tỉnh khác ngày thường*", cái mặt bủng beo u ám của bà rạng rỡ hẳn lên.
+ *"Bà xăm xắn thu dọn, quét tước nhà cửa*".
+ Trong bữa cơm ngày đói bà nói toàn chuyện vui, bàn tính cho tương lai. Bà đã gieo vào lòng các con niềm tin và hi vọng về cuộc sống hạnh phúc. Ngôi nhà đã thực sự trở thành tổ ấm, bên bờ vực của cái chết, sự sống vẫn nảy mầm.

➲ *Thành công của nhà văn là đã thấu hiểu và phát triển được những trạng thái tâm lí khá tinh tế của con người trong một hòan cảnh đặc biệt. Biết vượt lên hòan cảnh vẫn là một vẻ đẹp tinh thần của những người nghèo khổ - đó chính là nội dung nhân đạo sâu sắc của tác phẩm nói chung và ở nhân vật bà cụ Tứ nói riêng.*

3. Nhân vật Tràng.

a. *Cảnh ngộ:*

– Là dân ngụ cư, làm nghề đẩy xe bò thuê nuôi mẹ già, gia cảnh nghèo.
– Ngoại hình xấu xí, thô kệch "*Đầu trọc nhẵn, hai con mắt nhỏ tí, gà gà, quai hàm bạnh ra, cái lưng to rộng như lưng gấu, đi chúi đầu về phía trước"*
– Tính tình hơi ngờ nghệch: *"hay nói lầm bầm trong miệng… ngửa mặt lên cười hềnh hệch*", hay chơi với trẻ con.

⇨ Với cảnh ngộ hiện tại, Tràng khó có thể lấy nổi vợ.

b. ***Tình huống nhặt vợ của Tràng (diễn biến tâm lí)***

– Ban đầu Tràng không chủ tâm tìm vợ:

+ Khi đẩy xe bò mệt mỏi anh chỉ hò một câu cho vui "

Muốn ăn cơm trắng mấy giò này/ Lại đây mà đẩy xe bò với anh nì". Anh cũng chẳng có ý chòng ghẹo ai cả, ai ngờ có người đàn bà đói xông xáo đến đẩy xe thật. Tràng cảm thấy hạnh phúc biết bao khi gặp được cái *"cười tít mắt của thị*" bởi *"từ xưa đến giờ có ai cười với hắn một cách tình tứ như vậy đâu".*

– Hôm sau, khi Tràng đang ngồi nghỉ trước cổng chợ tỉnh thì bất ngờ:

+ Thị sầm sập chạy đến, cong cớn, sưng sỉa với hắn " *Điêu, người thế mà điêu*". Tràng không nhận ra người đàn bà ngày trước đẩy xe cho mình. Trước mặt hắn là một người đàn bà thảm hại đã bị cái đói tàn hại cả nhan sắc lẫn nhân cách. Thị gầy sọp hẳn đi, ngực gầy lép, khuôn mặt lưỡi cày hốc hác, quần áo rách như tổ đỉa.

+ Tràng động lòng thương: thấy người đàn bà đói Tràng mời ăn, thị ăn một chặp *" bốn bát bánh đúc".* Thực tâm Tràng chỉ thương người đói khát hơn mình chứ không có ý, lợi dụng hoặc chòng ghẹo.

+ Tràng lại tầm phơ tầm phào nói đùa *" có về với tớ thì ra khuân đồ lên xe rồi về",* ai ngờ thị về thật. Lúc đầu Tràng "*chợn, nghĩ: thóc gạo này đến cái thân mình cũng chả biết có nuôi nổi không, lại còn đèo bòng".* Nhưng tình thương người và khát vọng hạnh phúc đã lớn hơn nỗi sợ hãi, thế là Tràng có vợ.

⇨ Tràng và người đàn bà kia như hai cành củi khô đã chụm vào nhau để nhen lên ngọn lửa. Tội nghiệp thay, người này thì cần hạnh phúc còn người kia thì lại cần chỗ dựa, cái liều của họ thật tội nghiệp, làm người ta bật khóc.

– Khi nhặt được vợ, Tràng không rẻ rúng, coi thường mà biết trân trọng cái hạnh phúc nhỏ nhoi ấy:

+ *Hắn đưa thị vào chợ tỉnh bỏ tiền ra mua cho thị cái thúng con đựng vài thứ lặt vặt và ra hàng cơm đánh một bữa no nê... Anh còn mua 2 hào dầu để thắp sáng.*

– Trên đường về, Tràng vui lạ, một niềm hạnh phúc tràn ngập khiến mặt Tràng *"phớn phở khác thường"*. Thỉnh thoảng cười nụ một mình *"Trong một lúc Tràng hình như quên hết những cảnh sống ê chề*…. Hạnh phúc đang làm anh thay đổi.

– Khi về đến nhà, lúc đầu Tràng *thấy " ngượng nghịu", "đứng tây ngây ra giữa nhà, chợt hắn thấy sờ sợ"*. Nhưng đó chỉ là cảm giác thoáng qua, hạnh phúc lớn lao quá khiến Tràng không dám tin đó là sự thật: *"hắn vẫn còn ngờ ngợ như không phải thế. Ra hắn đã có vợ rồi đấy ư ?"*.

– Lúc đợi mẹ về, Tràng nóng ruột, đi đi lại lại. Chưa bao giờ người ta thấy hắn nôn nóng như thế.

– Khi mẹ về, hắn mừng rỡ, rối rít như trẻ con, Tràng nóng lòng thưa chuyện với mẹ. Bắt mẹ ngồi lên giường *"chĩn chện*" để thưa chuyện. Khi được mẹ đồng ý, Tràng thở phào nhẹ nhõm.

– Sau khi có vợ, Tràng trở thành một người sống có trách nhiệm, biết suy nghĩ chín chắn:

+ Tràng thức dậy với một cảm giác dễ chịu " *người êm ái lửng lơ như vừa ở trong giấc mơ đi ra"*

+ Tràng cảm động khi thấy mẹ và vợ dọn dẹp lại nhà cửa, khi nghe tiếng chổi tre quét từng nhát sàn sạt trên sân.

+ Thấy "*thương yêu gắn bó với cái nhà của hắn lạ lùng".*

+ *Thấy* vui sướng, phấn chấn tràn ngập trong lòng *"Hắn đã có một gia đình. Hắn sẽ cùng vợ sinh con đẻ cái ở đấy. Cái nhà như cái tổ ấm che mưa che nắng".*

– Khi tiếng trống thúc thuế ngoài đình vang lên dồn dập, qua câu chuyện của người vợ nhặt về đoàn người đi phá kho thóc chia cho người đói, Tràng thần mặt ra nghĩ ngợi. Trong ý nghĩ của anh lại vụt hiện ra cảnh đoàn người đói ầm ầm kéo nhau đi trên đê Sộp để cướp kho thóc của Nhật và đằng trước là lá cờ đỏ. Tràng thấy ân hận, tiếc rẻ.

➲ *Qua sự biến đổi tâm trạng ta thấy được vẻ đẹp tâm hồn tính cách của nhân vật Tràng. Đó là tình thương, niềm khao khát hạnh phúc, niềm lạc quan tin tưởng vào tương lai. Thấy được tình cảm nhân đạo mà nhà văn dành cho người lao động nghèo khổ, lương thiện.*

4. **Giá trị nghệ thuật của tác phẩm:**

– Nghệ thuật kể chuyện tự nhiên, giản dị, chặt chẽ, khéo léo làm nổi bật sự đối lập giữa hoàn cảnh và tính cách nhân vật.

– Nghệ thuật dựng cảnh sinh động.

– Nghệ thuật đối thoại, độc thoại, nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật.

– Ngôn ngữ mộc mạc, giản dị được chắt lọc kỹ tạo được sức gợi.

RỪNG XÀ NU

-NGUYỄN TRUNG THÀNH-

I. TÌM HIỂU CHUNG:

1. Tác giả:

2. Hoàn cảnh sáng tác:

- Truyện ngắn "*Rừng xà nu*" được in trong tập truyện "*Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc".*
- Tác phẩm được viết vào năm 1965 khi Mỹ ồ ạt đưa quân vào miền nam và điên cuồng bắn phá miền bắc.
- Trước sự hủy diệt tàn bạo của kẻ thù, tinh thần đấu tranh cách mạng của nhân dân từ miền ngược đến miền xuôi càng kiên cường bất khuất.

3. Tóm tắt tác phẩm:

- Truyện kể về cuộc đời T'nú và một giai đoạn lịch sử đau thương, bất khuất của người S'trá, làng Xôman trong những năm đấu tranh chống Mỹ - Diệm.
- T'nú đứa trẻ mồ côi được dân làng nuôi dưỡng, được anh Quyết dạy chữ, giác ngộ Cách mạng. T'nú trở thành liên lạc. Bị giặc bắt, tra tấn dã man, Tnú không khai, anh vượt ngục trở về cùng cụ Mết và thanh niên trong làng chuẩn bị vũ khí đánh giặc. Bọn giặc kéo đến, đàn áp, khủng bố dân làng. Chúng bắt Mai (vợ T'nú) và đứa con mới một tháng tuổi hòng bắt được T'nú. Tận mắt chứng kiến cảnh vợ con đau đớn ngục ngã trước làn mưa roi sắt của kẻ thù, T'nú không cầm lòng được, đã xông vào giữa vòng vây của giặc để cứu vợ con. Nhưng anh không cứu được, vợ con anh chết, anh bị giặc bắt. Chúng đã tẩm nhựa xà nu đốt mười đầu ngón tay của anh. Cả làng

Xô Man sôi sục căm thù, bừng lên như ngọn lửa xà nu, xông vào tiêu diệt bọn lính cứu T'nú. Sau đó anh tham gia lực lượng quân giải phóng.

- Ba năm sau, được đơn vị cho nghỉ phép, T'nú về thăm làng một đêm. Đêm ấy dân làng họp nhau ở nhà Ưng, nghe cụ Mết kể lại những trang sử hào hùng của người S'trá và cuộc đời T'nú.
- Sáng hôm sau, cụ Mết, Dít lại tiễn Tnú lên đường, cả ba người nhìn ra xa đến hút tầm mắt chỉ thấy những rừng xà nu nối tiếp nhau chạy đến chân trời.

4. Chủ đề:

- Tác phẩm là bản anh hùng ca, ca ngợi lòng yêu nước, tinh thần bất khuất, quật cường của người Tây Nguyên và dân tộc Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.
- Khẳng định một chân lý cách mạng "Chúng *nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo"*, để cho sự sống của đất nước và nhân dân mãi trường tồn không có cách nào khác là phải cùng nhau đứng lên cầm vũ khí chống lại kẻ thù.

5. Ý nghĩa nhan đề

Nhan đề "Rừng xà nu" vừa mang ý nghĩa hiện thực, vừa mang ý nghĩa biểu tượng:

- Ý nghĩa tả thực: Nhà văn nói về cây xà nu - một loài cây sống thành rừng ở Tây Nguyên. Loài cây này có sức sống mãnh liệt, không chịu khuất phục trước sự thay đổi của thời tiết. Cây xà nu luôn gắn bó mật thiết và quan hệ chiếu ứng với cuộc sống của người dân Tây Nguyên.
- Ý nghĩa biểu tượng: Qua sức sống mãnh liệt của cây xà nu, rừng xà nu, nhà văn nói đến nỗi đau và sức sống, phẩm chất kiên cường bất khuất của nhân dân Tây Nguyên trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

II. TÁC PHẨM:

1. Hình tượng cây xà nu:

a. Cây xà nu là hình ảnh thiên nhiên hùng vĩ của núi rừng Tây Nguyên:

- Hình ảnh mở đầu và kết thúc tác phẩm là *"cánh rừng xà nu nối tiếp đến tận chân trời"* là kiểu kết cấu vòng tròn. Hình ảnh tiêu biểu cho sức sống mãnh liệt của cây xà nu và sức sống bất diệt của dân làng Xô Man nói riêng và các dân tộc Tây Nguyên nói chung trong cuộc chiến đấu chống lại kẻ thù.

- Tác giả viết nhiều câu văn đẹp như chạm khắc thành hình khối, tạo nên mùi hương, ánh sáng gây ấn tượng khó quên*"Ở chỗ vết thương nhựa ứa ra tràn trề, thơm ngào ngạt long lanh nắng hè gay gắt rồi dần dần bầm lại đen và đặc quyện thành từng cục máu lớn". Hình ảnh ấy đã đ*em lại cho tác phẩm hương vị Tây Nguyên, *v*ẻ đẹp của thiên nhiên, đất nước.

b. Cây xà nu gắn bó mật thiết với cuộc sống của dân làng:

- Cây xà nu có mặt trong cuộc sống hàng ngày:
  + Đuốc xà nu soi rõ con đường rừng âm u.
  + Lửa xà nu cháy giần giật trong bếp mỗi nhà.
  + T nú và Mai học chữ bằng bảng nứa xông khói xà nu
- Cây xà nu gắn với những sự kiện trọng đại của làng:
  + Dân làng mài giáo mác dưới ánh đuốc xà nu.
  + Lửa xà nu cháy trên mười đầu ngón tay Tnú, tiếng thét của Tnú trở thành lời hiệu triệu dân làng trong đêm đồng khởi.

+ Đống lửa xà nu lớn soi rõ xác mười tên lính giặc *"ngổn ngang"*.

⇨ Cây xà nu gắn bó với niềm vui, nỗi buồn, với số phận và khát vọng của người Tây Nguyên.

c. Rừng xà nu là biểu tượng về cuộc sống đau thương nhưng kiên cường và bất diệt:

❖ ***Rừng xà nu là biểu tượng cho cuộc sống đau thương:***

– Rừng xà nu bị tàn phá dữ dội:

+ Cánh rừng trong *"tầm đại bác", "hầu hết đạn đại bác đều rơi vào ngọn đồi xà nu"*.

+ *Chúng nó bắn đã thành lệ, mỗi ngày hai lần.*

⇨ Nhà văn dựng lên sự sống trong tư thế đối mặt với cái chết, sự sinh tồn đang đứng mối đe doạ diệt vong.

– Rừng xà nu là biểu tượng của đau thương:

+ *"Hàng vạn cây, không cây nào là cây bị thương"*.

+ Nỗi đau nhiều vẻ, có cái xót xa của cây non, tựa như đứa trẻ thơ *"nhựa còn trong, chất dầu còn loãng, vết thương không lành được, cứ loét mãi ra, năm mười hôm là cây chết"*.

+ Có cái đau dữ dội như của người đang tuổi thanh xuân *"bị chặt đứt nửa thân mình, đổ ào ào như một trận bão"*.

+ Có những cây cường tráng *"vết thương chóng lành"*.

⇨ Rừng xà nu trở thành chứng nhân lịch sử ghi dấu tội ác của kẻ thù. Hình tượng rừng xà nu phản ánh một thời kì đau thương dữ dội của lịch sử.

❖ **Rừng xà nu là biểu tượng cho cuộc sống mãnh liệt, tinh thần kiên cường, bất khuất:**

– Cây xà nu khao khát sống, háo hức phóng thẳng lên bầu trời: "*Cạnh một cây xà nu mới ngã gục đã có bốn năm cây con mọc lên, ngọn xanh rờn hình nhọn mũi tên lao thẳng lên bầu trời".*

⇨ Đây là hình ảnh tuyệt đẹp nói lên sức sống bất diệt và tinh thần bất khuất của người Tây Nguyên. Những con người luôn gắn bó với cách mạng, bất khuất từ tuổi thơ, lớn lên trong lửa đạn, trưởng thành trong đau thương và sẵn sàng chiến đấu hi sinh vì độc lập tự do của dân tộc.

– Cây xà nu ham ánh sáng và khí trời *"nó phóng lên rất nhanh để tiếp lấy ánh nắng".*

⇨ Hình ảnh đẹp như con người Tây Nguyên tha thiết yêu tự do, đi theo cánh mạng, hoà chung với vầng sáng dân tộc dám sống vì lí tưởng độc lập tự do.

– Rừng xà nu tượng trưng cho người dân Tây Nguyên:

+ Rừng xà nu được nhân hoá như con người *"Cứ thế hai ba năm nay rừng xà nu ưỡn tấm ngực lớn ra che chở cho làng".* Tác giả hay so sánh cây xà nu với từng người cụ thể. Người và thiên nhiên hoà nhập, ứng chiếu vào nhau. Khi làng Xô Man khởi nghĩa thì cả rừng xà nu cũng ào ào rung động.

+ Rừng xà nu là hình ảnh các thế hệ dân làng Xô man chống giặc bất chấp mọi hi sinh, một lòng đi theo Đảng, theo kháng chiến:

- Những cây xà nu vững chắc *"ưỡn tấm ngực lớn ra che chở cho làng"(* như cụ Mết)

- Những cây xà nu xanh tốt, mạnh mẽ *"cành là sum suê như những con chim đã đủ lông mao lông vũ" (*như T nú,

Mai).

- Những cây xà nu còn *non "nhựa còn trong, chất dầu còn loãng"* (như Dít, bé Heng) .

⇨ Hình ảnh ẩn dụ về các thế hệ người Xô Man kiên cường chống giặc, một lòng một dạ đi theo đảng, theo kháng chiến.

➲ *Bằng giọng văn tha thiết, đầy sức biểu cảm, đầy sự khâm phục, tự hào và xúc động, tác giả đã xây dựng hình tượng cây xà nu tượng trưng cho các thế hệ người Tây Nguyên nói riêng, người Việt Nam nói chung tiếp bước nhau đứng lên chiến đấu giành lại sự sống cho Tổ quốc mình.*

2. Hình tượng nhân vật T'nú:

a. Hoàn cảnh:

– Tnú là đứa trẻ mồ côi được dân làng Xô man nuôi dưỡng.

– Tnú đến với cách mạng rất sớm, được anh Quyết giác ngộ và dạy chữ với ý thức lớn lên sẽ thay anh Quyết làm cán bộ, lãnh đạo dân làng đánh giặc.

b. Tính cách:

❖ **Tnú gan góc, thông minh, trung thành với Cách mạng:**

– Dù giặc khủng bố, chặt đầu bà Nhan, treo cổ anh Xút, nhưng T'nú vẫn hăng hái đi tiếp tế cho cán bộ.

– Tnú sớm có ý thức: lớn lên sẽ thay anh Quyết làm cán bộ lãnh đạo phong trào Cách mạng.

– Khi đi liên lạc, T'nú rất thông minh, biết phán đoán tình hình, suy luận hợp lý:

+ *"Giặc vây các ngả đường, T'nú leo lên cây cao quan sát một lượt rồi xé rừng mà đi".*
+ *"Qua sông nó không thích lội chỗ nước êm, mà lựa chỗ thác mạnh vì ở đó giặc hay phục kích".*

+ Đi liên lạc bị giặc bắt, T'nú nhanh trí nuốt thư vào bụng.
- Giặc tra tấn T'nú một mực không khai và đặt tay lên bụng bảo *"Cộng sản ở đây"* với lời lẽ dõng dạc, khẩu khí hiên ngang

- Sau khi vượt ngục trở về làng, T'nú trở thành hình ảnh chàng trai hoàn hảo:
+ Rắn chắc, cao lớn, đẹp đẽ như cây xà nu cường tráng, như người dũng sĩ trong truyền thuyết dân gian.

+ T'nú cưới Mai, hạnh phúc bên vợ hiền và đứa con trai đầu lòng trở thành người chồng, người cha đầy trách nhiệm.

+ Anh lãnh đạo dân làng mài giáo, mác, chuẩn bị đồng khởi.

❖ **Tnú kiên cường bất khuất:**

- Giặc kéo về làng để tiêu diệt phong trào nổi dậy ở XôMan. Để truy tìm T'nú, chúng bắt và tra tấn vợ con anh bằng gậy sắt. Nhìn cảnh vợ con bị tra tấn, lòng căm thù đã biến mắt anh thành hai cục lửa hồng. Anh quên cả thân mình, tay không xông vào lũ giặc như hổ dữ để bảo vệ vợ con. Nhưng T'nú không cứu được vợ con, bản thân anh bị giặc bắt. Đó là bi kịch lớn nhất trong cuộc đời T'nú.

– Giặc tra tấn và đốt mười đầu ngón tay anh bằng nhựa xà nu. Đau đớn đến xé lòng *"răng anh cắn nát môi"* nhưng T'nú không thèm kêu van. Anh chỉ thét lên một tiếng "Giết!", tiếng thét ấy trở thành lời hiệu triệu dân làng trong đêm đồng khởi.

– Sau khi được dân làng cứu, nén đau thương, vượt lên bi kịch cá nhân, Tnú cầm vũ khí gia nhập lực lượng chống giặc bảo vệ quê hương.

⇨ Bằng hình tượng nghệ thuật tác giả cho thấy, khi chúng ta cầm súng đứng lên chống lại súng đạn kẻ thù, thì mọi thứ sẽ thay đổi hẳn.

❖ **T'nú giàu tình yêu thương, gắn bó với buôn làng:**

– Đối với gia đình:

+ Yêu thương vợ con sâu sắc.

+ Là người chồng, người cha có trách nhiệm, sống tình nghĩa, thủy chung son sắt.

– Đối với buôn làng, quê hương:

+ Đó là miền kí ức thiêng liêng với bao ân tình dù đi đâu anh cũng đau đáu hướng về.

+ Chỉ được nghỉ phép một đêm, Tnú cũng lặn lội về thăm làng

+ Bồi hồi xao xuyến trước cảnh vật quen thuộc: từng con đường, dòng suối, gốc cây …

+ Nỗi nhớ day dứt suốt ba năm đi bộ đội là tiếng chày chuyên cần, rộn rã của buôn làng, của Mai, của Dít của những người phụ nữ Strá mà anh hết mực yêu thương.

❖ **Hình ảnh đôi bàn tay T nú:**

– Khi còn lành lặn, nó là đôi bàn tay trung thực, nghĩa tình.

+ Đôi bàn tay lao động, làm giao liên.

+ Đôi bàn tay cầm phấn học chữ sau này thay anh Quyết làm cách mạng, cũng chính đôi bàn tay ấy cầm đá đập vào đầu vì học dốt.
+ Đôi bàn tay nghĩa tình, ra sức che chở cho vợ con "hai cánh tay như hai cánh lim" ôm mẹ con Mai vào lòng.
– Khi bị giặc bắt, đó là đôi bàn tay đau thương, uất hận:
+ Với hai bàn tay trắng, Tnú không cứu được vợ con, bản thân anh cũng bị giặc bắt, 10 ngón tay bị tẩm nhựa xà nu đốt, biến thành mười ngọn đuốc.

⇨ Đoạn văn miêu tả hình ảnh đôi bàn tay Tnú bốc cháy là đoạn văn giàu chất bi tráng. Đôi bàn tay trung thực, nghĩa tình giờ đang bốc cháy dữ dội trong nỗi đau tận cùng của Tnú.. Đó là bằng chứng về tội ác dã man của kẻ thù, kích động lòng căm thù của dân làng, là động lực thôi thúc cụ Mết và thanh niên vào rừng tìm vũ khí giết giặc cứu Tnú.

+ Tnú được cứu sống, đôi bàn tay được chữa lành nhưng mỗi ngón chỉ còn hai đốt. Tnú vẫn xung phong vào bộ đội, và chính đôi bàn tay ấy đã trừng trị những kẻ như thằng Dục, trả thù cho gia đình, giải phóng cho quê hương.

⇨ Tnú đã vượt lên bi kịch đau thương để cầm súng chiến đấu.

➲ *T'nú là hình ảnh người anh hùng lý tưởng, được xây dựng bằng bút pháp lãng mạn, giàu chất sử thi. Câu chuyện bi tráng về cuộc đời Tnú thể hiện đầy đủ nhất cho chân lý lịch sử: "Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo". Đó là con đường chúng ta cần đi để bảo vệ sự sống cho quê hương đất nước.*

3. Bức chân dung về một tập thể anh hùng:

a. Cụ Mết:

– Hình ảnh già làng Tây Nguyên kiên cường, bất khuất:

+ Cụ lãnh đạo dân làng chống giặc, nuôi giấu cán bộ, cụ dạy dân làng: *"Cán bộ là Đảng, Đảng còn, núi nước này còn ..."*.

+ Cụ lãnh đạo dân làng đồng khởi giết giặc vì: *"Chúng nó cầm súng, mình phải cầm giáo"*.

+ Cụ tiêu biểu cho linh hồn, truyền thống của làng Xô Man. Cụ kể cho dân làng nghe câu chuyện về cuộc đời T'nú để giáo dục truyền thống yêu nước cho các thế hệ con cháu ngày sau.

b. Dít:

– Hình ảnh của những cô gái Tây Nguyên trưởng thành từ trong đau thương, quật khởi rất gan góc, bản lĩnh:

+ Giặc vây làng, Dít mang gạo đi tiếp tế.

+ Bị bắt, giặc bắn doạ, đạn *"sượt qua tai, sém tóc",* Dít thét lên đến viên đạn thứ 10, bình thản nhìn bọn giặc.

+ Lớn lên Dít trở thành Bí thư Chi bộ kiêm Chính trị viên Xã đội, nghiêm nghị, cứng cỏi trong công tác.

c. Bé Heng:

– Hình ảnh cây xà nu con mới lớn, nhanh nhẹn, tự tin.

4. Tính sử thi trong tác phẩm "Rừng xà nu":

– Chủ đề tác phẩm đặt ra là vấn đề lớn có ý nghĩa sinh tử đối với cách mạng miền Nam lúc đó: phải dùng bạo lực cách mạng để trấn áp bạo lực phản cách mạng.

– Cuộc đời và số phận của nhân vật chính- Tnú- gắn liền với cuộc đời và số phận của dân làng Xôman.

– Toàn bộ câu chuyện được đặt trong khung cảnh thiên nhiên hoành tráng, hùng vĩ, đậm chất Tây Nguyên.

– Giọng kể, ngôn ngữ, hình ảnh trang trọng, mang âm

hưởng hào hùng, có sức ngân vang.

⇨ Tác phẩm là tiếng nói của lịch sử và thời đại, gắn liền với những biến cố trọng đại của toàn dân tộc. Từ bức tranh thiên nhiên đến hình tượng anh hùng đều là sự kết tinh của những lý tưởng cao quý nhất của cộng đồng./.

NHỮNG ĐỨA CON TRONG GIA ĐÌNH

-Nguyễn Thi-

I. TÌM HIỂU CHUNG:

1. Tác giả:

2. Hoàn cảnh ra đời tác phẩm:

– "Những đứa con trong gia đình" là một trong những truyện ngắn xuất sắc nhất của Nguyễn Thi sáng tác tháng 2/1966 khi nhà văn đang chiến đấu tại chiến trường Nam bộ.

– Đây là thời điểm Mỹ đổ quân vào miền Nam, thực hiện chiến tranh cục bộ. Nhiều thanh niên miền Nam đã tình nguyện lên đường đánh Mỹ.

– Tác phẩm được đăng trên tạp chí Văn nghệ Quân giải phóng (1966) sau đó được in trong tập "Truyện và kí" (1978).

3. Tóm tắt tác phẩm:

Truyện kể về anh tân binh Việt, bị thương trong một trận đánh lớn, lạc mất đồng đội:

– Việt là chiến sĩ Giải phóng quân, xuất thân trong một gia đình nông dân có mối thù sâu nặng với Mỹ-ngụy: cả bố,

mẹ và ông nội đều bị giặc giết hại.

- Truyền thống cách mạng vẻ vang và những đau thương mất mát của gia đình do Mỹ - ngụy gây ra đều được chú Năm ghi chép cẩn thận trong cuốn sổ gia đình.
- Việt và Chiến hăng hái đi tòng quân giết giặc, cả hai quyết tâm lập nhiều chiến công để trả thù cho ba má.
- Trong một trận chiến đấu ở rừng cao su, Việt tiêu diệt được một xe bọc thép của địch, nhưng anh bị thương khắp người, hai mắt không nhìn thấy gì. Việt ngất đi tỉnh lại nhiều lần. Mỗi lần tỉnh lại, dòng hồi ức lại đưa anh về với những kỷ niệm về má, chị Chiến, chú Năm, về đồng đội và anh Tánh-tiểu đội trưởng. Dù kiệt sức nhưng Việt vẫn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu: chỉ còn một ngón tay nhúc nhích đang đặt ở cò súng, một viên đạn đã lên nòng.
- Đến ngày thứ 3, Việt được đồng đội tìm thấy và đưa vào một bệnh xá dã chiến. Lúc vết thương sắp lành, anh Tánh giục Việt viết thư cho chị Chiến.

4. Phương thức trần thuật của tác phẩm:

- Tác phẩm "Những đứa con trong gia đình" được trần thuật chủ yếu qua dòng hồi tưởng đứt, nối của nhân vật Việt khi bị thương nằm lại chiến trường.
- Tác dụng về mặt nghệ thuật:

+ Đem lại cho tác phẩm màu sắc trữ tình đậm đà, tự nhiên, sống động.
+ Tạo điều kiện cho nhà văn thâm nhập sâu vào thế giới nội tâm của nhân vật để dẫn dắt câu chuyện, làm nổi bật tính cách nhân vật.

- Diễn biến câu chuyện linh hoạt, hai mảng quá khứ và hiện tại bổ sung cho nhau khiến câu chuyện trở nên mới mẻ, hấp dẫn.

- Ngôn ngữ phong phú, góc cạnh, tự nhiên, mang đậm màu sắc Nam bộ.

5. Ý nghĩa nhan đề tác phẩm:

Thông báo về vị trí của các thế hệ nhân vật chính trong một gia đình nông dân Nam bộ có truyền thống yêu nước, căm thù giặc sâu sắc. Muốn hiểu về những đứa con phải hiểu ngọn nguồn đã sinh ra nó, phải hiểu về truyền thống của gia đình đó.

- Họ được nuôi dưỡng, trưởng thành và sẽ tiếp nối truyền thống tốt đẹp đó của gia đình và dân tộc.
- Khẳng định, ngợi ca mối liên hệ bền chặt, thiêng liêng giữa các thế hệ trong gia đình, giữa tình cảm gia đình và tình yêu đất nước tạo nên sức mạnh to lớn của dân tộc Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

6. Chủ đề:

- Ngợi ca nhân vật Việt và Chiến- những đứa con trong gia đình- giàu truyền thống cách mạng, yêu nước, căm thù giặc sâu sắc, quyết tâm ra trận đánh giặc để trả thù nhà, nợ nước.
- Ngợi ca vẻ đẹp của chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

II. TÁC PHẨM:

1. Nhân vật Việt.

a. Hoàn cảnh:

- Sinh ra trong một gia đình giàu truyền thống cách mạng, chịu nhiều mất mát, đau thương do Mỹ-ngụy gây ra.
- Là em trai của chị Chiến, xung phong vào bộ đội khi chưa đầy 18 tuổi.

b. Tính cách:

❖ **Tính cách trẻ con, ngây thơ, hiếu động, có tâm hồn**

trong sáng:

- Thích bắt ếch, câu cá, bắn chim. Đi bộ đội, Việt còn mang theo ná thun.
- Tranh đi bộ đội, tranh công với chị Chiến.
- Đi bộ đội, Việt không sợ giặc, không sợ chết mà sợ ma *"ma cụt đầu và thằng chỏng thụt lưỡi ngoài vàm sông".*
- Đêm trước ngày lên đường nhập ngũ, Việt phó thác việc nhà cho chị Chiến lo liệu, *"lăn kềnh ra ván cười khì khì".* Khi chị Chiến trao đổi bàn tính sắp xếp chuyện nhà thì Việt vẫn vô tư *"chụp một con đom đóm úp vào trong lòng tay",* rồi ngủ quên lúc nào không biết.
- Cách Việt thương chị cũng rất trẻ con *"giấu chị như giấu của riêng"* vì sợ mất chị.

❖ **Chững chạc, đường hoàng trong tư thế người chiến sĩ trẻ dũng cảm, kiên cường:**

- Chưa đủ 18 tuổi, Việt vẫn nằng nặc đòi đi tòng quân để trả thù cho ba má khiến chị Chiến luôn phải dòm chừng vì sợ Việt trốn nhà đi bộ đội.
- Lúc xông trận, Việt chiến đấu rất dũng cảm, dùng thủ pháo tiêu diệt được xe bọc thép của giặc.
- Khi bị thương nặng, lạc đồng đội, nằm lại một mình giữa chiến trường, dù hai mắt không thấy gì, toàn thân đau điếng, rỉ máu…đói, khát… Việt vẫn luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu *"đạn đã lên nòng, ngón cái còn lại sẵn sàng nổ súng".*
- Ba ngày đói khát giữa mặt trận, anh vẫn tỉnh táo nhận ra tiếng súng của đồng đội, kiên cường hơn thế, Việt tự lết thân mình về phía mặt trận *"cây súng đẩy đi trước, hai cùi tay lôi người theo chính trận đánh đang gọi Việt đến".*

❖ **Có trái tim giàu lòng yêu thương:**

– Tình cảm gia đình thiêng liêng, sâu đậm:

+ Trong kí ức của Việt luôn in đậm hình ảnh của má:

- Nhớ ánh mắt má *"sắc ánh lên"* khi đứng trước mũi súng của giặc.
- Nhớ tiếng gọi đầy yêu thương của má *"Việt à, ra phụ má nghe con*".
- Nhớ hình ảnh má tảo tần, vất vả nuôi các con, có nhiều đêm má đi làm thuê tới canh hai mới về, Việt tỉnh giấc *"ngửi thấy mùi lúa gạo và mùi mồ hôi ngay trên đầu mình".*
- Đêm cuối cùng trước ngày đi bộ đội, đom đóm từ ngoài rặng bần kéo vào đầy nhà, Việt cảm thấy *"má đã về ngồi đâu đây*".

+ Đối với chị Chiến, Việt tìm lại tình yêu của mẹ qua chị nên luôn yêu thương và gắn bó với chị:

- Coi chị như người mẹ "giống in như má", thuận theo sự sắp đặt việc nhà của chị.
- Khi hai chị em khiêng bàn thờ má sang nhà chú Năm, nghe tiếng chân chị, "Việt thấy thương chị lạ…lần đầu tiên Việt mới thấy lòng mình rõ như thế".
- Lúc nào Việt cũng sợ mất chị, giấu chị như "giấu của riêng".

+ Đối với chú Năm:

- Việt nhớ giọng hò của chú "giọng hò tức và đục như gà gáy".
- Nhớ chú hay bênh Việt .
- Nhớ lời dặn dò của chú và niềm tự hào khi chú nói về cuốn sổ gia đình.

– Tình đồng chí, đồng đội gắn bó, nghĩa tình.

+ Khi bị thương nằm giữa rừng, Việt vừa nghĩ đến má vừa

nhớ đến anh Tánh.

+ Việt muốn chạy thật nhanh để gặp lại anh Tánh "níu chặt lấy anh mà khóc".

➲ *Tính cách nhân vật Việt đa dạng, độc đáo, là mẫu người anh hùng của nhân dân nam bộ trong thời kì đánh Mĩ, tiêu biểu cho tuổi trẻ miền nam kiên cường, bất khuất, sẵn sàng hi sinh vì độc lập tự do cho dân tộc.*

2. Nhân vật Chiến:

a. Ngoại hình:

– Chiến 19 tuổi, có vóc dáng giống hệt má: thân người to và chắc nịch, hai bắp tay tròn vo, sạm đỏ màu cháy nắng.

– Cử chỉ, điệu bộ "*giống in như má*":

+ Nằm trong buồng nói vọng ra, giọng rành rọt tiếng nào ra tiếng nấy.

+ Chị cựa mình, hứ một cái "cóc"…

b. Tính cách:

❖ **Là cô gái đảm đang, tháo vát.** Trong hoàn cảnh mồ côi cha mẹ, chị Chiến vừa là chị, vừa là mẹ của hai đứa em nhỏ:

– Biết nhường em, chăm sóc em hết lòng.

– Thay mẹ nuôi em, tính toán chu đáo việc gia đình trước ngày nhập ngũ:

+ Thằng út sang ở với chú Năm.

+ Ngôi nhà đang ở cho các anh ở xã mượn mở trường học.

+ Đồ đạc trong nhà, bàn thờ má gửi chú Năm "cho thằng út nó coi".

+ Năm công ruộng trao lại chi bộ đặng chia cho cô bác khác mần…

⇨ Việc nhà Chiến tính toán chu toàn, hợp lý đẹp lòng người khuất núi, vui lòng người còn sống, rất biết trước, biết

sau khiến chú Năm cũng phải thán phục.

❖ **Có lòng căm thù giặc sâu sắc, dũng cảm, kiên định**:

– Khao khát được cầm súng đánh giặc trả thù nhà, bảo vệ quê hương.

– Có quyết tâm sắt đá "Đã làm thân con gái ra đi thì tao chỉ có một câu: Nếu giặc còn thì tao mất".

– Có nhiệt huyết chiến đấu "xa nhà thì ráng học chúng học bạn, thù cha mẹ chưa trả mà bỏ về là chú chặt đầu".

– Chiến kiên định ngồi đánh vần cuốn sổ gia đình từ trưa đến tối để nuôi dưỡng khát vọng chiến đấu và trả thù cho gia đình.

❖ **Vừa có nét ngây thơ vừa nữ tính:**

– Giành đi bộ đội với em một cách rất trẻ con: "Đề nghị các anh xét cho, nó là em tôi mà cái gì nó cũng giành…"

– Thích làm duyên, hay cười. Đi đánh giặc mà trong túi lúc nào cũng có chiếc gương soi.

➲ *Chiến điển hình cho người phụ nữ Nam Bộ nói riêng và người phụ nữ Việt Nam truyền thống: dũng cảm, giàu tình nghĩa, thủy chung với quê hương, với cách mạng, đảm đang tháo vát.*

3. Nhân vật chú Năm:

– Là nhân vật kết tinh đầy đủ truyền thống gia đình:

+ Hay kể sự tích gia đình.

+ Là tác giả cuốn sổ gia đình đầy máu và nước mắt, ghi lại công trạng của các thành viên trong gia đình.

– Là người lao động chất phác, giàu tình cảm, có tâm hồn phóng khoáng, bao dung:

+ Giọng hò của chú đục, khàn nhưng dạt dào cảm xúc.

+ Tâm hồn chú bay bổng, chú ví chuyện gia đình "cũng dài như sông".

4. Nhân vật má Việt.

- Rất mực thương chồng, thương con, đảm đang tháo vát.
- Cuộc đời vất vả, lam lũ, chồng chất tang thương nhưng má đã nén chặt nỗi đau để nuôi con, đánh giặc.
- Mang đậm nét đẹp của người phụ nữ truyền thống.

5. Chất sử thi của thiên truyện.

- Thể hiện qua cuốn sổ gia đình - lịch sử gia đình. Qua đó thấy được lịch sử của một đất nước, một dân tộc trong cuộc chiến chống Mỹ "Trăm dòng sông đổ vào một biển, con sông của gia đình ta cũng chảy về biển, mà biển thì rộng lắm…, rộng bằng cả nước ta và ra ngoài cả nước ta…".
- Số phận của những đứa con- những thành viên trong gia đình, cũng là số phận của nhân dân miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ khốc liệt. Mỗi nhân vật trong truyện đều tiêu biểu cho truyền thống, đều gánh vác trên vai trách nhiệm với gia đình, với Tổ quốc trong cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại.
- Ngôn ngữ phong phú, góc cạnh, đậm chất nam bộ, thiên về cảm hứng ngợi ca, khẳng định.

CHIẾC THUYỀN NGOÀI XA
- Nguyễn Minh Châu-

I. TÌM HIỂU CHUNG:

1. Tác giả:

2. Tóm tắt tác phẩm:

- Để có thể xuất bản một bộ lịch nghệ thuật về thuyền và biển thật ưng ý, trưởng phòng yêu cầu nghệ sĩ nhiếp ảnh Phùng đi thực tế chụp bổ sung một bức ảnh với cảnh biển buổi sáng có sương mù.
- Nhân chuyến đi thăm Đẩu, người bạn chiến đấu năm xưa, giờ đang là chánh án toà án huyện, Phùng đi tới một vùng biển từng là chiến trường cũ của anh thời chống Mĩ. Sau nhiều ngày phục kích, Phùng bắt gặp một cảnh "đắt" trời cho, đó là cảnh chiếc thuyền đánh cá thu lưới vào lúc bình minh trên biển mờ sương, một bức ảnh tuyệt đẹp và toàn bích.
- Nhưng khi chiếc thuyền vào bờ, anh kinh ngạc chứng kiến một cảnh đời trần trụi: người chồng vũ phu đánh đập vợ hết sức dã man còn người bà nhẫn nhục, cam chịu, đứa con vì muốn bảo vệ mẹ đã đánh trả lại cha mình.
- Ba ngày sau, cảnh tượng đó lại tiếp diễn. Lúc này, nghệ sĩ Phùng đã ra tay can thiệp. Phùng bị lão đàn ông đánh trả và được đưa về trạm y tế của tòa án huyện.
- Ở đây, anh đã được nghe câu chuyện của người đàn bà hàng chài với bao cảm thông và ngỡ ngàng, ngạc nhiên. Anh hiểu được người đàn bà ấy dù bị đánh đập tàn bạo đến mấy vẫn không muốn ly dị chồng bởi chị không chỉ sống cho mình mà còn phải sống cho con, người phụ nữ bất hạnh nhưng giàu lòng yêu thương. Những nhận thức mới bừng sáng trong đầu Phùng và Đẩu
- Mỗi lần đứng trước tấm ảnh Chiếc thuyền ngoài xa, Phùng lại thấy hình ảnh người đàn bà nghèo khổ lam lũ ấy như một sự ám ảnh đầy trăn trở.

3. Ý nghĩa nhan đề:

- Biểu tượng cho một bức tranh thiên nhiên đẹp về chiếc

thuyền trong sương sớm.

– Là khái quát ẩn dụ về mối quan hệ giữa nghệ thuật và đời sống:

+ Cuộc đời là nơi sản sinh ra cái đẹp của nghệ thuật nhưng không phải cuộc đời lúc nào cũng đẹp.

+ Con người cần có một khoảng cách để chiêm nghiệm vẻ đẹp của nghệ thuật, còn muốn tiếp cận cuộc đời thì phải đi vào bên trong nó và sống cùng cuộc đời.

– Khi nhìn cuộc sống, phải có cái nhìn đa chiều, không được phiến diện, hời hợt mới phát hiện ra vẻ đẹp hoặc những nghịch lý trong đó.

4. Ý nghĩa tình huống truyện:

– Truyện "Chiếc thuyền ngoài xa" được tổ chức xung quanh tình huống nhận thức. Nếu tình huống hành động có ý nghĩa bước ngoặt trong cuộc đời nhân vật thì tình huống nhận thức lại chú trọng cắt nghĩa những phút giây con người bừng tỉnh, thấu suốt chân lý.

– Tình huống giúp người nghệ sĩ ngộ ra mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc đời.

– Qua câu chuyện của người đàn bà hàng chài, người đọc vỡ ra những nghịch lý cuộc sống mà con người phải chấp nhận.

– Tình huống góp phần làm nổi bật tính cách, số phận nhân vật, tư tưởng chủ đề của tác phẩm.

– Đồng thời bộc lộ tài năng của nhà văn trong việc lựa chọn và xử lý tình huống.

5. Chủ đề:

– Thể hiện tình yêu tha thiết của tác giả đối với những cảnh đời, thân phận chớ trêu của con người.

– Gửi gắm những chiêm nghiệm sâu sắc về nghệ thuật, mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc đời:

+ Nghệ thuật chân chính phải luôn gắn với cuộc đời và vì cuộc đời.
+ Người nghệ sĩ không thể nhìn đời một cách đơn giản, cần phải nhìn cuộc sống và con người một cách đa diện, nhiều chiều, phát hiện ra bản chất thật sau vẻ đẹp bên ngoài của hiện tượng..

II. TÁC PHẨM:

1. Hai phát hiện của nghệ sĩ Phùng:

a. Phát hiện thứ nhất (bức tranh nghệ thuật):

❖ ***Lý do:***

– Phùng- nghệ sĩ nhiếp ảnh, theo yêu cầu của trưởng phòng đã đi tới vùng biển (nơi anh từng chiến đấu) để chụp bổ sung một bức ảnh buổi sáng có sương mù.

❖ ***Tác phẩm nghệ thuật:***

– Bằng tài năng và tâm hồn nghệ sĩ tinh tế, nhạy cảm, Phùng đã nắm bắt được khoảnh khắc xuất thần của nghệ thuật và chụp được một cảnh "đắt trời cho".
– Nó "đẹp như một bức tranh mực tàu của một danh họa thời cổ".
– "Mũi thuyền in một nét mơ hồ lòe nhòe vào bầu sương mù trắng như sữa có pha đôi chút màu hồng hồng do ánh mặt trời chiếu vào".

⇨ "cái đẹp tuyệt đỉnh" của một vùng trời nước mênh mông. Một vẻ đẹp thực đơn giản và toàn bích.

❖ ***Cảm xúc của người nghệ sĩ:***

– Bối rối, trong trái tim như có cái gì bóp thắt vào.

⇨ Khoảnh khắc rung động cực điểm khi đứng trước cái đẹp. Người nghệ sĩ chính là người phát hiện và mang cái đẹp đến với cuộc đời.

❖ ***Tác động đến nhận thức của người nghệ sĩ:***

– Phát hiện ra *"bản thân cái đẹp chính là đạo đức"*.
– Khám phá thấy chân lý của sự toàn thiện, toàn bích.
– Khám phá thấy cái khoảnh khắc trong ngần của tâm hồn.
⇨ Phùng đã bắt gặp cái tận thiện, tận mỹ của cuộc đời, thấy tâm hồn mình như được gột rửa thật trong trẻo, cao khiết, thánh thiện.
➲ Phát hiện ra cái đẹp trong nghệ thuật dù khó vẫn có thể nhìn thấy bằng mắt thường bởi nó bộc lộ tương đối rõ ràng.

b. Phát hiện thứ hai (bức tranh cuộc đời):

❖ ***Lý do:***

– Chiếc thuyền đâm thẳng vào trước chỗ tôi đứng, khoảng cách gần hơn, trực diện và rõ nét hơn.

❖ ***Bức tranh cuộc đời:***

– Bước ra từ chiếc thuyền ngư phủ đẹp như mơ là:
+ Người đàn bà: cao lớn, thô kệch, rỗ mặt, mệt mỏi, tái ngắt và dường như đang buồn ngủ, tấm lưng áo bạc phếch và rách rưới.
+ Người đàn ông: tấm lưng rộng và cong, mái tóc tổ quạ, chân đi chữ bát, hàng lông mày cháy nắng rủ xuống hai con mắt đầy vẻ độc dữ.
– Một cảnh tượng tàn nhẫn diễn ra ngay trước mắt Phùng: Người chồng rút chiếc thắt lưng đánh vợ thô bạo, người vợ nhẫn nhục cam chịu, thằng con thương mẹ đánh trả lại cha nó.

❖ ***Tâm trạng của Phùng:***

– Kinh ngạc đến mức "cứ đứng há mồm ra mà nhìn".
– Đứng "chết lặng", "ngơ ngác nhìn" không tin vào những điều vừa xảy ra trước mắt.
⇨ Những hình ảnh xấu xí, trần trụi, thô mộc, gai góc của đời sống được phơi bày, nó đối lập với vẻ lãng mạn của

khung cảnh thiên nhiên trong bức ảnh nghệ thuật.

➲ Cuộc đời không đơn giản, xuôi chiều mà chứa đầy nghịch lý, luôn tồn tại trong nó những mặt đối lập: đẹp-xấu, thiện-ác. Phải nhìn bằng tâm hồn, bằng trái tim và sự thấu hiểu mới có thể thấy được.

2. Câu chuyện của người đàn bà ở tòa án huyện:

– Lần thứ hai chứng kiến cảnh bạo hành gia đình, Phùng đã can thiệp và bị thương. Phùng nhờ đến bạn mình là chánh án Đẩu tìm cách giúp đỡ người đàn bà ly hôn chồng để thoát khỏi nghịch lí bất công.

– Người đàn bà từ chối ly hôn đã khiến cho Phùng rất ngạc nhiên và phẫn nộ.

– Sau khi nghe câu chuyện cuộc đời của chị, Phùng và Đẩu hiểu ra nhiều điều:

+ Chị là người phụ nữ cam chịu, nhẫn nhục, thường xuyên bị chồng hành hạ *"ba ngày một trận nhẹ, năm ngày một trận nặng"*.

+ Chị không muốn bỏ chồng, chấp nhận cuộc sống bất hạnh đó là vì tình thương vô bờ đối với những đứa con *"đàn bà ở thuyền chúng tôi phải sống cho con chứ không thể sống cho mình như ở trên đất được"*, "*phải có người đàn ông để chèo chống khi phong ba, để cùng làm ăn nuôi nấng sắp con nhà nào cũng trên dưới chục đứa"*.

+ Trong đau khổ triền miên, người đàn bà vẫn chắt lọc niềm hạnh phúc nhỏ nhoi để có thêm nghị lực tiếp tục sống. Đó là lúc *"vợ chồng con cái hòa thuận, vui vẻ",* vui nhất là khi *"nhìn đàn con chúng được ăn no"*.

⇨ Phùng nhận ra cuộc đời chứa đựng nhiều ngang trái, không thể dễ dãi, đơn giản khi nhìn nhận và phán xét cuộc sống, con người. Phải nhìn nó một cách đa chiều,

sâu sắc.

3. Tấm ảnh được chọn trong bộ lịch:

– Bức ảnh đẹp, được treo ở nhiều nơi, trong các gia đình sành nghệ thuật.

– Mỗi lần ngắm bức ảnh, Phùng đều thấy *"màu hồng hồng của ánh sương mai"* và thấy *"người đàn bà ấy đang bước ra khỏi tấm ảnh"*.

⇨ *"màu hồng hồng*" là chất thơ của cuộc sống, là vẻ đẹp lãng mạn của cuộc đời, là biểu tượng của nghệ thuật.
Còn hình ảnh *"người đàn bà*" là hiện thân của những lam lũ, khốn khó của đời thường, là sự thật cuộc sống ẩn dấu phía sau bức tranh nghệ thuật.

➲ *Quan niệm trong sáng tạo nghệ thuật: Hãy rút ngắn khoảng cách giữa nghệ thuật và hiện thực cuộc sống. Nghệ thuật chân chính không bao giờ rời xa cuộc đời. Người nghệ sỹ chân chính phải trung thực, dũng cảm nhìn thẳng vào hiện thực, nhìn vào số phận mỗi con người.*

4. Hình tượng người đàn bà hàng chài trong truyện ngắn "Chiếc thuyền ngoài xa".

a. Cảnh ngộ:

❖ ***Ngoại hình:***

– Chạc ngoài 40 tuổi, hình dáng thô kệch, mặt đầy những vết rỗ. Khuôn mặt tái ngắt, mệt mỏi sau một đêm thức trắng kéo lưới.

⇨ Vẻ ngoài gợi về một cuộc đời nhọc nhằn, lam lũ, vất vả.

❖ ***Số phận:***

– Cái xấu đeo đuổi chị như một định mệnh. Vì không ai

lấy, chị lỡ có mang với anh anh hàng chài rồi thành vợ thành chồng.

– Cuộc sống mưu sinh trên biển cực nhọc, bấp bênh, gia đình lại đông con, thuyền thì chật nên cái đói nghèo cứ bủa vây, bám riết, có lúc biển động hàng tháng, *"cả nhà phải ăn xương rồng luộc chấm với muối"*

+ Đó cũng là nguyên nhân khiến chị bị chồng đánh, lúc nào khổ quá lão chồng lại lôi chị ra đánh để trút giận *"ba ngày một trận nhẹ, năm ngày một trận nặng"*.

⇨ Chị không có tên, chỉ được gọi một cách phiếm chỉ cũng giống như bao nhiêu người đàn bà vùng biển này đang sống một cuộc đời đầy bất hạnh, ngang trái. Nhưng trong chị lại ẩn chứa nhiều điều kì diệu khiến người khác phải suy nghĩ.

b. Tính cách:

❖ ***Là người đàn bà cam chịu, nhẫn nhục:***

– Khi sắp bị chồng đánh: Chị "đưa cặp mắt nhìn xuống chân" đầy chịu đựng, chấp nhận.

– Khi bị chồng đánh: chị "không hề kêu một tiếng, không chống trả, không tìm cách chạy trốn", cứ để mặc gã chồng trút *"cơn giận như lửa cháy"*. Chị hoàn toàn câm lặng trước trận đòn tàn nhẫn bằng thắt lưng của chồng.

⇨ Phải chăng vì sự tăm tối, dốt nát, vì quá quen với những trận đòn hay còn lý do nàokhác mà chị trở nên trơ lì, mất đi ý thức về quyền sống của mình? Dù là lý do gì, đó cũng là một sự chịu đựng phi thường.

– Khi được chánh án Đẩu khuyên bỏ lão chồng vũ phu ấy, chị đã khẩn thiết van xin *"quý tòa bắt tội con cũng được, phạt tù con cũng được, đừng bắt con bỏ nó"*. Lời van xin bất thường khiến Phùng và Đẩu đều ngạc nhiên. Chị không cầu cứu sự bảo vệ, giúp đỡ của pháp luật mà van

xin được sẵn sàng đánh đổi bằng mọi giá để không phải bỏ người chồng vũ phu ấy.

⇨ Sự cam chịu, nhẫn nhục của chị đến mức đáng thương và tội nghiệp.

❖ ***Là người mẹ hết lòng thương con, giàu đức hi sinh:***

– Vì không muốn con chứng kiến những cảnh bạo hành của người chồng, không muốn làm tổn thương tâm hồn thơ dại của thằng bé nên chị chấp nhận hi sinh tình mẫu tử, sống xa con, gửi thằng Phác lên bờ cho ông ngoại nuôi.

– Để bảo vệ mẹ, thằng Phác đã quay về thuyền. Chị muốn bảo vệ con, ngăn chặn việc làm trái luân thường đạo lý từ con nên đã xin lão chồng đưa mình lên bờ mà đánh. Khi chứng kiến đứa con thơ dại vì bảo vệ mình mà lao vào đánh lại bố và nhận về hai cái tát trời giáng, chị bàng hoàng, thảng thốt cất tiếng gọi con trong nước mắt *" Phác, con ơi!"*

⇨ Tiếng gọi ấy là nỗi đau tột cùng của người mẹ khi những điều chị lo lắng đã trở thành hiện thực.

– Chị van xin khẩn thiết chánh án Đẩu để không phải từ bỏ lão chồng vũ phu cũng chỉ vì lòng thương con:

+ *"Đám đàn bà hàng chài ở thuyền chúng tôi cần phải có người đàn ông để chèo chống khi phong ba, để cùng làm ăn nuôi nấng một sắp con nhà nào cũng trên dưới chục đứa".*

+ *"đàn bà ở thuyền chúng tôi phải sống cho con chứ không thể sống cho mình như ở trên đất được"*

⇨ Chị yêu con đến mức quên mình, sẵn sàng chấp nhận đau đớn về thể xác, tinh thần để lo tròn trách nhiệm với con. Tình thương ấy thật mãnh liệt và cảm động trong hoàn cảnh éo le này.

– Niềm vui, niềm hạnh phúc nhỏ nhoi mà chị chắt lọc để làm động lực vượt lên hoàn cảnh cũng xuất phát từ con *"vui nhất là khi nhìn đàn con chúng nó được ăn no"*.

❖ ***Là người phụ nữ sâu sắc, thấu hiểu lẽ đời.***

– Chị có cái nhìn độ lượng, thấu hiểu đối với người chồng:

+ Phùng và Đẩu nhìn người chồng như một kẻ tàn nhẫn, độc ác, là thủ phạm gây nên những bi kịch trong gia đình cần phải bị trừng trị, lên án.

+ Còn trong mắt chị, người đàn ông ấy chỉ là nạn nhân của hoàn cảnh khắc nghiệt cần được cảm thông và chia sẻ. Chị nhận ra bản chất của chồng vốn *"hiền lành, cục tính, không bao giờ đánh đập chị, chẳng qua vì nghèo mà nên nỗi"*

⇨ Chị cho rằng chính nghèo đói mới là nguyên nhân của bi kịch, làm thay đổi tính cách con người.

– Qua câu chuyện ở tòa án, ta nhận ra ở chị sự thâm trầm, sâu sắc, thấu hiểu lẽ đời:

+ Chị giúp Đẩu nhận ra mình còn hời hợt, nặng về lý thuyết. Trong đầu vị Bao công miền biển ấy *"có một cái gì vỡ ra"*, lúc ấy trông Đẩu *" rất nghiêm nghị và đầy suy nghĩ"*.

+ Câu chuyện của chị giúp Phùng hiểu được tấm lòng thương con bao la và đức hi sinh quên mình của người mẹ. Với một người nghệ sỹ suốt đời đi tìm cái đẹp, anh nhận thức ra mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc đời (nghệ thuật phải bắt nguồn từ cuộc đời và vì cuộc đời).

➲ *Nhân vật người đàn bà hàng chài đã để lại trong lòng người đọc bao trăn trở, day dứt về một số phận bất hạnh nhưng đầy xúc động và ngưỡng mộ về vẻ đẹp như "hạt ngọc ẩn giấu trong bề sâu tâm hồn của con người".*

5. Giá trị nghệ thuật:

– Nét độc đáo trong nghệ thuật xây dựng cốt truyện là cách tạo tình huống mang ý nghĩa khám phá, phát hiện về đời sống.

– Ngôn ngữ kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật rất linh hoạt, sang tạo, giản dị mà đa nghĩa.

– Ngôi kể, điểm nhìn thích hợp làm cho câu chuyện chân thực, hấp dẫn.

HỒN TRƯƠNG BA, DA HÀNG THỊT
- LƯU QUANG VŨ-

I. TÌM HIỂU CHUNG:

1. Tác giả:

– Lưu Quang Vũ (1948-1988), quê gốc ở Đà Nẵng, sinh tại Phú Thọ trong một gia đình trí thức.

– Ông từng tham gia quân đội, từng làm nhiều nghề để mưu sinh.

– Ông là một tài năng đa dạng: làm thơ, viết văn, soạn kịch…

– Ông trở thành hiện tượng đặc biệt của sân khấu kịch những năm 80 và được coi là nhà soạn kịch tài năng nhất của nền văn hóa nghệ thuật Việt Nam hiện đại.

– Tác phẩm tiêu biểu: *Lời nói dối cuối cùng, Bệnh sĩ, Tôi và chúng ta…*

2. Hoàn cảnh ra đời:

- Tác phẩm viết năm 1981 nhưng đến năm 1984 mới ra mắt công chúng.
- Dựa trên một cốt truyện dân gian, Lưu Quang Vũ xây dựng thành một vở kịch hiện đại, đặt ra nhiều vấn đề mới mẻ, có ý nghĩa tư tưởng và triết lý nhân văn sâu sắc.
- Đoạn trích là cảnh VII và phần kết của vở kịch.

3. Tóm tắt văn bản:

- Trương Ba là một người làm vườn giỏi đánh cờ, nhân hậu, sống chan hòa với mọi người.. Vì sự cẩu thả của Nam Tào, Bắc Đẩu nên phải chết oan. Muốn sửa sai, Nam Tào và Đế Thích cho hồn Trương Ba sống lại, nhập vào xác anh hàng thịt vừa mới chết. Trú nhờ linh hồn trong thể xác anh hàng thịt, Trương Ba gặp rất nhiều phiền toái: Lí trưởng sách nhiễu, chị hàng thịt đòi chồng, gia đình Trương Ba cũng cảm thấy xa lạ…bản thân Trương Ba thì đau khổ vì phải sống trái tự nhiên, giả tạo.
- Thân xác hàng thịt đã làm Trương Ba nhiễm một số thói xấu và những nhu cầu vốn không phải của chính bản thân ông. Hồn Trương Ba tách khỏi thể xác để đối thoại với anh hàng thịt mong tìm lối thoát nhưng càng bế tắc.
- Trước nguy cơ bị tha hóa về nhân cách và sự phiền toái do mượn thân xác kẻ khác, Trương Ba quyết định trả lại xác cho hàng thịt và chấp nhận cái chết.

4. Ý nghĩa nhan đề:

- Tình cảnh trớ trêu, mâu thuẫn, đau khổ của nhân vật Trương Ba khi tâm hồn thanh cao, nhân hậu lại phải trú ngụ trong thân xác hàng thịt thô lỗ, phàm tục.

⇨ Con người phải được sống là mình trong sự hòa hợp giữa

thể xác và tâm hồn.

Linh hồn phải luôn đấu tranh với những đòi hỏi không chính đáng của thể xác để hoàn thiện nhân cách.

5. Chủ đề:

– Con người phải sống đúng là mình, sống trọn vẹn với giá trị của mình.

– Phải luôn biết đấu tranh với nghịch cảnh, với bản thân, luôn hoàn thiện nhân cách và vươn tới những giá trị tinh thần cao quý.

II. TÁC PHẨM:

1. Cuộc đối thoại giữa hồn Trương Ba và xác hàng thịt:

– Phải sống nhờ xác hàng thịt nên bị cái xác thịt ấy điều khiển.

– Linh hồn nhân hậu, trong sạch, tính ngay thẳng của Trương Ba bị nhiễm độc bởi cái tầm thường của anh hàng thịt.

– Trương Ba dằn vặt, đau khổ, quyết định chống lại, muốn tách ra khỏi xác hàng thịt:

+ Hàng thịt: tuyên bố về sức mạnh của mình, cười nhạo, ve vãn hồn Trương Ba thỏa hiệp .

+ Trương Ba: nổi giận, khinh bỉ, ngậm ngùi, thấm thía cảnh ngộ của mình.

⇨ Trương Ba được trả lại cuộc sống nhưng là cuộc sống đáng hổ thẹn vì phải sống chung với sự dung tục và có nguy cơ bị tha hóa về nhân cách.

➲ Ý nghĩa:

Khi con người sống trong sự dung tục thì tất yếu cái dung tục sẽ ngự trị, lấn át những gì trong sạch, đẹp

đẽ của con người.

Xác hàng thịt là ẩn dụ cho hình thức bên ngoài phàm tục, hồn Trương Ba ẩn dụ cho nội dung bên trong cao khiết. Thể xác và linh hồn, nội dung hình thức phải có mối quan hệ hữu cơ với nhau không thể "bên ngoài một đằng bên trong một nẻo", phải được sống là chính mình.

Linh hồn phải luôn đấu tranh với những đòi hỏi không chính đáng của thể xác để hoàn thiện nhân cách.

2. Cuộc đối thoại giữa Trương Ba và Đế Thích:

– Thái độ của Trương Ba:

+ Kiên quyết từ chối, không chấp nhận *"bên trong một đằng, bên ngoài một nẻo. Tôi muốn được là tôi trọn vẹn"*

⇨ Quan niệm về hạnh phúc: Được sống đúng là mình là một nhu cầu, một quyền lợi thiêng liêng và chính đáng của con người. Nó phản ánh yêu cầu về sự thống nhất giữa tâm hồn và thể xác, giữa nội dung và hình thức, giữa tư tưởng và hành động.

+ Thẳng thắn chỉ ra sai lầm của Đế Thích *"Ông chỉ nghĩ đơn giản là cho tôi sống, nhưng sống như thế nào thì ông chẳng cần biết?"*.

⇨ Lòng tốt hời hợt chẳng đem lại điều gì thực sự có ý nghĩa, mà có khi còn tệ hại hơn, nó đẩy người khác vào nghịch cảnh. Bởi sống hay không sống không phải là vấn đề mà quan trọng là sống ra sao và sống như thế nào?

– Quyết định cuối cùng của Trương Ba:

+ Trước lời đề nghị đổi thân xác với cu Tỵ vừa mới chết, Trương Ba "lưỡng lự…suy nghĩ" và quyết định *"Không*

thể sống với bất cứ giá nào. Có những giá đắt quá không thể trả được"

⇨ Vẻ đẹp tâm hồn trong cuộc đấu tranh chống lại sự dung tục, giả tạo để được sống trọn vẹn là chính mình, để hoàn thiện nhân cách.

3. Đoạn kết:

Trương Ba chấp nhận cái chết và hóa thân vào các sự vật thân thương tồn tại vĩnh viễn bên cạnh người thân.

⇨ Cuộc sống tuần hoàn theo quy luật.

Khẳng định nhân cách cao đẹp của Trương Ba.

Sự chiến thắng của cái thiện, cái đẹp và của sự sống đích thực.

III. Ý nghĩa tác phẩm

- Tác phẩm làm nổi bật hoàn cảnh éo le của nhân vật hồn Trương Ba nhân hậu, thanh cao phải sống nhờ trong thân xác anh Hàng thịt thô lỗ phàm tục.
- Tác giả gởi đến người đọc thông điệp:
  - Được sống làm người quý giá thật nhưng được sống đúng là mình, sống trọn vẹn những giá trị mình vốn có và theo đuổi còn quý giá hơn.
  - Sự sống chỉ thực sự có ý nghĩa khi con người được sống tự nhiên với sự hài hòa giữa thể xác và tâm hồn.
  - Con người phải luôn luôn biết đấu tranh với nghịch cảnh với chính bản thân, chống lại sự dung tục để, hoàn thiện nhân cách và vươn tới những giá trị tinh thần cao quý

IV Nghệ thuật:

- Sáng tạo lại cốt truyện dân gian
- Nghệ thuật dựng cảnh, dựng đối thoại, độc thoại nội tâm và hành động nhân vật phù hợp với hoàn cảnh, tính cách, góp phần phát triển tình huống truyện.

PHẦN II: VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

THUỐC
-LỖ TẤN-

I. TÌM HIỂU CHUNG:

1. Những nét chính về cuộc đời, sự nghiệp sáng tác của Lỗ Tấn.

2. Hoàn cảnh sáng tác:

- Truyện ngắn *Thuốc* được viết năm 1919, vào lúc cuộc vận động Ngũ tứ bùng nổ.
- Tác phẩm tập trung vạch rõ nguyên nhân căn bệnh "đớn hèn" của dân tộc Trung Hoa, do nhân dân chìm đắm trong mê muội, lạc hậu, những người cách mạng thì hoàn toàn xa lạ với nhân dân.
- Từ đó nhà văn cảnh báo : Người Trung Quốc cần suy nghĩ nghiêm túc về một phương thuốc để cứu dân tộc.

3. Tóm tắt tác phẩm:

- Ông bà Hoa Thuyên có đứa con trai bị bệnh lao. Một đêm thu gần về sáng, theo lời bác Cả Khang, lão Hoa trở dậy đi đến pháp trường để mua "thuốc" (chiếc bánh bao tẩm máu người) chữa bệnh cho thằng Thuyên – con trai lão.
- Máu tẩm vào chiếc bánh bao là máu của Hạ Du, một chiến sĩ cách mạng do bị người thân tố giác với chính quyền để kiếm hai mươi lạng bạc mà bị bắt và hành hình.
- Mọi người trong quán trà cho rằng Hạ Du bị điên, bị bắt vào tù mà vẫn không sợ chết, còn dám cả gan rủ cả lão

Nghĩa mắt cá chép "làm giặc". Mặc dù được chữa bằng bánh bao tẩm máu người nhưng cuối cùng thằng Thuyên vẫn không qua khỏi.

- Một buổi sớm mùa xuân, trong tiết thanh minh, tại nghĩa trang, mẹ của Thuyên và mẹ của Hạ Du đều đến thăm mộ con. Hai người rất ngạc nhiên, băn khoăn tự hỏi "Thế này là thế nào?" khi nhìn thấy một vòng hoa đặt trên mộ Hạ Du. Bà mẹ của Thuyên đã bước qua con đường mòn cố hữu ngăn cách giữa nghĩa địa của người chết nghèo và nghĩa địa của người chết chém để sang an ủi mẹ Hạ Du.

4. Ý nghĩa nhan đề truyện ngắn "Thuốc":

- Phương thuốc chữa bệnh lao man rợ của người dân Trung Hoa, cho rằng lấy máu người tử tù tẩm vào bánh bao có thể chữa được bệnh lao. Rốt cuộc con bệnh vẫn chết, chết trong cái không khí ẩm mốc, hôi tanh mùi máu của nước Trung Hoa lạc hậu.
- Phương thuốc chữa bệnh căn bệnh tinh thần của quốc dân Trung Hoa: căn bệnh u mê.
- Tìm một phương thuốc làm cho quần chúng giác ngộ cách mạng và làm cho cách mạng gắn bó với quần chúng.

5. Chủ đề:

Là hồi chuông cảnh báo sự mê muội, đớn hèn của người dân Trung Hoa vào cuối thế kỷ XIX đầu XX và sự cấp thiết phải có một phương thuốc bệnh tinh thần cho quốc dân: làm cho người dân giác ngộ cách mạng và cách mạng gắn bó với nhân dân.

II. TÁC PHẨM:

1. Hình tượng người cách mạng Hạ Du

- Là người chiến sĩ cách mạng " *đi trước buổi bình minh*"

mà quần chúng vẫn còn ngủ mê.

- Hạ Du dũng cảm hiên ngang xả thân vì nghĩa lớn, không hề run sợ trước cái chết.
- Nhưng anh là người chiến sĩ cách mạng cô đơn, không ai hiểu việc anh làm, mọi người cho anh bị điên, người thân cho là anh làm giặc tố giác với chính quyền, mẹ anh cũng nghĩ anh chết oan.
- Máu Hạ Du được người dân tranh nhau mua dùng để chữa bệnh lao.

⇨ Kết cục của Hạ Du xuất phát từ lý do người cách mạng xa dời quần chúng. Khi quần chúng chưa giác ngộ thì máu của người cách mạng đổ ra thật vô nghĩa.

- Vòng hoa trên mộ Hạ Du : khẳng định vẫn còn có những người có lí tưởng như Hạ Du, sẽ tiếp bước Hạ Du trong tương lai.

2. Ý nghĩa hình ảnh vòng hoa trên mộ Hạ Du

- Tấm lòng trân trọng tiếc thương của nhà văn dành cho sự hy sinh của người cách mạng tiên phong.
- Mong mỏi sự thức tỉnh của quần chúng
- Niềm tin, niềm lạc quan vào tiền đồ cách mạng. Máu của người tù cách mạng đã thức tỉnh một bộ phận quần chúng, đã có người hiểu được cái chết vinh quang của họ và nguyện tiếp bước trên con đường cách mạng.

3. Không gian, thời gian nghệ thuật của truyện:

- Không gian nghệ thuật rất dung dị: một quán trà, một pháp trường vắng, một nghĩa địa mộ dày khít với một con đường mòn nhỏ hẹp.

⇨ Không gian hiện thực, đời thường, trầm lắng, tĩnh lặng, chất chứa nỗi niềm.

- Thời gian nghệ thuật có tiến triển:

+ Mở đầu truyện bằng một sớm mùa thu lạnh lẽo, u ám với

hai cái chết của hai người trai trẻ (Hạ Du và Thuyên) một chết chém, một chết bệnh.

⇨ Đó cũng là sự u ám, tàn tạ của xã hội Trung Hoa tăm tối, nặng nề, lạc hậu.

+ Truyện kết thúc vào mùa xuân, tiết thanh minh, hai bà mẹ có chung nỗi đau mất con đã bước qua con đường mòn để sang an ủi nhau.

⇨ Gieo vào lòng người niềm tin , niềm hi vọng về một cuộc sống mới, những thay đổi cho những số phận tối tăm, đau khổ trong tác phẩm.

4. Hình ảnh con đường mòn trong nghĩa trang:

– Con đường phân chia ranh giới giữa nghĩa địa dành cho người chết bệnh và người chết chém.

⇨ Tượng trưng cho định kiến xã hội sai lầm.

– Cuối truyện, phải qua một thời gian giác ngộ hai bà mẹ mới bước qua con đường mòn để đến an ủi nhau.

⇨ Niềm hi vọng vào tiền đồ cách mạng sẽ khai sáng tư tưởng cách mạng cho nhân dân.

SỐ PHẬN CON NGƯỜI -SÔ-LÔ-KHỐP-

I. TÌM HIỂU CHUNG:

1. Những nét chính về cuộc đời, sự nghiệp sáng tác của Sô-lô-khốp:

2. Tóm tắt:

– Tác phẩm kể về cuộc đời của người lính Hồng quân tên

là Xô-cô- lôp. Trước chiến tranh anh có một gia đình hạnh phúc, một vợ và ba con. Chiến tranh bùng nổ, Xô-cô- lôp ra mặt trận, rồi bị thương. Sau đó anh bị bọn pháp xít bắt làm tù binh, phải sống rất khổ cực trong trại tập trung của phát xít Đức hai năm. 1944 anh trốn thoát trở về đơn vị, anh được tin vợ và hai con gái đã bị bom phát xít Đức giết hại. Anh chỉ còn một niềm hy vọng duy nhất là đứa con trai hiện là đại uý pháo binh đang cùng anh tiến đánh Bec-lin. Khi chiến tranh gần kết thúc, Xô-cô-lốp cùng Hồng quân tiến vào Beclin, anh hy vọng sẽ gặp con trai. Nhưng nghiệt ngã thay, con trai anh đã hy sinh đúng vào ngày chiến thắng.

– Chiến tranh kết thúc, anh giải ngũ đến quê hương của một người bạn sinh sống và làm nghề lái xe tải. Tại đây anh gặp bé Va-ni- a, một chú bé cả cha lẫn mẹ đều chết trong chiến tranh. Anh nhận bé làm con, đứa bé ngây thơ tưởng anh là bố đẻ, trái tim anh đã ấm lại phần nào, anh yêu thương và chăm sóc nó chu đáo.

– Rồi chuyện không may xảy ra, anh va vào con bò, con bò không sao còn anh bị tước bằng lái xe. Nỗi đau mất gia đình trong chiến tranh vẫn luôn ám ảnh anh. Hai cha con anh phải thay đổi chỗ ở, đến Ka-sa-rư để tìm cuộc sống mới. Anh luôn giấu mọi nỗi đau để đem lại niềm vui cho Vania.

3. Ý nghĩa tư tưởng của truyện "Số phận con người":

– Khẳng định sức mạnh tiềm ẩn và những cống hiến của nhân dân Nga trong sự nghiệp bảo vệ tổ quốc.

– Ngợi ca, khâm phục và tin tưởng ở những con người có ý chí kiên cường, có tính cách nhân hậu, có nghị lực và niềm tin vào cuộc sống.

– Đồng cảm trước vô vàn khó khăn, trở ngại mà con người phải vượt qua trên con đường vươn tới hạnh phúc tương lai, đồng thời tố cáo mạnh mẽ chiến tranh phi nghĩa.

– Kêu gọi, nhắc nhở xã hội hãy quan tâm đối với cá nhân con người. Cá nhân cống hiến, hi sinh để làm nên lịch sử song lịch sử cũng phải có trách nhiệm với mỗi cá nhân.

II. TÁC PHẨM:

1. Nhân vật Xôcôlốp:

◆ **Phẩm chất kiên cường:**

- Trải qua tấn thảm kịch vì những mất mát đau thương trong và sau chiến tranh (vợ con chết, bản thân bị thương,…)
- Sống kiên cường, vượt lên trên hoàn cảnh, không tuyệt vọng.

◆ **Tấm lòng nhân hậu**:

- Nhận bé Vania là con → xuất phát từ lòng nhân ái.
- Yêu thương chăm sóc bé Vania chu đáo.

◆ **Tấm lòng cao thượng, giàu đức hi sinh**:

- Nén chịu đau thương trong lòng để đem lại niềm vui cho Vania.
- Nói dối vì không muốn làm tổn thương bé Vania.

→ Xôcôlốp tiêu biểu cho vẻ đẹp cao thượng của một tâm hồn Nga kiên cường và nhân hậu.

2. Bé Va-ni-a

– Chiến tranh đã cướp đi gia đình, đẩy em vào hoàn cảnh mồ côi

+ Cha chết trận, mẹ chết bom

+ Không biết quê hương, không người thân thích

– Sống lang thang "ai cho gì ăn nấy", "bạ đâu ngủ đó".

– Thằng bé rách bươm xơ mướp, mặt mũi lấm lem, đầu tóc

rối bù.

⇨ Thằng bé như " Con chim non nớt" đã học cách thở dài của người lớn, mang vẻ mặt tư lự đầy xót thương.

➲ *Tác giả đặt hai số phận bên cạnh nhau, bổ sung cho nhau từ đó làm rõ nghịch cảnh bất hạnh của con người sau chiến tranh.*

Sự nghiệt ngã trong số phận của con người sau chiến tranh không chỉ là tác động của cuộc sống vật chất mà còn là nỗi đau trong lòng không bao giờ có thể chôn vùi hay khỏa lấp được.

3. Khi ngủ, Xô-cô-lốp thường mơ thấy điều gì? Tại sao giấc mơ ấy cứ trở đi trở lại nhiều lần?

– Giấc mơ về vợ, con cứ trở đi trở lại nhiều lần trong giấc ngủ của Xô-cô-lốp.

– Đó là tình yêu thương vô bờ bến của anh đối với vợ con.

– Là nỗi ám ảnh về chiến tranh, là vết thương tinh thần quá lớn mà chiến tranh gây ra không thể chữa lành.

⇨ Tố cáo sâu sắc chiến tranh phi nghĩa.

4. Nhà văn đã nhìn thấy gì khi chia tay bố con Xô-cô-lốp? Ý nghĩa đoạn trữ tình ngoại đề ở cuối tác phẩm.

– *"Hai con người côi cút….tránh làm tổn thương trái tim em bé.*

– Ý nghĩa:

+ Đồng cảm, xót thương trước nỗi đau tinh thần quá lớn mà chiến tranh đã gây ra cho họ.

+ Sự khâm phục và tin tưởng trước tính cách Nga, con người Nga kiên cường và nhân hậu.

+ Nhắn nhủ: Xã hội cần quan tâm hơn tới số phận của những con người "đã chiến đấu vì tổ quốc".

5. Nghệ thuật

– Nghệ thuật kể chuyện: truyện lồng trong truyện, kết hợp

giữa hình tượng nhân vật kể chuyện với người kể chuyện là tác giả.

- Nghệ thuật xây dựng nhân vật: khắc họa tính cách, miêu tả tâm lý.
- Những lời trữ tình ngoại đề của người dẫn chuyện ở phần cuối tác phẩm gây xúc động lớn cho người đọc, phản ánh cuộc sống một cách toàn diện và chân thực hơn.

ÔNG GIÀ VÀ BIỂN CẢ
HÊ-MINH-UÊ

I. TÌM HIỂU CHUNG:

1. Những nét chính về cuộc đời, sự nghiệp sáng tác của Hê-minh-uê

2. Tóm tắt tác phẩm:

- Ông lão Xan- ti- a- gô 74 tuổi thường đánh cá trên vùng biển Nhiệt lưu. Đã 84 ngày ông đi biển cùng chú bé Manôlin mà chẳng kiếm được con cá nào. Đêm ngủ ông vẫn mơ về thời trai trẻ.
- Một ngày kia ông quyết định một mình ra khơi tới vùng "*Giếng lớn"*. Một con cá kiếm khổng lồ cắn câu và kéo con thuyền của ông lão về hướng Tây bắc.
- Sau ba ngày, hai đêm vật lộn với con cá, bằng ý chí và sức chịu đựng phi thường ông mới hạ được con cá.
- Lúc ông lão quay vào bờ, một đàn cá mập đã bao vây, tấn công con cá kiếm. Ông lại phải chiến đấu đơn độc

với cả đàn cá mập hung dữ. Cuối cùng khi đưa được thuyền trở về bến ông chỉ còn bộ xương con cá kiếm trơ trụi. Ông thất thểu vào lều và chìm vào giấc ngủ.

2. Ý nghĩa nhan đề "Ông già và biển cả"

- Gợi lên sự **tương phản** giữa sức lực bé nhỏ của người lao động già và sự vĩ đại của thiên nhiên đã khẳng định:
- Niềm tin vào sức mạnh ý chí, nghị lực và quyết tâm của con người sẽ chiến thắng mọi trở lực của thiên nhiên.
- Cuộc đấu tranh nhọc nhằn và dũng cảm để đạt dược ước mơ và thành quả lao động.
- Thể nghiệm về thành công và thất bại của người nghệ sĩ đơn độc khi theo đuổi giấc mơ sáng tạo.

3. Chủ đề:

- Là bản anh hùng ca về con người lao động, là niềm tin vào ý chí, sức chịu đựng kỳ diệu của con người trước những thử thách.
- Qua cuộc chiến đấu của lão Xan-ti-a-gô, tác giả khẳng định: hãy tin ở con người, con người có thể bị hủy diệt nhưng không bao giờ chịu khuất phục.

II. TÁC PHẨM:

1. Nguyên lí "Tảng băng trôi" thể hiện trong đoạn trích:

❖ ***Phần nổi:***

- Mô tả lần đi câu cuối cùng của ông lão, lần đi câu đầy vẻ vang với thành quả là con cá kiếm khổng lồ, đẹp nhất trong đời.

❖ ***Phần chìm:***

- Hành trình theo đuổi một khát vọng to lớn, vượt ra ngoài khả năng giới hạn của con người. Một bản thiên anh

hùng ca về con người.

– Hành trình khám phá và chinh phục thiên nhiên hoang dã, vượt qua thử thách để đến với thành công của con người:

+ Thiên nhiên đẹp nhưng cũng rất hung bạo, có thể là bạn cũng có thể trở thành kẻ thù của con người.

+ Thành công không bao giờ đến một cách dễ dàng, nó là kết quả của sự nỗ lực, phấn đấu không ngừng nghỉ.

2. Hình tượng con cá kiếm

❖ ***Ý nghĩa biểu tượng của con cá:***

– Con cá mang biểu tượng của hình ảnh thiên nhiên, tiêu biểu của vẻ đẹp, tính chất kiêu hùng, kì vĩ của thiên nhiên

– Trong quan hệ với con người, không phải lúc nào thiên nhiên cũng là kẻ thù, thiên nhiên vừa là bạn vừa là đối thủ

– Con cá mang vẻ đẹp của ước mơ, khát vọng của con người. Ước mơ giản dị, bình thường nhưng cũng rất cao cả mà con người ít nhất một lần theo đuổi trong cuộc đời

❖ ***Hình ảnh con cá kiếm trước và sau khi ông lão chiếm được nó:***

– **Hình ảnh con cá khi chưa bị chiếm lĩnh** là một hình ảnh đẹp, thăng hoa tỏa sáng trước khi chết: *"phóng vút lên khỏi mặt nước phô hết tầm vóc khổng lồ, vẻ đẹp và sức lực"*. Nó chính là biểu tượng của ước mơ mà ông lão đang hướng tới để chinh phục.

– **Hình ảnh con cá khi đã bị chiếm lĩnh** là một con cá nằm ườn mình trên biển với những sắc màu, hình ảnh của cái chết: *"da cá chuyển từ màu gốc, màu tía ánh bạc sang màu trắng bạc…"*. Nó là biểu tượng của hiện thực khi ông lão đã chinh phục. Từ ước mơ sang hiện thực, nó không còn xa vời, khó nắm bắt, và cũng chính vì thế, nó không còn đẹp

đẽ, huy hoàng như trước nữa.

3. Hình tượng ông lão đánh cá Xan-ti-a- gô:

– Ông lão nhỏ bé, đơn độc trong cuộc chiến với con cá kiếm khổng lồ. Nhưng cuối cùng ông lão vẫn thắng nhờ vào sự tinh thông lão luyện trong nghề và quan trọng hơn là nhờ vào niềm tin, ý chí, nghị lực của ông.

– Ý nghĩa biểu tượng:

+ Ngợi ca con người có tâm hồn trong sáng, cao đẹp.

+ Có ý chí và nghị lực kiên cường, không bao giờ đầu hàng trước khó khăn thử thách.

+ Có khát vọng lớn lao, cao cả.

→ Thông điệp*: "Con người có thể bị hủy diệt chứ không thể bị đánh bại".*

4. Hình ảnh những vòng lượn của con cá kiếm:

– Gợi tầm vóc khổng lồ, vẻ đẹp đáng ngưỡng mộ, kiêu dũng của con cá kiếm.

– Gợi hình ảnh một ngư phủ lành nghề, kiên cường.

– Thể hiện những cố gắng cuối cùng rất dữ dội không thua kém gì đối thủ của mình.

→ Đối tượng chinh phục càng khó khăn thì vẻ đẹp của người chinh phục càng được nâng cao./.

……HẾT……